ĐƯỜNG TƯƠNG THANH biên soạn
ĐẠO QUANG dịch

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN ĐỜI



VHSG NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN ĐỜI

Dịch giả: Đạo Quang

GPXB số 783-2009/CXB/23-18/VHSG

QĐXB số 394/QĐ-VHSG

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh

416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

ĐƯỜNG TƯƠNG THANH *biên soạn*
ĐẠO QUANG *dịch*
NGUYỄN MINH TIẾN *hiệu đính*

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN ĐỜI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI NGƯỜI DỊCH

Mỗi tôn giáo đều có cách riêng để giải thích mối quan hệ của những sự việc diễn ra trong cuộc sống, tuy cũng đều khuyên người làm lành lánh dữ nhưng sự lập luận thật không hoàn toàn giống nhau. Chỉ riêng Phật giáo đưa ra thuyết nhân quả báo ứng, phủ nhận mọi yếu tố thưởng phạt siêu hình, mà chỉ dựa vào tính chất thiện ác trong hành vi của tự thân mỗi người. Thuyết nhân quả này từ khi được đức Phật *Thích-ca* thuyết giảng đến nay đã trải qua hơn 25 thế kỷ, ngày càng có nhiều bằng chứng xác thực hơn trong thực tế đời sống và cũng ngày càng tỏ ra gần gũi, phù hợp hơn với những hiểu biết, khám phá mới của khoa học hiện đại. Chính vì thế mà số người hoài nghi về những việc thiện ác báo ứng đã ngày càng giảm hẳn, trong khi số người tin chắc vào nhân quả ngày càng tăng thêm, đặc biệt là còn có không ít người thuộc hàng ngũ các nhà khoa học hiện đại nữa.

Sở dĩ như thế là vì thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo đưa ra một quan điểm thấu triệt và hợp lý hơn hết. Theo quan điểm này thì mỗi một sự việc xảy đến cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống đều có một nguyên nhân sâu xa, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ

những hành vi mà chính ta đã từng thực hiện. Chúng ta không thể mong rằng sẽ gặt hái được những quả báo tốt đẹp nếu như ta chỉ gieo trồng toàn những hạt giống xấu bằng các hành vi xấu ác, trái đạo lý. Ngược lại, nếu ta biết làm lành lánh dữ, thường giúp đỡ người khác thì những điều tốt đẹp sẽ tự nhiên tìm đến với ta, cho dù ta chẳng hề để tâm mong cầu.

Tuy vậy, đối với những sự việc nhân quả báo ứng trải dài trong dòng thời gian vô thủy vô chung thì mỗi chúng ta đều không có khả năng nhận biết hết. Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy những gì đang xảy ra trước mắt mà không thể biết được những gì đã từng xảy ra trong một quá khứ mờ mịt xa xôi. Chính vì vậy mà đã có không ít kẻ lớn tiếng phủ nhận nhân quả để rồi tự mình lao vào những việc làm sai trái, bất chấp đạo lý, rốt cuộc phải chuốc lấy những nghiệp quả nặng nề, đau khổ.

Tập truyện này sẽ mang đến cho các bạn những bằng chứng hiển nhiên về nhân quả đã từng xảy ra và được người xưa ghi chép lại. Với những chi tiết cụ thể và xác thực được ghi nhận trong từng trường hợp, đây chắc chắn sẽ là những chứng cứ thuyết phục để chúng ta thấy rõ rằng lời dạy của ông cha ta từ nhiều đời nay quả thật không hề sai trái. Đó chính là đạo lý căn bản trong sự hành xử ở đời: "*Gieo gió gặt bão, ở hiền gặp lành.*"

Theo đạo Phật, luật nhân quả không chỉ giới hạn trong một đời sống hiện tại này, mà là một quy luật chi phối trong suốt dòng thời gian, hay nói một cách khác là có sự liên hệ chặt chẽ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Chính vì vậy, có những hành vi gieo nhân mang đến kết quả tức thời trước mắt, hoặc ngay trong đời sống này, gọi là *hiện báo*; nhưng cũng có những hành vi được thực hiện trong đời sống này mà qua đời sống kế tiếp mới nhận lãnh quả báo, gọi là *sanh báo*; lại cũng có những hành vi được thực hiện trong đời sống này nhưng phải qua 2, 3 hoặc nhiều đời sống sau đó mới nhận lãnh quả báo, gọi là *hậu báo*.

Mặc dù có sự khác nhau về sự nhận lãnh quả báo như thế, nhưng qua tất cả các trường hợp nhân quả báo ứng chúng ta có thể thấy được một nguyên lý nhất quán là một khi đã tạo nghiệp thì không thể tránh đâu cho khỏi sự báo ứng. Đây chính là lời Phật dạy trong kinh Pháp cú:

“Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.”

(Kệ số 127,
bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu)

Và cũng chính do ý nghĩa này mà đức Phật dạy rằng:

Giả sử bách thiên kiếp,
Sở tác nghiệp bất vong,
Nhân duyên hội ngộ thời,
Quả báo hoàn tự thọ.

Tạm dịch:

Dù trải trăm ngàn kiếp,
Nghiệp đã *tạo không mất.*
Khi nhân duyên đầy đủ,
Phải tự chịu quả báo.

Do có sự khác nhau về nhân duyên nên không phải mọi hành vi đều có quả báo như nhau, cho dù dưới mắt người đời chúng có vẻ như không khác gì nhau. Hơn thế nữa, sự khởi tâm của người tạo nghiệp cũng đóng một vai trò quyết định. Chẳng hạn, một hành vi cố ý làm hại người khác sẽ mang đến một quả báo nặng nề hơn so với một hành vi vô tình gây hại cho người khác.

Khi biên soạn tập truyện này, tiên sinh Đường Tương Thanh hẳn đã có ý muốn giúp cho những ai còn hoài nghi về vấn đề nhân quả báo ứng sẽ không còn hoài nghi, bởi những câu chuyện được ghi chép lại nơi đây là những bằng chứng rất rõ ràng khiến cho mọi người không sao ngờ vực được nữa.

Nhận thấy sự lợi ích và tính chất giáo dục luân lý đạo đức rất cao của tập truyện này nên chúng tôi không ngại sở học kém cỏi đã cố gắng hết sức để chuyển dịch sang Việt ngữ, ngõ hầu có thể mang lại đôi chút kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao và phát huy tính hướng thiện cho tất cả mọi người. Hơn thế nữa, với rất nhiều tình tiết thú vị trong những câu chuyện kể, chắc chắn quý độc giả sẽ có được những giây phút thư giãn đầy hứng khởi khi đọc qua tập sách này.

Mong sao những tấm gương của người xưa vẫn có thể giúp nhiều người đời nay sớm thức tỉnh và quay về con đường hướng thiện. Nếu được vậy thì đây chính là niềm vui lớn lao nhất dành cho người dịch.

Nam mô A-di-đà Phật!
Đạo Quang
cẩn chí

LÝ SĨ KHIÊM THÍCH BỐ THÍ

Vào đời Tùy có vị cư sĩ tên Lý Sĩ Khiêm, từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Ông mồ côi cha từ bé, rồi sau khi mẫu thân theo cha về thế giới bên kia thì ông buồn thương thọ tang thủ hiếu trọn ba năm. Kỳ hạn thọ tang vừa xong liền sửa sang ngôi nhà đang ở thành một ngôi chùa, và từ đó lập chí nguyện không tiếp tục làm quan nữa. Cả đời ông không hề nhấm môi dù chỉ một giọt rượu, không ăn thịt cá, hành vi lúc nào cũng đoan chính, khẩu nghiệp hết sức thanh tịnh, từ xưa đến nay chưa từng nói ra lời nào có liên quan đến sự giết hại.

Tiên sinh được kế thừa gia sản kếch xù do cha mẹ để lại nhưng sự sinh hoạt, chi tiêu hằng ngày lại tiết kiệm, dè sẻn hơn cả người nghèo. Ông mặc y phục thô cũ, ăn cơm rau đạm bạc, lúc nào cũng xem việc giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, nghèo đói là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Nếu trong thôn xóm có gia đình nào khó khăn, chẳng hạn như người chết không có quan tài, tiên sinh

liền bố thí quan tài. Anh em cãi nhau vì phân chia tài sản không đồng đều, ông tự lấy tiền nhà thêm vào cho đủ chia để không ai thấy thiệt thòi. Cũng không ít trường hợp khi đó cả hai anh em đều cảm động và xấu hổ, tự thay đổi tâm tánh không còn tranh chấp mà biết nhường nhịn lẫn nhau, yêu thương và tha thứ cho nhau, nhờ đó mà cả hai đều trở thành người tốt.

Một hôm, tiên sinh phát hiện có người đang cắt trộm lúa trong ruộng của mình. Ông chẳng những không hô hoán để bắt tên trộm, ngược lại chỉ lặng lẽ bỏ tránh đi nơi khác. Mọi người trong gia đình thấy khó hiểu trước hành động của tiên sinh liền theo hỏi, ông giải thích:

- Con người không ai không có sĩ diện, nào ai thích làm kẻ trộm? Nhưng bởi thiên tai hoạn họa, nghèo đói bức bách nên mới bất đắc dĩ rơi vào đường xấu. Do đó chúng ta nên khoan dung tha thứ cho anh ta đi!

Không lâu sau, người cắt trộm lúa biết được tấm lòng nhân từ của tiên sinh, cảm động sâu sắc liền phát tâm hối cải, từ đó thề với lòng thà chết đói chứ không làm kẻ trộm nữa. Quả thật, nhờ đó mà anh trở thành người tốt.

Một năm nọ, mất mùa đói kém, rất nhiều người rơi vào cảnh thiếu trước hụt sau, gia đình đói khát. Lý tiên sinh liền mở kho xuất hơn ngàn bao tạ lúa để cứu

giúp dân chúng. Đến năm sau, mùa màng lại tiếp tục thất bát, những người mượn nợ năm trước đều không đủ khả năng trả nợ, cùng kéo đến nhà Lý tiên sinh xin khất nợ. Lý tiên sinh chẳng những không một lời làm khó mà còn nấu cơm thết đãi, sau đó đem tất cả giấy nợ ra đốt sạch và nói mọi người một cách hết sức từ ái:

- Ngũ cốc trong nhà tôi được chứa trữ vốn là để cứu tế, giúp đỡ mọi người khi hoạn nạn, tuyệt đối không có ý đầu cơ để thừa nước đục thả câu. Hiện tại nợ nần của các vị đã hết, vậy mọi người hãy yên tâm làm ăn đừng nên lo lắng nữa!

Mấy năm sau, lại tiếp tục gặp năm mất mùa rất nặng nề, Lý tiên sinh đem hết tất cả gia sản ra để tổ chức việc bố thí lương thực với qui mô lớn, cứu sống hơn vạn người đang đứng trước cái chết vì đói thiếu.

Mùa xuân năm sau, Lý tiên sinh lại tiếp tục bố thí một số lượng rất lớn hạt giống để giúp nông dân trồng tỉa vụ mùa mới.

Có người thấy việc làm của tiên sinh như thế, liền nói:

- Lý tiên sinh! Ông đã cứu sống được rất nhiều người, quả thật âm đức không nhỏ!

Ông cười xòa đáp:

- Ý nghĩa của âm đức cũng giống như việc bị ù tai, chỉ bản thân mình biết, người khác không nghe biết được. Hiện tại những việc tôi đã làm, anh đều biết cả, như vậy sao có thể gọi là âm đức được chứ?

Sau đó, con cháu của Lý tiên sinh đều làm ăn phát đạt, mọi người cho rằng đây là quả báo tích đức của tiên sinh. Nhưng lúc đó lại có người không tin đạo lý nhân quả, đưa ra lập luận rằng chẳng có sách vở thánh hiền nào ghi chép về nhân quả cả. Lý tiên sinh ôn tồn nói:

- Ông sai rồi, đức Khổng Tử tán thán Kinh Dịch, mà trong Kinh Dịch có nói: "*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.*" (Nhà tích chứa điều thiện ắt sẽ có niềm vui; nhà tích chứa điều bất thiện ắt sẽ gặp tai ương). Như vậy có thể thấy trong sách Nho cũng nói đến đạo lý nhân quả, sao bảo là không?

Người đó hiểu ra, rất thán phục sở học của tiên sinh, lại thưa hỏi về chỗ khác biệt giữa Tam giáo. Lý tiên sinh giải thích:

- Phật giáo giống như mặt trời, Đạo giáo giống như ánh trăng, Nho giáo giống như những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời.



..... Lý Sĩ Khiêm đem tất cả giấy nợ của mọi người đốt sạch, nói với họ một cách hết sức từ ái: " Hiện tại nợ nần của các vị đã hết, vậy mọi người hãy yên tâm làm ăn đừng nên lo lắng nữa!"

Người ấy nghe được những lý luận cao thâm của Lý tiên sinh bỗng chốc liền khởi tâm hoan hỉ, tin phục.

Vào năm 66 tuổi, Lý tiên sinh thuận theo lẽ vô thường, an nhiên xả bỏ xác thân. Người người nghe tin đều đau buồn khóc than thảm thiết. Người đến tham dự lễ tang và tiễn đưa linh cữu có đến hơn hàng vạn.

Một đời của Lý Sĩ Khiêm được nuôi dưỡng trong giáo lý giải thoát của Phật-đà, thấm nhuần Phật pháp, cho nên đối với gia đình hết lòng hiếu thuận song thân, làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ, tình thương; còn đối với xã hội cũng thực hành hạnh nguyện lợi tha rộng lớn, cứu độ chúng sinh chẳng khác hàng Bồ Tát. Ông đã mang toàn bộ tài sản của mình ra để thực hành hạnh bố thí, song trong lòng không khởi chút ý niệm tham cầu danh thơm tiếng tốt hay kể lể công lao. Hành động này có thể nói là những người bình thường không dễ gì làm được. Tấm gương cuộc đời của Lý tiên sinh có thể nói là: "Sống được mọi người kính mến, lúc chết được mọi người thương xót."

(trích *Tùy Sử - truyện Lý Sĩ Khiêm*)

THẦY GIÁO HẾT LÒNG GIÚP NGƯỜI

Tỉnh Giang Tây có tiên sinh Thư Lão dạy trường tư thục, có xây dựng các trường tư thục ở hai tỉnh Hồ Nam và Quảng Đông, lấy việc dạy học làm niềm vui và kế mưu sinh.

Ngày nọ, tiên sinh cùng với rất nhiều người đồng hương Giang Tây đáp thuyền trở về làng. Lúc thuyền vừa cặp bến, tiên sinh lên bờ tản bộ, hốt nhiên nghe có tiếng khóc rất thê thảm liền đến gần để xem, thì ra đó là tiếng khóc của một người thiếu phụ vào độ tuổi trung niên.

Tiên sinh Thư Lão liền gạn hỏi nguyên do vì sao cô ta lại khóc lóc bi ai như vậy. Người thiếu phụ đáp:

- Chồng tôi thiếu quan phủ 13 lượng bạc, hiện nay quan phủ thúc ép rất gấp, cho nên vạn bất đắc dĩ đành phải bán tôi cho người khác lấy tiền trả nợ. Nhưng nếu tôi bị bán đi, nhất định đứa con mới chào đời sẽ chết vì không có sữa bú. Thưa tiên sinh, như vậy bảo tôi làm sao không đau lòng xót dạ?

Nói xong, nàng ta không cầm được lòng, tiếp tục khóc nức nở. Thư Lão bèn an ủi:

- Chúng tôi cùng đi trên thuyền đều là các thầy giáo trường tư thục, gốc ở Giang Tây, chỉ cần mỗi người giúp cô một lượng bạc thì có thể giải quyết xong vấn đề này rồi. Cô hãy lau nước mắt đi, không nên khóc lóc như vậy nữa.

Nói xong, tiên sinh trở về thuyền kêu gọi bạn bè, nhưng mọi người không ai chịu bỏ tiền ra. Tiên sinh Thư Lão bèn gom hết tiền bạc dành dụm được trong suốt hai năm dạy học, vừa đúng 13 lượng bạc, đưa cả cho người thiếu phụ đang gặp hoàn cảnh bi đát kia.

Công đức của số bạc này thật không thể nói hết, đã cứu sống được cả một gia đình. Người thiếu phụ rơi lệ vui mừng, nói lời cảm tạ rồi ra đi.

Nhưng thuyền chưa về đến Giang Tây mà lương thực mang theo của Thư Lão đã hết, mà tiền thì đã mang ra giúp người hết sạch. Lúc đó, những người đi chung thuyền đều chế nhạo ông:

- Liệu mình đủ sức mới có thể cứu người! Không ai lại ngu ngốc đến như ông, tiền ăn của mình còn chưa đủ mà dám mang ra đưa hết cho người khác. Bây giờ có chịu đói khát cũng chỉ có thể tự trách mình thôi.

Dù vậy, trong số những người đi chung thuyền ấy vẫn còn có một người nhận biết được điều hay lẽ phải,



..... thầy giáo Thư Lão lấy tiền đưa cho cô, an ủi: "Cô hãy lau nước mắt đi, không nên khóc lóc như vậy nữa."

rất thán phục việc làm hy sinh cao cả của ông. Vì thế, cứ đến bữa ăn thì người ấy đều đến mời tiên sinh cùng ăn.

Nhưng Thư Lão phải ăn nhờ cơm người khác, làm sao có thể dám ăn no? Vì thế mà phải cam chịu đói khát trong suốt lộ trình hai ngày.

Về đến nhà, Thư Lão vội bảo vợ:

- Tôi đói quá, mau nấu cơm cho tôi ăn.

Người vợ thở dài nói nhà không còn gạo, vẫn đang đợi ông mang tiền về để mua. Thư Lão đành bảo vợ sang nhà hàng xóm mượn, nhưng vợ ông nói:

- Tôi vốn đã mượn của hàng xóm rất nhiều rồi, lại hứa khi ông về là có tiền, nhất định sẽ trả hết nợ nần cho họ. Bây giờ ông đã về mà nợ cũ còn chưa trả, có lý nào họ lại tiếp tục cho tôi mượn?

Tiên sinh Thư Lão liền kể lại tường tận chuyện mình đem tiền dành dụm được trong mấy năm qua để giúp đỡ người thiếu phụ nghèo gặp cảnh khốn cùng cho vợ nghe. Người vợ nghe xong vui vẻ nói:

- Nếu đã như vậy, giờ tôi sẽ vào núi hái ít rau dại về, chúng ta cùng ăn qua bữa cũng không sao.

Nói xong, liền xách giỏ tre đi thẳng vào núi. Nhưng lúc ấy đang mùa khô, tìm chẳng có rau gì ngon ngọt,

chỉ hái được một ít rau đắng cằn cỗi, đành mang về nhà nấu luôn cả rễ, rồi hai vợ chồng cùng vui vẻ ngồi ăn với nhau.

Tối hôm đó, hai vợ chồng đang ngủ bỗng nghe có tiếng nói trên không trung:

- Vợ chồng Thư Lão biết làm thiện tích phước, hôm nay phải ăn rau đắng, năm sau ắt sinh được trạng nguyên.

Cả hai vợ chồng đều nghe rất rõ giọng nói ấy, vội vàng tung chăn bước xuống giường, quì gối chắp tay hướng lên không trung bái tạ.

Năm sau, quả nhiên người vợ sinh được một cậu con trai kháu khỉnh, đặt tên là Tố Phương. Về sau lớn lên thi đỗ trạng nguyên, đúng như lời báo trước!

(trích *Đức dục cổ giám*)

GIA LUẬT SỞ TÀI CAN VUA

Gia Luật Sở Tài là đại thần nổi tiếng triều Nguyên. Ông học rộng biết nhiều, bình sinh không có sách vở nào lại chưa từng nghiên cứu qua, học vấn uyên thâm, lại đặc biệt tinh thông kinh luận Phật giáo...

Nguyên Thái tổ Thành Cát Tư Hãn mỗi khi xuất binh, trước tiên đều mời Sở Tài đến để thỉnh vấn. Những sự luận bàn phân tích của tiên sinh thảy đều sâu xa và ứng nghiệm như thần, cho nên Thành Cát Tư Hãn hết sức kính trọng và tin cậy.

Có một lần, quân Nguyên chinh phạt phía đông Ấn Độ, hành quân đến Thiết Môn Quan thì phát hiện một con thú rất kì lạ, chỉ có một sừng, thân hình giống như nai, đuôi lại giống như ngựa, biết nói tiếng người, bảo người thị vệ của Nguyên Thái tổ rằng:

- Không nên tiến công vào vùng này, hãy xin hoàng đế của ông sớm ra lệnh thu binh mới là thượng sách.

Thành Cát Tư Hãn nghe báo việc này cảm thấy hết sức kinh ngạc và khó hiểu, liền thỉnh giáo Sở Tài. Sở Tài đáp:

- Muôn tâu bệ hạ! Đây là con thú tốt lành, người ta gọi nó là giác thụy, có khả năng nói tất cả các thứ tiếng, biết yêu thích sự sống, chán ghét cái chết. Đây là điềm lành ngầm ý bảo hoàng thượng hãy thuận theo lòng trời, thực tập từ bi, bảo hộ bá tính vạn dân và sinh mạng của muôn vật.

Thành Cát Tư Hãn nghe tiên sinh nói thế, lập tức ra lệnh rút binh về nước.

Lúc đó, phần lớn quan sử ở các châu quận đều bạo ngược vô đạo, thường giết người một cách vô tội vạ, thậm chí xảo trá lấy vợ người, cướp đoạt tài sản... Sở Tài nghe biết tình hình chính trị ở các nơi đồi bại như thế, không cầm được nỗi đau rơi lệ... Tiên sinh liền dâng biểu lên Nguyên Thái tổ xin hạ lệnh chấn chỉnh quan sử các châu quận, nghiêm cấm việc xâm hại dân chúng và tùy tiện giết người, lại yêu cầu tất cả các trường hợp dùng đến án tử hình đều phải trình lên hoàng đế xét duyệt, nếu ai trái lệnh sẽ bị xử chém.

Sau khi Nguyên Thái tổ chuẩn y và ra chiếu chỉ, hành động bạo ác của quan sử ở các địa phương mới dần dần giảm bớt.

Lúc Nguyên Thái tổ xuất binh Nam chinh, Sở Tài dâng sớ xin phát lời kêu gọi những người trong hàng ngũ quân địch đầu hàng, đồng thời đề xuất ý kiến dùng

cờ đầu hàng để phát cho những người chịu hàng thuận, rồi cho phép họ trở về quê hương chứ không giết hại, do đó bảo toàn được rất nhiều sinh mạng, mà việc chinh phạt cũng trở nên dễ dàng hơn vì giảm bớt sự kháng cự.

Sau đó, Nguyên Thái tổ mang quân đánh Biện Lương (nay là Khai Phong, Hà Nam), vị tướng cầm binh vì muốn trả thù sự chống trả quyết liệt của người Kim nên muốn ra lệnh phóng hỏa thiêu rụi cả thành, không để ai sống sót. Sở Tài biết chuyện liền lập tức dâng sớ lên Nguyên Thái tổ nói rõ:

"Mục đích xuất chinh của hoàng thượng là vì muốn mở rộng bờ cõi và nhân dân. Nếu như chúng ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy mình chỉ được đất chứ không được người, thế thì đâu có tác dụng gì?"

Thành Cát Tư Hãn xem tấu sớ rồi vẫn còn do dự chưa quyết định, Sở Tài liền tiếp tục trực tiếp can ngăn:

- Tâu bệ hạ, trong thành này có biết bao những công trình kì xảo xinh đẹp, biết bao ngôi nhà chứa đầy vàng bạc châu báu, nếu như ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy sẽ chẳng thu hoạch được gì cả, há không đáng tiếc lắm sao?

Nguyên Thái tổ ngẫm nghĩ một lát, cho rằng lời của tiên sinh rất hợp lý, liền bác bỏ đề nghị đốt thành, lại



...... Nguyên thái tổ nghe lời can gián của Gia Luật Sở Tài liền hạ lệnh không thiêu hủy toàn thành nữa.

hạ lệnh chỉ bắt tội những người chống đối, còn những ai đã quy thuận thì không truy cứu nữa. Nhờ đó đã bảo toàn được gần 150 vạn mạng người.

Lúc đó, số tù binh vượt ngục rất nhiều, quân Nguyên liền hạ lệnh bất cứ ai che giấu hoặc giúp đỡ tù binh chạy trốn đều bị giết sạch cả nhà. Sở Tài lại dâng sớ tâu lên Nguyên Thái tổ:

“Ngày nay Hà Nam đã được bình định, dân chúng đều là con của hoàng thượng. Những người tù binh vượt ngục cũng không biết trốn về nơi đâu, lẽ nào chỉ vì một người bỏ trốn mà giết oan rất nhiều người vô tội?”

Nguyên Thái tổ xem xong tấu sớ của Sở Tài, lập tức bãi bỏ mệnh lệnh đã ban ra.

Sở Tài hầu cận bên vua, thường dùng lời mềm dẻo khuyên can mọi việc, giúp cho việc trị nước của vua được thêm phần nhân đức. Ông giữ chức Trung thư lệnh, sau khi chết được truy phong là Quảng Ninh Vương. Con trai ông làm tới chức Tả thừa tướng, 11 người cháu cũng đều được làm quan lớn.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký*)

NHAN PHU NHÂN QUẢ QUYẾT CỨU NGƯỜI

Nhan thái phu nhân là mẹ của tiên sinh Nhan Tịnh Phủ, sống vào triều đại nhà Thanh. Bà có bản tính từ ái, biết cách dạy bảo con cái, có thể nói là một người mẹ mẫu mực.

Khi Nhan Tịnh Phủ bắt đầu bước vào con đường làm quan được bổ làm tri huyện Bình Độ, thuộc Sơn Đông, nổi tiếng thanh liêm, nhân từ, chính trực, công bằng. Nhan phu nhân được tiên sinh rước về phủ để sớm hôm hầu hạ phụng dưỡng. Bà thường dạy con phải biết yêu thương dân chúng, xem nỗi khổ của người dân như nỗi khổ của chính mình.

Có một năm vào đời vua Càn Long, Nhan Tịnh Phủ có việc công phải đi đến tỉnh Tấn vào khoảng tháng 5, bất ngờ ở huyện Bình Độ lại xảy ra lũ lụt, nhà cửa ruộng vườn của người dân đều bị nhận chìm trong nước. Nhân dân bỏ nhà cửa, làng mạc chạy vào thành lánh nạn lụt như ong vỡ tổ, số đông đến cả vạn người. Không ngờ càng ngày mưa lại càng lớn, nước dâng mỗi ngày một cao, ngay cả huyện thành cũng sắp bị cơn

hồng thủy nuốt chửng. Do lụt lội kéo dài, người dân phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, đói khát không có gì ăn, tiếng than khóc chấn động cả đất trời.

Lúc đó, vì không có quan tri huyện trong thành nên các quan thuộc trong phủ chỉ biết khoanh tay đứng nhìn. Nhan thái phu nhân thấy tình hình cấp bách như thế liền chủ trương mở kho chứa trữ lương thực của huyện để cứu tế dân bị nạn. Tuy nhiên, theo luật pháp thời bấy giờ qui định thì lương thực chứa trong kho của huyện muốn xuất ra phải được phép của vị quan cấp tỉnh. Vì thế, các quan trong huyện không ai dám nghe theo chủ trương của phu nhân. Phu nhân liền giải thích:

- Mục đích lập nên kho chứa trữ lương thực vốn để cứu tế dân chúng khi gặp hoạn nạn. Hiện trước mắt chúng ta có hàng vạn người dân đang bị đói khát, mạng sống chẳng khác nào đèn treo trước gió, nếu cứ cố chấp theo qui định, báo lên quan trên rồi chờ lệnh thì e rằng có rất nhiều người dân đã biến thành quỉ đói. Chuyện này nếu bị quan trên hỏi tội, tôi xin đứng ra gánh hết trách nhiệm, tuyệt đối không để liên lụy đến các vị. Hơn nữa, chỉ riêng gia sản nhà ta cũng không nhỏ, nếu quan trên có truy cứu thì ta sẽ bán ruộng vườn, nhà cửa để bồi thường.

Nhưng các quan thuộc vẫn hết sức lo sợ có chuyện lôi thôi về sau nên không ai dám mở miệng tán thành.



...... các quan trong huyện liền nghe theo ý của phu nhân, dân chúng được cứu tế reo vui dậy cả đất trời.

Thấy vậy, Nhan phu nhân lại nói hết sức quả quyết:

- Nếu có việc gì một mình ta xin gánh vác, các vị tuyệt đối an tâm, không nên sợ liên lụy.

Mọi người thấy lòng kiên quyết của Nhan phu nhân như vậy, không thể không tuân lệnh, lập tức mở kho lương thực phân phát cho dân chúng bị nạn. Trong chốc lát dân chúng reo vui dậy cả đất trời, mọi người đều được thoát qua cảnh đói khát. Những gia đình giàu có trong thành đều cảm động trước tấm lòng Bồ Tát của Nhan thái phu nhân nên không ai bảo ai cùng vui vẻ góp thêm lương thực vào việc cứu tế.

Bảy ngày sau, nước lụt đã rút dần, lương thực cũng đã cạn. Lúc đó, tri huyện họ Nhan nghe tin huyện nhà xảy ra lụt lội vội vàng thu xếp trở về. Các quan thuộc cấp liền bẩm báo việc mở kho lương thực cứu tế người dân lên quan tri huyện. Nhan Tri huyện nghe xong vui vẻ mỉm cười bảo mọi người:

- Mẹ ta bảo các vị làm như vậy là đúng.

Ông liền lập tức soạn thảo bản văn trình bày tường tận sự việc lên quan tỉnh; đồng thời sai người về quê bán hết tài sản, chuẩn bị để đền bù vào số lương thực đã xuất ra khỏi kho mà không có lệnh của tỉnh.

Sau khi sự việc được trình lên cấp trên, quan trưởng cấp tỉnh xem qua kinh hãi vô cùng, liền cấp báo về

triều đình xin xem xét tội danh tự ý mở kho lương thực, đồng thời ra lệnh điều tra quan tri huyện.

Không ngờ hoàng thượng rất sáng suốt, nghe qua sự việc liền hết lời ngợi khen việc làm của mẹ con Nhan thị, lập tức hạ chiếu không cần tra cứu chuyện tự ý mở kho lương thực, cũng không bắt phải đền bù lương thực vào kho, lại còn ban tặng cho Nhan thái phu nhân một tấm hoành phi để khen ngợi.

Nhan Tịnh Phủ từ đó càng ra sức làm thiện, thương yêu dân chúng như con đẻ. Sau đó ông được bổ làm Tri phủ Nam Phủ, không lâu sau lại thăng chức Tuần phủ tỉnh Quý Châu.

Con trai ông là Nhan Kiểm giữ chức Bộ tào được thăng lên đến chức Lệ tổng đốc; cháu ông là Nhan Bá Đảo xuất thân từ hàn lâm, sau đó nhậm chức Tổng đốc Phúc Kiến; ngoài ra còn rất nhiều cháu chắt của ông cũng đều được vinh hiển. Tất cả đều là phước báo do Nhan thái phu nhân biết dạy con tích chứa điều lành.

(trích *Tọa Hoa Chí Quả*)

KHÉO TU TRONG CHỐN PHỦ ĐƯỜNG

Tiên sinh Hồ Phong Ông là cha của Thái thú Hồ Hướng Sơn, sống vào triều Thanh. Ông đảm nhiệm chức quan Giám sát ở huyện Kim Sơn, tỉnh Giang Tô, có phẩm hạnh cao thượng, thuần khiết, công minh chính đại, từ trước đến nay chưa từng làm bất cứ chuyện gì mờ ám.

Năm ấy, tại huyện Kim Sơn xảy ra một vụ trộm cướp tài sản được xem là rất nghiêm trọng vì người bị mất tài sản đã thiệt mạng. Huyện quan ra lệnh truy lùng, kết quả bắt được 2 tên chủ mưu và hơn 30 người tòng phạm.

Luật pháp thời ấy quy định hết sức nghiêm khắc, những kẻ phạm tội giết người cướp của thì dù là chủ mưu hay tòng phạm cũng đều phải xử chém như nhau. Nhưng tiên sinh Hồ Phong Ông sau khi điều tra kỹ vụ án này thì biết được hơn 30 người tòng phạm đều là những người nghèo đói thất nghiệp, trong cảnh khốn cùng nên mới nhất thời sa vào con đường phạm pháp. Trong khi vụ trộm xảy ra, chủ nhà phát hiện nhưng thấy bọn trộm quá đông nên không dám manh động,

bèn lẻn ra cửa sau chạy đi báo quan. Không may hôm đó trời tối đen như mực, ông ta không nhìn thấy đường đi, vấp ngã xuống một cái hố cạn bên đường mà chết.

Hồ Phong Ông sau khi hiểu rõ sự tình, không nỡ nhìn thấy những người nghèo khổ kia bị chém đầu nên phán quyết chỉ xử chém hai tên chủ mưu, còn những người khác phạt đi lao dịch ở biên giới. Quan huyện xem qua bản án liền cho rằng phán quyết như vậy quá nhẹ. Tiên sinh ôn tồn giải thích:

- Tuy trong vụ án trộm cướp này có người thiệt mạng, nhưng điều tra kỹ thấy những kẻ tòng phạm trước đây đều chưa từng phạm pháp, do nghèo khổ bức bách nên mới nhất thời sai lầm; còn người chết là do nguyên nhân phóng chạy lầm đường trong lúc tối trời, té ngã mà chết, khám nghiệm thi thể không có dấu vết đánh đập hay dao chém, như vậy không thể xem là tội cố ý giết người. Với sự tình như vậy, làm sao có thể một lúc giết sạch 30 mạng người?

Nhưng quan huyện sợ bị quan trên quở trách nên không dám phê chuẩn phán quyết của Hồ Phong Ông. Phong Ông lại cố sức thuyết phục:

- Nếu như bị quan trên quở trách việc này, đại nhân cứ bắt tôi giải lên quan tỉnh, khép tôi vào tội phóng thích tội nhân cũng được.

Quan huyện nghe Hồ Phong Ông nói quyết như thế hết sức cảm động, ôn tồn nói:

- Ông vì mạng sống của người khác mà bất chấp mạng sống của chính mình, làm sao tôi có thể không chuẩn thuận?

Liền phê chuẩn phán quyết của Hồ Phong Ông và ra lệnh y theo đó thực hiện.

Khi hồ sơ vụ án này được trình lên quan trên, quả nhiên quan Tuần phủ không tán thành với phán quyết như vậy, liền ra lệnh mở cuộc điều tra lại và yêu cầu quan huyện phải giải trình rõ sự việc.

Hồ Phong Ông liền soạn một bản văn trình bày rõ lý do đã đưa ra phán quyết như vậy, rồi gửi lên quan Tuần phủ. Nhưng quan phủ vẫn không cho là hợp lý, lại tiếp tục phái người về cật vấn. Qua ba lần bảy lượt trình tấu, quan Tuần phủ cuối cùng hạ lệnh triệu người xử án, đồng thời triệu cả quan huyện cùng đến phủ đường để đích thân tra xét.

Quan huyện sợ xanh mặt, liền đổ hết tội lỗi lên đầu Hồ Phong Ông. Nhưng Phong Ông tự thấy việc mình làm không thẹn với lòng nên hết sức bình tĩnh, thản nhiên cùng quan huyện đi đến phủ đường. Tiên sinh còn trấn an quan huyện:

- Nếu quan phủ khép tội đồng lõa với tội phạm, tôi sẽ đứng ra nhận hết tội này, xin đại nhân cứ yên tâm!

Quan huyện khi ấy mới cảm thấy yên tâm phần nào. Khi đến trước phủ đường, quan Tuần phủ lập tức trách mắng quan huyện đã không làm đúng trách nhiệm của mình, xem nhẹ kỉ cương pháp luật. Tuần phủ khi ấy lời nói khó chịu, sắc mặt giận dữ, quan huyện chỉ biết cúi đầu không dám biện bạch gì. Tuần phủ lại cật vấn:

- Ông mới nhậm chức chưa được bao lâu, hẳn là có ai bảo ông làm như thế?

Quan huyện nghe hỏi thì mừng rỡ như người lạc đường tìm được lối ra, vội vã thưa lên:

- Xin đại nhân minh xét, tất cả vụ án này quả là do Hồ phán quan xét xử, hạ quan không thể làm khác được.

Tuần phủ liền quát hỏi:

- Vậy họ Hồ có đến cùng ông không?

- Thưa có! Hiện ông ấy đang đứng chờ ngoài cửa.

Tuần phủ cười nhạt nói:

- Ta đã sớm nghi vụ án này có uẩn khúc. Hẳn là các ông đã nhận hối lộ nên cố tình xử nhẹ bọn tội phạm. Ta nhất định sẽ làm rõ.

Tuần phủ liền sai người triệu gấp Hồ Phong Ông vào công đường, vặn hỏi một cách khó chịu:

- Ông đảm nhiệm chức phán quan, lẽ nào không biết luật pháp quy định những vụ án trộm cướp gây chết người thì không phân biệt chủ mưu hay tòng phạm đều phải xử tội chết chém?

Hồ Phong Ông vẫn không hề sợ sệt, bình tĩnh đáp:

- Thưa đại nhân! Hạ quan có biết luật pháp quy định như vậy, nhưng vụ án này có nhiều điểm khác biệt, không thể không xem xét kỹ trước khi phán xử tội chết.

Vừa nghe nói vậy, quan Tuần phủ càng tức giận hơn nữa, mặt ông chuyển từ đỏ sang tái, run run đôi môi, tay chân bắt đầu chuyển động, quát hỏi:

- Nếu đã xác định là trộm cắp, giết người cướp của thì còn có gì gọi là khác biệt?

Hồ Phong Ông ôn tồn giải thích:

- Xin đại nhân minh xét! Đối với bọn trộm cướp cố tình giết người cướp của thì cố nhiên không thể tha thứ, nhất định phải xử tội chết. Nhưng trong vụ án này, tất cả những người tòng phạm đi theo bọn chủ mưu đều là dân nghèo thất nghiệp, do nghèo đói bức bách mới nhất thời lầm lỗi. Hơn nữa, nạn nhân bị chết là do trên đường đi báo quan, trời tối chạy nhanh vấp ngã xuống hố mà chết chứ không có dấu vết bị đánh đập hay đâm chém, như vậy không phải do kẻ trộm cố



....chẳng có nguyên nhân nào khác, chỉ là hạ quan đang thực tập tu hành trong chốn quan trường......

sát. Căn cứ vào những tình tiết như vậy nên thiết nghĩ không thể cứng nhắc theo quy định của pháp luật mà giết chết một lúc 30 mạng người.

Tuần phủ nghe Hồ Phong Ông biện luận như thế thì trong lòng đã nhận hiểu được sự việc, nhưng vẫn giả vờ hùng hổ đập bàn quát:

- Ông đã nhận tiền hối lộ của bọn tội phạm kia bao nhiêu mà dám xảo ngôn lừa bịp cả ta? Nếu không thành thật khai báo, ta sẽ cho ông nếm mùi cực hình.

Hồ Phong Ông vẫn bình tĩnh ứng đáp:

- Thưa đại nhân! Có đất trời làm chứng, nếu nói hạ quan cố ý xin giảm nhẹ tội cho bọn tòng phạm, quả thật hạ quan không dám phủ nhận; còn nếu nói hạ quan nhận hối lộ của bọn chúng thì tuyệt đối không hề có. Cho dù không sợ pháp luật trừng trị thì hạ quan cũng không thể làm trái với lương tâm của mình.

Tuần phủ nghe xong, đột nhiên mỉm cười vặn hỏi tiếp:

- Ông nếu thật không nhận hối lộ của bọn chúng, vậy tại sao lại xử nhẹ như thế?

Hồ Phong Ông im lặng không trả lời. Tuần phủ gạn hỏi thêm lần nữa, tiên sinh mới ôn tồn đáp:

- Thưa đại nhân! Vốn chẳng có nguyên nhân nào khác, chỉ là hạ quan đang thực hành việc tu tập trong chốn quan trường.

Quan Tuần phủ trong lòng nhận biết những gì Hồ Phong Ông nói đều rất hợp đạo lý, thể hiện một tấm lòng nhân đức, chính trực, liền gọi ông đến gần để quan sát thật kỹ, quả nhiên thấy rõ người này dung mạo hết sức hiền từ, phong cách thư thái, làm cho người khác phải cảm thấy ấm áp thân thiện khi gần gũi tiếp xúc. Quan Tuần phủ khi ấy liền vui vẻ cười hỏi tiên sinh:

- Ông có mấy người con, hiện tại đang làm gì?

Hồ Phong Ông đáp:

- Hạ quan có bốn người con, đứa con đầu may mắn đã thi đỗ cử nhân thượng khoa, ba đứa còn lại vẫn còn đang học.

Quan Tuần phủ nghiêm giọng nói:

- Ông quả là rất khéo tu tập trong chốn quan trường, ta tự xét mình không bằng ông được. Nay vụ án trộm cắp này ta quyết định phê chuẩn theo phán quyết của ông. Lòng từ bi, trí tuệ và sự dũng cảm của ông đã cứu sống một lúc 30 mạng người, ta quả thật chưa làm được việc gì có thể so bì với ông được!

Kết thúc vụ án, như vậy chỉ xử chém hai tên chủ mưu, 30 người còn lại đều được thoát chết.

Năm sau, con trai Hồ Phong Ông là Hồ Hướng Sơn thi đậu tiến sĩ. Người con thứ hai và thứ ba về sau cũng đều đỗ đạt làm quan. Người con trai út còn tỏ ra tài năng xuất chúng hơn hẳn nên ngay trong lúc còn đi học đã được vua ban thưởng. Cho đến nhiều đời sau, con cháu của Hồ Phong Ông đều nối nhau đỗ đạt vinh hiển.

(trích *Tọa Hoa Chí Quả*)

MỘT LỜI CỨU VẠN NGƯỜI

Khoảng niên hiệu Càn Long triều Thanh, tỉnh Giang Tô bị thiên tai đói kém, quan tri huyện Giang Âm không biết cách trị dân, dẫn đến dân chúng lầm than phát sinh bạo loạn, rất nhiều nơi nổi dậy chống đối. Tri huyện liền bẩm báo tình hình biến loạn lên quan Tuần phủ.

Quan Tuần phủ đích thân xuống huyện Giang Âm. Lúc vừa đến Thường Châu, quan tri huyện đã cùng với vị thẩm phán Thường Châu lúc bấy giờ là Phí Hạc Đình ra tận bờ sông đón rước.

Tuần phủ thấy dung mạo của thẩm phán họ Phí hết sức thanh tú khác thường, phong thái tỏ rõ học vấn uyên thâm, đạo đức cao thượng, liền cho mời đến bàn bạc việc công. Quan Tuần phủ nói:

- Hiện tên cầm đầu và bè đảng hơn 10 người trong cuộc nổi loạn ở Giang Âm đều đã bị bắt. Theo luật pháp hiện nay thì những ai tham gia trong việc nổi loạn đều phải xử tội chết, nên số dân đã nổi loạn giờ đây hết sức lo sợ hoang mang. Ông giữ chức thẩm phán đã nhiều năm, nhất định có nhiều kinh nghiệm phán xét. Vậy theo ông thì số dân nghèo đói nổi loạn ở huyện Giang Âm này có nên xử tội chết cả không?

Phí thẩm phán không trả lời ngay mà hỏi ngược lại:

- Theo đại nhân thì việc chấp hành nghiêm theo pháp luật có cần xét đến yếu tố đạo đức không?

- Xin lão tiên sinh nói rõ hơn ý này, sau đó tôi sẽ quyết định.

Phí thẩm phán thưa:

- Nếu người dân làm phản với ý đồ lật đổ triều đình, đương nhiên phải nghiêm trị. Nhưng theo hạ quan được biết, việc dân chúng nổi loạn ở Giang Âm chỉ là do hoàn cảnh nghèo đói bức bách, bị kẻ xấu kích động nên nghĩ rằng làm như thế để được phân phát lương thực cho đủ ăn, chứ họ không có ý chống đối triều đình. Nếu khép họ vào tội làm phản và xử chém thì tỏ ra không thấu rõ nội tình, lại đi ngược với đạo đức. Theo ý hạ quan thì trong việc này chỉ có tên cầm đầu xúi giục là đáng tội chết, những kẻ trực tiếp trợ giúp phải nghiêm trị, còn những người dân bị kích động nhất thời hùa theo thì nên tha bổng, đừng truy cứu nữa. Tình hình hiện nay dân chúng khắp nơi đều đang đói khổ, nếu ta lạm sát những người nổi loạn sẽ khiến cho dân tình càng thêm hoảng loạn, khó ổn định hơn. Hơn nữa, mạng người là rất quý, nếu có thể tha được thì nên tha, đó gọi là có xét đến yếu tố đạo đức, nhưng cũng là cách tốt nhất hiện nay để trấn an lòng dân.



“... mạng người là rất quý, nếu có thể tha được thì nên tha, đó gọi là có xét đến yếu tố đạo đức...”

Những lời của Phí thẩm phán thật rõ ràng dứt khoát, lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, lại được nói ra một cách tự tin và thuyết phục, khiến người nghe không thể không thán phục.

Quan Tuần phủ nghe xong gật đầu khen ngợi, quyết định làm theo đề nghị của Phí thẩm phán, chỉ xử chém tên cầm đầu, phạt đày ra biên ải hơn 10 tên phụ tá, số dân thường còn lại không truy cứu.

Lúc bấy giờ, nhân dân trong huyện đều bảo nhau rằng chỉ một lời nói của Phí thẩm phán đã cứu được mạng sống của cả vạn người, ai nấy đều ca ngợi.

Về sau, con trai của Phí Hạc Đinh từ chức Phó cống được thăng vượt cấp lên chức Đồng thương đạo; cháu ông làm quan tới chức Tuần phủ, còn bản thân ông cũng nhiều lần được phong các tước vị *Quang lục đại phu*, *Chấn uy tướng quân*... Đời đời con cháu về sau đều có địa vị cao trong xã hội.

(trích *Tọa Hoa Chí Quả*)

CỨU NGƯỜI ĐƯỢC TĂNG TUỔI THỌ

Vương Chí Nhân là một thương nhân người An Huy, tuổi đời đã quá 40, tuy công việc buôn bán được thuận buồm xuôi gió, tiền của tích chứa ngày một nhiều, song điều đáng tiếc là vẫn chưa có được đứa con nào, khiến cho cảnh nhà tuy giàu có mà không khỏi phải quạnh hiu, buồn bã.

Theo quan niệm thời xưa, việc không có con nối dõi tông đường là điều tối kỵ. Vì thế, Vương Chí Nhân ngày đêm lo lắng, lòng dạ như lửa đốt, mỗi khi nghe ai nói có nơi nào cầu đảo linh thiêng đều cất công tìm đến, nhưng nhiều lần như vậy mà không có kết quả gì.

Một hôm, có vị thầy tướng số lỡ đường ghé vào cửa tiệm của Vương Chí Nhân xin ngủ trọ. Vương Chí Nhân tiếp đãi rất chu đáo. Trước khi chia tay, thầy tướng nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

- Lẽ ra tôi không thể nói việc này, nhưng thấy ông là người nhân đức hiền hậu, chỉ mới gặp tôi lần đầu mà đã hết lòng giúp đỡ. Chút tình tri ngộ này tôi không thể không báo đáp, vậy có mấy lời mong ông ghi nhớ. Tướng mạo của ông cho thấy là trong đời này ông không thể có

con, vậy ông nên từ bỏ mọi sự cầu đảo, đừng phí công vô ích. Hơn nữa, trong mắt ông có nhiều ám khí, chỉ trong vài tháng tới đây nhất định sẽ gặp tai họa lớn, tính mạng khó bảo toàn. Ông nên cẩn thận giữ gìn.

Vương Chí Nhân nghe qua mấy lời này thì không cầm được nỗi lo sợ, mặt biến sắc, mồ hôi ướt đẫm cả thân, cảm thấy tất cả những gì mình có trong đời đều là vô nghĩa, vì đã không còn hy vọng có con nối dõi, mà mạng sống cũng chẳng còn được bao lâu. Ngay hôm đó liền đóng cửa tiệm, chuẩn bị hành lý lên đường trở về nhà.

Trên đường về nhà, ông tạm nghỉ nơi một quán trọ nhỏ ven đường. Lúc đó đang là mùa mưa, suốt từ đầu hôm đến gần giữa khuya trời nổi gió lớn, mưa đổ xuống như trút nước khiến căn nhà trọ như bị lung lay từng hồi theo những luồng gió giật.

Khoảng nửa đêm thì mưa gió mới ngừng tạnh. Vương Chí Nhân trằn trọc mãi vẫn không tài nào chợp mắt được, lòng miên man suy nghĩ về những lời của thầy tướng số. Hồi lâu liền mở cửa nhìn ra ngoài, thấy trời quang mưa tạnh, trăng sáng vằng vặc. Mấy chậu hoa trước sân quán trọ đua nhau tỏa hương khắp nơi, trên cành lá vẫn còn lưu lại những giọt nước mưa long lanh dưới ánh trăng sáng, trông đẹp lạ kỳ.

Phong cảnh tú lệ sau cơn mưa dưới ánh trăng càng thêm thanh thoát vô cùng, cảnh đêm tịch mịch càng làm cho lòng người thêm hứng khởi, Vương Chí Nhân liền mở cửa bước ra ngoài đi dạo một lát. Ông thong thả bước từng bước nhẹ nhàng ra hướng bờ sông, bỗng nhiên từ xa thoáng thấy một người thiếu phụ tay ôm đứa bé cùng nhảy xuống sông. Vương Chí Nhân kinh hãi vô cùng, định nhảy xuống sông cứu người nhưng sực nhớ lại là mình không biết bơi. Đang lúc hoảng hốt liền ngẩng đầu nhìn quanh, thấy gần đó có mấy chiếc thuyền của dân chài, Vương Chí Nhân liền cất tiếng la lớn kêu cứu. Nhưng ông la đã khản cổ mà người trên thuyền chỉ thấy bước ra mạn thuyền đứng xem, dường như chẳng ai nghĩ đến việc cứu người. Vương Chí Nhân liền nói lớn: “Nếu ai cứu được người dưới sông sẽ được trả 20 lượng vàng.”

Vừa nghe ông nói như vậy, rất nhiều người dân chài liền tranh nhau chèo thuyền đến, cuối cùng cứu sống được người thiếu phụ và em bé.

Vương Chí Nhân giữ lời hứa trao đủ số vàng 20 lượng cho người cứu được mẹ con thiếu phụ kia. Sau đó ông mới quay sang hỏi người thiếu phụ xem duyên cớ vì sao lại ôm con nhảy xuống sông như thế. Người thiếu nữ khóc lóc kể rằng:

- Chồng tôi quanh năm đi làm thuê cho người ta kiếm sống, trong nhà nuôi được một con heo, định bán

để trả tiền thuê nhà. Hôm qua có người mua heo đi ngang qua nhà, tôi gọi vào bán. Sau khi ông ta đi rồi mới phát hiện số bạc ông ấy đưa toàn là bạc giả. Tính chồng tôi rất nóng nảy, nếu chàng biết được sẽ đánh tôi chết mất! Hơn nữa nhà tôi lại quá nghèo, nay gặp việc này không biết lấy đâu ra tiền trả tiền thuê nhà, cũng chẳng có tiền nuôi con, tôi chỉ còn cách ôm con nhảy xuống sông chết quách cho xong!



...... rất nhiều người dân chài liền tranh nhau chèo thuyền đến, cuối cùng cứu sống được người thiếu phụ...

Vương Chí Nhân nghe cô kể lể sự việc thì động lòng trắc ẩn, thương xót vô cùng, không hỏi thêm một lời nào, lặng lẽ dốc hết số bạc mang theo còn lại trong túi đưa cho cô và nói:

- Số bạc này tuy không lớn lắm nhưng chắc cũng đủ để vợ chồng cô làm vốn buôn bán nhỏ mà sinh sống. Cô nên nghe lời tôi, trở về nói thật với chồng, đừng nghĩ quẩn nữa.

Thiếu phụ mừng rỡ vô cùng, hết lời cảm tạ ơn cứu mạng của Vương tiên sinh. Cô lập tức trở về nhà, cũng đúng lúc người chồng đi làm thuê ở xa vừa về đến. Thiếu phụ kể lại một cách tường tận chuyện bán heo bị lừa lấy phải bạc giả và cả chuyện mình vì sợ trách mắng nên ôm con nhảy xuống sông tự vẫn, sau đó gặp vị ân nhân ra tay cứu giúp cho chồng nghe.

Người chồng nghe xong cũng hết sức cảm động, liền bảo vợ lập tức đưa mình đến quán trọ để cảm ơn Vương tiên sinh.

Lúc hai vợ chồng họ đến quán trọ, trời đã quá khuya, không gian tĩnh mịch như tờ, mọi người đang chìm sâu trong giấc ngủ. Vương Chí Nhân cũng đã đóng cửa an giấc nồng, người thiếu phụ liền gõ cửa và nhỏ nhẹ gọi Vương tiên sinh. Vương tiên sinh nhận ra giọng nói của thiếu phụ lúc nãy, liền ngồi thẳng trên giường trả lời với giọng hết sức nghiêm túc:

- Cô là gái đã có chồng, tôi lại đang ở một mình, làm sao có thể gặp mặt nhau vào lúc nửa đêm khuya khoắt như thế này? Cô hãy mau trở về nhà đi!

Người chồng đứng bên nghe vậy liền nói lớn:

- Thưa ân nhân, cả hai vợ chồng chúng tôi cùng đến đây để cảm tạ đại ân đại đức của ân nhân.

Vương Chí Nhân nghe có giọng nói của người đàn ông thì không còn hiềm nghi gì nữa, mới khoác áo bước xuống giường đẩy cửa bước ra ngoài để mời vào. Ngờ đâu đúng vào lúc đó bỗng nghe trong phòng có tiếng động rất lớn, khiến cả ba người đều giật mình. Nhìn lại trong phòng thì hóa ra một cây xà gỗ lớn trên mái nhà đã rơi xuống đè bẹp ngay trên chiếc giường của Vương tiên sinh vừa nằm lúc nãy. Vương Chí Nhân kinh hãi nói lớn:

- Ôi chao! Nguy hiểm thật! Nếu không có hai người gõ cửa gọi tôi ra, nhất định tôi đã bị đè chết rồi! Thật cảm ơn hai người!

Hai vợ chồng người thiếu phụ đồng thanh nói:

- Chúng tôi nào có công gì, đây quả là ông trời có mắt, tiên sinh ở hiền gặp lành nên mới thoát được đại nạn đó!

Vương Chí Nhân trở về nhà, bỏ hẳn công việc buôn bán, nghỉ ngơi luôn mấy tháng, trong lòng vẫn chưa

hết lo sợ về lời cảnh báo của thầy tướng số, song vẫn cứ bình an vô sự không thấy gì xảy ra. Nhưng rồi cứ nằm nhà mãi không có việc gì làm cũng đâm ra buồn chán nên ông quyết định mở lại cửa tiệm buôn bán.

Gần một năm sau, một hôm bỗng nhiên gặp lại thầy tướng số cũ. Vương tiên sinh nhớ đến lời tiên đoán của ông ta liền mời vào cửa tiệm, vừa cười vừa nói:

- Năm ngoái ông có lời đoán tướng mạo của tôi, tôi vẫn tin ông nên rất lo sẽ có tai họa xảy tới. Đừng nói là



...... Nếu không có hai người gõ cửa gọi tôi ra, nhất định tôi đã bị đè chết rồi!

trong vòng vài tháng, tôi chờ đến nay đã hơn một năm rồi mà có thấy tai họa gì đâu. Ông không nói đùa với tôi đấy chứ?

Thầy tướng số nghiêm nét mặt, quan sát Vương Chí Nhân hồi lâu rồi mới nói:

- Tôi vốn xem ông là người tốt, làm sao có thể dám nói lời đùa cợt? Sự thật là khí sắc của ông ngày nay đã hoàn toàn thay đổi, chắc chắn ông đã làm được một việc gì rất tốt đẹp, như cứu sống mạng người chẳng hạn. Ông hãy tự soi gương mà xem, ngày trước râu ria của ông chỉ như mấy sợi lông tơ, nay bỗng nhiên mọc ra rậm rạp, giọng nói trầm hùng, tia mắt lại chiếu sáng lấp lánh không còn ám khí. Cứ theo tướng mạo lúc này mà nói thì ông chắc chắn không chỉ có nhiều con mà sẽ còn được tăng thêm tuổi thọ nữa.

Vương Chí Nhân nghe nói hết sức vui mừng, niềm hy vọng có con nối dõi lại bắt đầu nhen nhúm. Quả nhiên, chỉ ngay trong năm đó vợ ông đã sinh được một người con trai, rồi những năm sau đó lại lần lượt sinh thêm 3 người con trai nữa.

Về sau, Vương Chí Nhân sống thọ đến 96 tuổi mới an nhiên lìa trần.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

CHUYỂN TƯỚNG XẤU THÀNH TỐT

Tào Bân là vị đại tướng nổi tiếng triều Tống, giúp Tống Thái Tổ bình định thiên hạ, có công lao chinh chiến rất lớn. Có một lần, Tào Bân gặp Trần Hi Di là một người có học vấn rất uyên bác, giỏi xem tướng thuật. Ông này xem qua tướng mạo của Tào Bân rồi nói:

- Hai bên thành xương của ông lồi lên, ấn đường rộng, mắt dài phóng ánh sáng, chắc chắn sớm trở nên giàu có, song có tướng xấu là quai hàm cao, miệng trệ, xem ra ông không được hưởng phước khi tuổi già. Cứ theo đây mà nói, mỗi khi xuất binh chinh chiến ông nên đối xử khoan hồng, gieo trồng phước đức cho lúc tuổi già.

Tào Bân nghe Trần Hi Di nói liền cúi đầu cảm tạ, ghi nhớ lời ấy.

Một lần, khi Tào Bân xuất trận, phó tướng Toại Ninh và rất nhiều tướng sĩ thuộc hạ đều chủ trương giết sạch dân trong thành để thị uy. Tào Bân biết được liền ra lệnh nghiêm cấm giết hại dân lành, cấm xâm hại phụ nữ hoặc cướp bóc tài sản của dân. Sau khi

chiến sự kết thúc, ông còn cấp lương thực cho những người xa quê muốn trở về, dân chúng không ai không cảm tạ tấm lòng nhân đức của ông.

Sau đó, Tào Bân nhận lệnh dẫn binh đánh Giang Nam. Bởi không nỡ nhìn thấy cảnh dân tình khốn khổ lầm than vì chiến cuộc nên ông cáo bệnh không đi. Các võ tướng dưới quyền ông lúc đó đều kéo đến thăm hỏi bệnh tình của ông trước khi xuất chinh. Tào Bân nói với tất cả những người đến thăm bệnh:

- Bệnh của tôi không thuốc gì chữa khỏi, nhưng chỉ cần tất cả anh em thành tâm thành ý cùng thề rằng ngày tiến công Giang Nam tuyệt đối không được tùy tiện giết hại dân lành, như thế thì bệnh của tôi sẽ tự nhiên thuyên giảm thôi.

Các tướng sĩ vốn hết sức kính trọng Tào Bân, nên họ liền cùng nhau phát lời thệ nguyện đúng như vậy. Đến ngày đánh Giang Nam, nhờ đó mà có vô số dân thường được thoát khỏi sự lạm sát. Tấm lòng từ bi của vị tướng quân họ Tào được truyền rộng khắp Giang Nam, dân chúng ai nấy đều cảm kích. Vì thế, mọi người cùng rủ nhau mang lương thực đi đón quân triều đình. Sức chống cự của phản quân vì thế rất yếu ớt. Nhờ vậy mà trận chiến này không phải tốn hao nhiều nhân mạng, hơn nữa còn bảo vệ được tài sản của nhân dân không bị tàn phá.

Sau đó ít lâu, Tào Bân có dịp tình cờ gặp lại Trần Hi Di. Ông ta nhìn tiên sinh một lúc rồi nói:

- Lạ thật! Năm trước tôi xem tướng của ông thấy quai hàm cao miệng trệ, lúc đó tôi khẳng định ông không có phước về già, nhưng hiện tại đã biến đổi, miệng mép đầy đặn xinh đẹp, ánh kim quang thù diệu



...... Tào Bân tiên sinh nói với các tướng sĩ: "Bệnh của tôi không thuốc gì chữa trị khỏi, chỉ cần các anh em thành tâm thành ý cùng thề, ngày tiến công Giang Nam, tuyệt đối không được tùy tiện giết hại dân lành, như thế bệnh của tôi sẽ thuyên giảm."

nhìn thấy khắp mặt và râu tóc, nhất định sẽ được sống lâu nhiều phước lộc.

Tào Bân hỏi lại:

- Sao gọi là kim quang?

- Đó là ánh sáng hiển hiện của phước đức, nếu người có âm đức thì mặt hiện ánh sáng màu vàng y, mắt sáng, cả khuôn mặt đều tỏa ra khí sắc tốt lành. Người như vậy không chỉ tăng tuổi thọ, con cháu nhiều đời về sau cũng đều hưởng nhờ phước đức.

Quả nhiên, về già Tào Bân sống trong cảnh an nhàn thư thái, lúc ra đi cũng hết sức nhẹ nhàng, thọ 69 tuổi, sau khi chết được truy phong tước hiệu *Tế Dương quận vương*. Tiên sinh có cả thảy 9 người con trai, con trưởng là Vĩ, con thứ là Tông, con thứ ba là Xán, đều là những tướng lãnh nổi tiếng; nhiều đời con cháu về sau đều vinh hiển không ai sánh.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký*, *Đức Dục Cổ Giám* và *Pháp Tướng Bí Truyện*)

CHỊU ĐÓI GIÚP NGƯỜI

Dương Tự Trừng là người huyện Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, làm chức giám ngục trong nha huyện. Lúc nào tâm ý của tiên sinh cũng hết sức nhân từ, đối xử với mọi người đều trung hậu, làm việc gì cũng tuân thủ nội qui, đúng pháp luật. Ông đặc biệt quản lý tội nhân hết sức công bằng và rộng lượng. Nhưng quan huyện bấy giờ tính tình rất hung dữ, tàn khốc, khi hỏi cung tội phạm thì sắc mặt hùng hổ như muốn ăn tươi nuốt sống phạm nhân, thậm chí có khi còn dùng đến cực hình. Vào thời ấy, nha huyện cũng chính là cơ quan chấp pháp hành hình.

Một hôm, quan huyện bắt được một tội phạm. Ông cho rằng tên tội phạm này tính tình độc ác, liền ra lệnh cho lính canh bắt người ấy phải quì xuống, sau đó dùng gậy đánh mạnh vào người y cho đến khi khắp người máu me lai láng, cảnh tượng thật bi thảm không dám nhìn.

Người bị đánh quằn quại đau đớn bởi cực hình, song vẫn không chịu khuất phục, do đó càng làm cho quan huyện nổi trận lôi đình, tiếp tục ra lệnh đánh.

Dương Tự Trừng không thể chịu được, bèn quì xuống xin quan huyện hãy tha cho người đó. Quan huyện trừng mắt nói:

- Người này phạm pháp, lại không khuất phục khi bị hình phạt, dù tình dù lý đều khiến cho người ta phải tức giận.

Dương Tự Trừng lại ôn tồn nói với quan huyện:

- Người xưa có dạy: "Đối với dân ngu muội phạm vào pháp luật, bậc thánh nhân thấu tình đạt lý sao có thể sinh lòng vui vẻ mà không thương xót?" Thưa đại nhân, vui còn không được, sao có thể tức giận?

Quan huyện nghe tiên sinh nói xong, trong lòng cảm thấy hết sức cảm động và cũng có phần nào xấu hổ, liền nén cơn giận trong lòng xuống, ra lệnh ngừng cực hình.

Gia đình của Dương Tự Trừng tuy hết sức nghèo khó nhưng ông không hề nhận bất cứ quà biếu gì của ai, càng không bao giờ tham lam nhận của hối lộ. Ngược lại, mỗi khi nhìn thấy phạm nhân ăn không đủ no, chịu cảnh đói khát, ông còn thương xót luôn nghĩ cách giúp đỡ.

Một hôm, lính huyện dẫn đến một số phạm nhân mới. Tất cả đều bị bỏ đói từ mấy hôm trước vì lương thực dành cho phạm nhân chưa được chuyển đến kịp. Lúc đó, trong nhà giam cũng không thể kiếm đâu ra thức ăn. Dương Tự Trừng nhìn thấy các phạm nhân mới đến bị đói đến nỗi bước đi xiêu vẹo, rồi nằm thoi thóp thật đáng thương. Tiên sinh liền nghĩ cách để giúp

họ, nhưng hiện tại trong nhà tiên sinh cũng không có nhiều gạo nên không biết phải làm sao.

Thế là tiên sinh liền trở về bàn bạc với vợ. Người vợ hỏi:

- Phạm nhân từ đâu đến?

- Đều từ Hàng Châu giải đến, đi thuyền suốt cả ngày đêm song không có gì ăn, do đó ai cũng đói đến nỗi ù tai hoa mắt, hơi thở yếu ớt, đáng thương lắm!

Người vợ nghe chồng nói như vậy cũng đồng tình thương xót. Hai vợ chồng quyết định mang hết số gạo



... những tù nhân này... đã mấy ngày liên tiếp không được ăn uống. Dương Tự Trừng bảo vợ mang hết số gạo còn lại trong nhà ra nấu cháo cho họ ăn.

hiện có trong nhà ra để cứu giúp phạm nhân. Dù biết là làm như thế thì hai vợ chồng sẽ phải chịu đói, nhưng nghĩ đến sự đói khổ mà những phạm nhân đang phải chịu nên vợ chồng ông vẫn quyết ý làm.

Suốt đời tiên sinh làm được rất nhiều việc phước thiện, thường không tiếc công sức giúp đỡ những người khốn khó. Về sau, quả nhiên con cháu của tiên sinh đều hiển đạt. Người con trưởng là Thủ Trần, con thứ là Thủ Chỉ đều làm đến chức quan Lại bộ thị lang; cháu đích tôn là Mậu Nguyên giữ chức Hình bộ thị lang; người cháu thứ tên Mậu Nhân làm Tuần sát sử ở Tứ Xuyên, đều là những đại thần nổi tiếng.

Sách Đức Dục Cổ Giám có lời khen ngợi tiên sinh Dương Tự Trừng rằng:

"Làm người cai ngục mà có khả năng tích đức hành thiện, thu hoạch được phước báo như thế. Tại sao người xưa nói rằng trong chốn công môn tu hành rất tốt? Vì ở đó lúc nào cũng có những cảnh tượng thẩm tra tội phạm, nhiều khi người nghèo lại bị liên lụy, người oan khuất lại bị kết án khổ sai, người ngu dốt bị khinh khi, người yếu thế bị áp bức, kêu trời khóc đất chẳng biết tỏ cùng ai. Nếu người trong nha môn biết thấu tình đạt lý, muôn dân sẽ được nhờ, có thể cứu tế những gian khổ nguy cấp, giúp đỡ khoan dung cho người, tuy rất khó làm nhưng kết quả vượt xa hơn việc lành của người đời trong cuộc sống bình thường."

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

LÀM LÀNH ĐƯỢC BÁO ĐÁP

Ai đã từng học qua sách *Tam tự kinh* đều biết câu: "*Đậu Yên Sơn, hữu nghĩa phương; giáo ngũ tử, danh câu dương.*" Sự tích Đậu Yên Sơn được nhắc đến ở đây chính là một câu chuyện nhân quả báo ứng rất xác thật, xin được kể lại dưới đây để mọi người chiêm nghiệm.

Đậu Vũ Quân là người U Châu, sống vào khoảng cuối đời Tấn. Vì U Châu thuộc nước Yên nên còn gọi là Yên Sơn. Vũ Quân mồ côi cha thuở bé, bao nỗi nhọc nhằn lo toan đều đè nặng trên đôi vai gầy của mẹ.

Vũ Quân là người chí hiếu, xưa nay chưa từng dám trái lời mẹ. Vào thời đó, thanh niên khoảng 20 tuổi đều đã kết hôn, và nếu đến năm 30 tuổi mà vẫn chưa có con nối dõi tông đường thì nhất định cảm thấy bồn chồn lo lắng. Vũ Quân đã hơn 30 tuổi mà vẫn chưa có con nên không khỏi ngày đêm lo lắng.

Bỗng một đêm nọ, tiên sinh nằm mộng thấy ông nội đã chết hiện về nói:

- Vũ Quân, đời trước cháu đã gây tạo nghiệp ác rất nặng, nên vận mạng của cháu trong đời này chẳng

những không có con mà tuổi thọ cũng rất ngắn ngủi. Mong cháu sớm hồi tâm hướng thiện, nỗ lực làm nhiều việc lành, cứu giúp mọi người, nhờ đó có thể chuyển biến nghiệp lực, cải đổi vận mạng.

Vũ Quân giật mình tỉnh giấc, ngồi nhớ lại và ghi sâu từng lời nói của ông nội vào lòng, từ đó lập chí không làm các việc ác, chuyên tâm làm các việc lành.

Nhà họ Đậu có một người làm thuê, lén trộm của Vũ Quân đến hai vạn tiền vàng. Vì sợ Vũ Quân phát giác truy tố, liền tự ý viết một tờ giấy nợ ghi đủ số tiền vàng, buộc lên tay đứa con gái nhỏ của mình, trong đó ghi rõ: "Tôi bán đứa con gái này cho nhà họ Đậu để trừ số nợ đã vay." Rồi người ấy bỏ đứa con gái lại mà trốn đi biệt dạng.

Vũ Quân phát giác ra sự việc, liền đốt bỏ tờ giấy nợ, từ đó nuôi dưỡng, dạy dỗ đứa con gái của người kia một cách hết sức tử tế, về sau còn lo chu đáo cả việc lập gia đình cho nó nữa.

Một lần, nhân dịp tết Nguyên đán Vũ Quân đến chùa Diên Khánh lễ Phật, bỗng thấy bên vách điện Phật có một cái túi nhỏ, nhặt lên xem thì phát hiện bên trong có 200 lượng bạc, 30 lượng vàng. Vũ Quân suy nghĩ, chắc chắn số tiền vàng này là của khách hành hương nào đó bỏ quên, khi phát hiện mất tiền nhất

định sẽ quay lại tìm. Nghĩ vậy, tiên sinh liền ngồi lại trong chùa đợi người chủ mất tiền đến để trả lại.

Đợi rất lâu, quả nhiên thấy có một người đi đến, vừa đi vừa khóc than thảm thiết. Vũ Quân hỏi duyên cớ vì sao mà khóc than thảm thiết như thế, người ấy đáp:

- Phụ thân của tôi phạm tội bị kết án tử hình, tôi vất vả chạy đông chạy tây hỏi mượn bà con bạn bè mới được 200 lượng bạc, 30 lượng vàng, vừa đủ số nộp cho quan phủ để chuộc mạng cho cha. Nào ngờ tôi lại sơ ý đánh rơi túi tiền lúc nào không biết, như vậy cha tôi ắt không thoát khỏi cái chết. Tôi đang trở lại tìm kiếm những nơi vừa đi qua sáng nay, nhưng quả tình không thể biết được là đánh rơi ở nơi nào.

Vũ Quân xác định được người này đúng là chủ nhân của số tiền mình đã nhặt được, bèn mang trả lại cho ông ta. Người ấy nhận lại được số tiền đã mất, vui mừng khôn xiết, hết lời cảm tạ rồi ra đi.

Đậu Vũ Quân tuy còn trẻ tuổi mà đã nỗ lực làm được rất nhiều việc tốt. Những khi trong làng xóm có tang sự mà không đủ tiền mua quan tài, tiên sinh liền giúp tiền cho thân nhân để mua. Đối với người người nghèo khổ, khốn khó, tiên sinh thường cho mượn tiền làm vốn để buôn bán lập nghiệp, nhờ đó có rất nhiều người nghèo khổ ở khắp nơi nhờ sự giúp đỡ này mới



...... Đậu Vũ Quân trả lại túi tiền cho người mất, để anh ta chuộc mạng cho cha.

duy trì được cuộc sống. Hơn thế nữa, để có tiền cứu giúp những người nghèo khổ, tiên sinh phải tự mình hết sức tiết kiệm trong sinh hoạt của gia đình và bản thân, không bao giờ lãng phí dù chỉ một đồng tiền. Tất cả thu nhập hằng năm, ngoài chi phí tối thiểu cho gia đình ra còn tất cả đều dùng vào việc cứu giúp người khác.

Tiên sinh đã xây dựng được 40 thư viện, trong đó có hơn ngàn quyển sách quý; còn mở trường dạy miễn phí cho con em trong làng, mời các thầy giáo nổi tiếng đến dạy học. Nhờ đó đã đào tạo được rất nhiều nhân tài ưu tú đóng góp cho xã hội.

Trải qua nhiều năm như vậy, một đêm nọ Đậu Vũ Quân lại nằm mộng thấy ông nội hiện về nói:

- Cháu đã làm được rất nhiều việc tốt, tích chứa nhiều âm đức, nhờ đó mà tuổi thọ sẽ được tăng thêm, đồng thời sẽ sinh được 5 người con trai, ngày sau đều thành đạt.

Từ đó về sau, Đậu Vũ Quân càng nỗ lực tu thân tích đức. Sau đó quả nhiên sinh được 5 người con trai, gia đình hòa thuận thương yêu nhau, con cái hết lòng hiếu kính cha mẹ. Cả năm người con ấy về sau đều thi đậu tiến sĩ. Con trai lớn nhất là Đậu Nghi làm tới chức Thượng thư; con trai thứ là Đậu Nghiễm làm chức Hàn lâm học sĩ; con trai thứ ba là Đậu Xưng làm quan

Tham tri chính sự; con trai thứ tư là Đậu Khản giữ chức Khởi cư lang; con trai thứ 5 là Đậu Hi giữ chức Tả bổ khuyết. Cho đến những người cháu của Vũ Quân về sau cũng đều hiển đạt giàu sang. Bản thân Đậu Vũ Quân cũng làm tới chức Gián nghị đại phu, hưởng thọ 82 tuổi, trước khi lâm chung được biết trước ngày giờ, từ biệt bạn bè và người thân, tắm rửa thay y phục rồi an nhiên nhẹ nhàng ra đi.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký*)

SINH LÀM CON ĐỂ ĐỀN ƠN

Thái Tiểu Hà lúc tuổi còn trẻ đã làm đến chức Bố chính ti tại Thiểm Tây. Khi ấy có vị tri huyện già ở một huyện nọ, vì tuổi cao sức yếu, nhiều bệnh tật nên xin về hưu.

Khi vị tri huyện mới đến thay thế liền phát hiện tri huyện cũ đã làm thâm hụt ngân quĩ đến ba ngàn đồng tiền vàng. Pháp luật lúc đó hết sức nghiêm khắc, người làm thâm hụt công quỹ từ một trăm đồng tiền vàng trở lên sẽ bị tịch thu hết tài sản hiện có và bắt giam vào ngục, nếu trong thời gian quy định mà gia đình không đủ sức bồi hoàn thì sẽ phải chịu tội tử hình.

Nhưng vị tri huyện ấy làm quan hết sức thanh liêm. Sở dĩ có sự thâm hụt hơn ba ngàn đồng tiền vàng đó đều là do thất thu các khoản do triều đình quy định, vì đối với những người dân nghèo khổ ông không nỡ nặng tay cưỡng ép họ nộp vào công quỹ. Sự thật là ông không hề tham ô dù chỉ một đồng vàng. Chính vì thế mà sau khi về hưu gia sản ông chẳng có gì nhiều. Hơn thế nữa, tính tình ông hết sức cương trực, tuyệt nhiên không nhờ đến bạn bè giúp đỡ, chỉ im lặng chấp nhận tuân theo pháp luật, trói tay chờ chết mà thôi.

Thái Tiểu Hà vốn hiểu rất rõ về vị tri huyện già này. Vì thế, hai ngày sau khi vụ án được trình báo lên, ông liền cho triệu kiến vị quan huyện già. Trong buổi tiếp kiến, ông bảo người hầu lui hết ra ngoài, chỉ còn riêng mình ông với vị quan huyện rồi nói:

- Ông làm thâm hụt ngân sách hơn ba ngàn đồng tiền vàng, tôi biết ông không có khả năng hoàn trả, vậy ông hãy đưa công văn chi trả đến, tôi sẽ ký vào đó là đã nhận đủ rồi.

Vị quan tri huyện nghe Thái Tiểu Hà nói liền trả lời một cách hết sức sợ sệt:

- Làm sao hạ quan có thể dám làm như vậy?

Thái Tiểu Hà giải thích:

- Chẳng phải tôi nói đùa đâu, bởi tôi biết ngày thường ông làm quan rất chính trực, liêm khiết, chỉ vì

thương dân mà phải bị liên lụy đến thân mình. Do đó tôi sẽ đem số tiền tích lũy dành dụm trong mấy năm qua để bồi thường khoản thiếu hụt này cho ông. Nhưng chuyện này phải tuyệt đối giữ bí mật, chỉ còn cách làm như vậy có thể giúp ông thoát khỏi án tử hình.

Vị quan tri huyện nghe Thái tiên sinh nói vậy thì vui mừng cực độ, cảm kích không thể nói bằng lời, dập đầu cáo biệt.

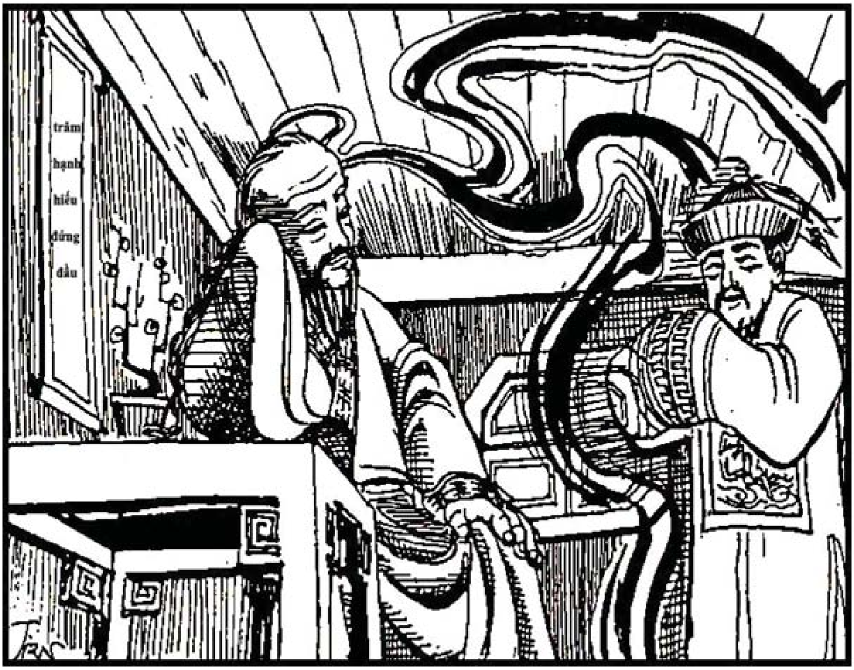
Hôm sau, vị quan tri huyện đó mang công văn giải trình chuyện thiếu hụt lên Thái Tiểu Hà. Tiên sinh lập tức phê vào ngày tháng thu nhận, rồi đóng dấu ấn lên, xem như giải quyết xong vụ án. Sau đó tiên sinh tự lấy tiền nhà nộp đủ vào ngân sách.

Sau đó, một hôm vị quan tri huyện già kia mặc quan phục đến xin gặp Thái tiên sinh, dập đầu cảm tạ và thưa:

- Tôi thọ nhận ân đức tái tạo của đại nhân, vĩnh viễn không bao giờ dám quên. Tiếc thay đời này đã già nua, suy yếu, e rằng không thể báo đáp được ơn sâu của đại nhân, chỉ còn cách nguyện với lòng sau khi chết sẽ đầu thai làm con đại nhân để báo đáp đại ân đại đức này.

Nói rồi cáo biệt về quê.

Thời gian thấm thoát trôi, mới đó đã hơn 10 năm qua. Vào một buổi trưa, Thái Tiểu Hà đang thiu thiu ngủ trong đại sảnh bỗng nhìn thấy vị quan tri huyện già năm xưa mặc quan phục bước vào nhà vái chào. Thái tiên sinh giật mình nhớ lại sự việc ngày trước, chưa kịp lên tiếng đáp lời thì bỗng thấy vị quan tri huyện đó xăm xăm đi thẳng vào buồng ngủ của vợ



......Thái tiên sinh đang thiu thiu ngủ bỗng nhìn thấy vị tri huyện đó đi thẳng vào phòng ngủ, giựt mình tỉnh dậy liền nghe tin phu nhân vừa sinh con trai.

mình. Thái tiên sinh liền gọi ông dừng lại, ngay khi đó giựt mình tỉnh giấc.

Lát sau, người tì nữ chạy ra bẩm báo rằng phu nhân vừa sinh con trai. Thái tiên sinh nghĩ thầm: "Rốt cuộc ông ta cũng đã đến thật rồi, nhất định sau này sẽ chấn hưng gia tộc của ta." Do đó liền đặt tên cho đứa bé mới sinh ra là Chấn Võ.

Đứa bé này rất thông minh, chưa đầy 20 tuổi đã đậu thủ khoa trong kì thi năm đó, năm Bính Thân thi đậu tiến sĩ, được đưa vào Viện Hàn lâm, sau đó được đề cử làm Quảng Đông đạo đài, quả thật đã làm vinh hiển cho cả dòng họ Thái.

(trích *Tọa Hoa Chí Quả*)

BÁO MỘNG TRẢ ƠN

Khoảng năm 1950, có hai vợ chồng họ Vương di cư từ Kim Môn đến Đài Loan. Lúc hai vợ chồng họ còn ở Kim Môn, một hôm đang đi trên đường gặp một em bé bị lạc khoảng 3 tuổi, đang đứng khóc bên đường. Nơi này vô cùng hoang vắng, rất hiếm có người qua lại. Hai vợ chồng họ Vương liền dừng lại đó hồi lâu, nhìn quanh quất không thấy ai cả, cảm thấy đáng thương cho em bé hết sức. Lòng từ bi trỗi dậy, họ quyết định đưa em về nhà mình tạm nuôi dưỡng, đồng thời dán giấy thông báo khắp nơi, hy vọng cha mẹ nào đó bị lạc con sẽ đến nhận lại. Song thông báo đã nhiều ngày qua mà vẫn không thấy ai đến nhận, do đó hai vợ chồng liền bàn nhau nhận nuôi đứa bé, xem như con ruột của mình.

Lúc họ đến Đài Loan cũng dẫn em bé đi theo, cả nhà ba người có cuộc sống hết sức hạnh phúc vui vẻ. Vào một buổi tối năm 1951, đột nhiên Vương tiên sinh giựt mình tỉnh giấc, ngớ ngẩn cả người. Người vợ cũng giật mình thức giấc, hỏi chồng sao không ngủ mà ngồi ngây người ra như thế. Vương tiên sinh liền kể cho vợ nghe về giấc mộng của mình:

- Vừa rồi anh có một giấc mơ hết sức kì quái. Anh thấy một vị quan đến nhà mình, nói rằng đã chết trong trận chiến ở Hạ Môn, do đó đứa con cưng phải lưu lạc đến Kim Môn, may mắn được hai vợ chồng mình nuôi dưỡng, mới bảo toàn được cốt nhục của dòng họ ông ta, vị ấy đặc biệt đến cảm tạ hai vợ chồng mình, không biết làm sao để báo đáp ân đức. Ông ta nói là tại số nhà 25, hẻm số 10 phía bắc đường Trung Sơn có nhà của Lý Chi Bắc, trong đó có một cái va-li đựng 4 bộ đồ tây mới, 100 đồng tiền giấy, 30 đồng bạc trắng, các vị hãy lấy tên người họ Dương đến nhận lại va-li đó, nhất định người ấy sẽ đưa đủ những gì tôi nói. Đây là chút lễ vật tôi thành tâm thành ý dâng tặng các vị, các vị nhớ đến đó lấy...

Vương tiên sinh chưa nói hết câu, vợ ông đã xuýt xoa lên tiếng:

- Kì lạ thật! Kì lạ thật!

Vương tiên sinh hỏi:

- Chuyện gì kì lạ?

Người vợ nói:

- Em cũng nằm mơ giống hệt như vậy.

Hai vợ chồng ngồi nhìn nhau, ai cũng cảm thấy thật hết sức kì lạ, hầu như không thể tin được những gì

trong mộng lại có thể là sự thật. Nhưng vì sao cả hai người lại có thể cùng có một giấc mộng với nội dung như nhau?



...... con nhà ai thất lạc đây, sao không thấy cha mẹ của em đến dẫn về?

Sáng sớm hôm sau, Vương tiên sinh tìm đến một người bạn thân và kể cho anh ta nghe giấc mơ kỳ lạ đó. Người bạn nghe xong cũng cho là rất kỳ lạ, nhưng khuyên tiên sinh nên thử đi đến địa chỉ như được chỉ dẫn trong mơ xem thực hư thế nào.

Hai vợ chồng Vương tiên sinh liền làm theo những gì người họ Dương trong mộng đã căn dặn. Trước hết họ thuê xe thẳng đến địa chỉ số 25, hẻm 10 đường Trung Sơn để xem thật hư thế nào, liệu thật có nhà người họ Lý ở phía bắc đường này hay không.

Thật kỳ lạ, khi xe vừa chạy vào hẻm 10, trước ngôi nhà mang số 25, quả thật hai người nhìn thấy ngay một tấm bảng nhỏ đề tên "Lý Chi Bắc".

Hai vợ chồng họ Vương cùng bước vào nhà Lý Chi Bắc. Nhưng họ chưa kịp nói ra ý định và mục đích ghé thăm của mình thì chủ nhà đã bước ra chào và nói ngay:

- Hai vị đến thật hay. Mấy hôm nay ngày nào tôi cũng nằm mơ thấy người bạn họ Dương về nói chuyện có hai vợ chồng họ Vương sẽ đến nhận cái va-li ông ấy gửi năm xưa. Năm 1949, bạn tôi khi lên đường nhập ngũ đã gửi va-li này cho tôi. Sau đó tôi rời Hạ Môn sang Đài Loan lập nghiệp, vẫn mang theo va-li ấy bên mình. Sau đó chúng tôi có thư từ cho nhau mấy lần, nhưng bỗng một lần thư đã gửi đi lâu rồi mà hồi âm

chẳng thấy. Hiện tại anh ta đang làm gì, ở đâu tôi đều không rõ. Song cả nửa tháng nay, đêm nào tôi cũng mơ thấy anh ta về nhắc chuyện cái va-li cả.

Hai vợ chồng họ Vương nghe Lý Chi Bắc nói như thế, càng cảm thấy kinh ngạc hơn, luôn miệng nói "Kỳ lạ! Kỳ lạ!..."

Sau đó, Lý Chi Bắc vào lấy cái va-li của người bạn họ Dương đã gửi. Mọi người cùng mở khóa va-li để kiểm tra mọi thứ bên trong. Quả nhiên trong đó có 4 bộ đồ tây mới, 100 đồng tiền giấy, 30 đồng bạc trắng... hoàn toàn đúng như lời trong mộng của hai vợ chồng họ Vương.

Hai vợ chồng từ biệt, mang va-li lên xe trở về, trong lòng tràn ngập những cảm xúc hết sức kỳ lạ. Hơn bao giờ hết, họ cảm nhận được sự báo ứng nhân quả thật hết sức rõ ràng: Một khi đã phát tâm làm việc tốt thì nhất định sẽ gặp được quả báo tốt, không còn nghi ngờ gì nữa!

Từ đó về sau, hai vợ chồng họ Vương thường nỗ lực khuyên người làm việc thiện và bao giờ cũng mang câu chuyện ly kỳ đã xảy ra với họ để làm dẫn chứng.

HY SINH MẠNG SỐNG CẢM HÓA NGƯỜI

Ngô Phượng, tự Nguyên Huy, là người huyện Bình Hòa tỉnh Phúc Kiến. Ông sinh vào ngày 19 tháng giêng năm Khang Hi thứ 38 triều nhà Thanh, từ nhỏ đã thể hiện sự thông minh lanh lợi tuyệt đỉnh, mỗi khi đọc sách liền thể hội một cách thâm sâu ý chính của sách.

Thuở nhỏ, Ngô Phượng theo cha là Ngô Châu và mẹ là Thái thị đến sống ở Đài Loan, cư trú nơi vùng A Lý Sơn, huyện Gia Nghĩa. Năm Ngô Phượng tròn 20 tuổi đã bắt đầu làm ăn buôn bán với người dân ở A Lý Sơn, thấu hiểu được phong tục, tập quán, ngôn ngữ cũng như tính tình của những người dân vùng núi này. Hơn thế nữa, ông luôn đối xử hết sức khiêm hạ, hòa hợp, luôn thành tín, thật thà với mọi người, nên nhận được sự kính ngưỡng và tin yêu đặc biệt của người dân nơi đây.

Lúc ấy, triều đình nhà Thanh vì muốn xoa dịu những cuộc nổi dậy của người dân thiểu số nên chiêu mộ những người thông hiểu tiếng nói của dân địa phương để bổ nhiệm chức thông sự, nắm giữ quyền quản trị

ở mỗi địa phương. Năm đó, Ngô Phượng vừa tròn 24 tuổi, được cử làm thông sự vùng A Lý Sơn, chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ số cư dân vùng núi cao này.

Ngô Phượng vốn sẵn có tinh thần yêu dân, từ trước luôn yêu thương bảo hộ những người dân miền núi như cha mẹ đối với con cái, thường dạy dỗ họ như thầy giáo đối với học trò, luôn sẵn sàng giúp đỡ họ như bạn bè thân thiết. Nhờ có sự cai trị bằng tình thương của ông mà vùng đất từ xưa nay vốn lạc hậu, hỗn loạn, đã dần dần trở nên có trật tự, nề nếp.

Người dân vùng núi này có một tập quán rất dã man, không biết đã có từ bao giờ mà nay không sao từ bỏ được. Đó là mỗi năm vào mùa thu hoạch họ nhất định phải giết chết một người lấy đầu làm vật phẩm tế thần. Tuy được Ngô Phượng dạy bảo, giải thích, nhưng vì tục lệ này đã tồn tại quá lâu, khiến người dân ai ai cũng tin chắc rằng nếu không làm như vậy thì chắc chắn sẽ phải gặp tai họa. Vì thế, thật khó mà khuyên bảo họ từ bỏ tục lệ dã man này.

Ngô Phượng suy nghĩ rất lâu về việc này. Cuối cùng ông nghĩ ra một cách, liền tập trung mọi người lại và hỏi họ:

- Trong lúc xảy ra loạn Chu Nhất Quý, các vị vì nghe theo bọn phản nghịch nên đã giết hại rất nhiều người Hán. Hiện nay đầu lâu của họ vẫn còn đấy chứ?

Dân vùng núi trả lời là số đầu người đó hiện vẫn còn tồn tại hơn 40 cái. Ngô Phượng liền nghiêm nghị bảo họ:

- Giết người là nghiệp xấu ác lớn nhất. Pháp luật triều đình hiện nay nghiêm cấm. Vì thế tuyệt đối không cho phép mọi người tiếp tục có hành động giết người tế thần. Nếu các vị không thể bỏ ngay tập tục này, vậy mỗi năm chúng ta có thể dùng một cái đầu lâu để cúng tế. Nếu ai cố ý làm trái, triều đình chắc chắn sẽ bắt tội.

Mọi người nghe theo lời Ngô Phượng, từ đó mỗi năm đều dùng đầu lâu để tế thần, hơn bốn mươi năm không còn giết người cúng tế nữa.

Cho đến năm 31 niên hiệu Càn Long thì đã trải qua hơn bốn mươi năm, số đầu lâu dùng tế thần đã hết, người dân lại xin Ngô tiên sinh cho phép họ khôi phục phong tục giết người tế thần.

Ngô Phượng lại khổ nhọc ra sức khuyên răn, cuối cùng họ mới đồng ý thôi việc giết người.

Nhưng rồi ba năm sau đó lại tình cờ xảy ra mất mùa đói kém. Người dân nơi đây đều cho rằng do không giết người tế thần nên mới gặp tai họa như vậy. Mọi người liền kéo nhau đến gặp Ngô tiên sinh để đòi hỏi cho phép họ giết người lấy đầu tế thần.



...... "Trời ơi! Thì ra là Ngô thông sự người chúng ta hết sức kính trọng ái mộ!" mọi người khóc rống lên!

Ngô Phượng lần này không còn cách nào giải tỏa được lòng tin mù quáng để ngăn cản việc làm của họ. Tiên sinh cảm thấy trong lòng đau đớn như kim châm muối xát, rơi lệ xót thương rồi nói với mọi người:

- Giết người là hành vi hết sức xấu ác, nếu mọi người không từ bỏ thì chắc chắn sau này sẽ tự chuốc lấy những hậu quả không tốt, vì thế ta lấy làm thương xót lắm. Tuy nhiên, nếu các vị vẫn cứ khăng khăng muốn giết người để tế thần, vậy trưa mai hãy đến gần chỗ làm việc của tôi. Tôi đã chọn sẵn cho các vị một người để giết, sẽ cho người ấy mặc y phục màu đỏ, đội mũ đỏ, khăn trùm đầu màu đỏ. Các vị hãy giết người ấy đi mà tế thần.

Trưa hôm sau, dân làng cầm vũ khí và cung tên, kéo nhau đến gần chỗ làm việc của Ngô tiên sinh. Quả nhiên thấy có một người mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, trùm khăn đỏ đã đứng sẵn nơi đó. Ngay tức khắc, họ dùng cung tên từ xa bắn gục ngay người mặc áo đỏ ấy. Xong xuôi, mọi người liền tiến đến để chặt lấy đầu người ấy về tế thần. Nào ngờ khi vừa giở tấm khăn đỏ trùm đầu lên thì hỡi ôi người ấy không phải ai khác mà chính là quan thông sự họ Ngô, người mà ngày thường họ kính yêu nhất!

Dân làng hết sức hối hận và đau buồn, buồn đau than khóc suốt mấy ngày trời. Họ hết sức thương tiếc

Ngô tiên sinh và vô cùng ân hận về việc làm của mình. Kể từ đó, không ai bảo ai mà họ quyết định bỏ hẳn tục giết người lấy đầu tế thần.

Ngô Phượng vì muốn cảm hóa mọi người thay đổi tục giết người tế thần nên quyết định hy sinh cả mạng sống của mình. Tinh thần vị tha đến mức này thật khó có ai sánh bằng. Sau khi tiên sinh qua đời, tiếng thơm ấy lưu truyền khắp chốn và để lại muôn đời. Cho đến nay, người dân vùng A Lý Sơn mỗi khi nhắc đến chuyện này đều không khỏi ngậm ngùi thương tiếc và cảm kích khôn cùng.

BẠCH KHỞI LẠM SÁT PHẢI TỰ SÁT

Bạch Khởi là một vị tướng nổi tiếng của nước Tần thời Chiến quốc, rất giỏi dùng binh, được Chiêu Tương Vương trọng dụng. Sau khi lập đại công hiển hách thu phục hơn 70 thành liền được phong làm Võ An Quân.

Có một lần, Bạch Khởi chiến đấu với đại tướng Triệu Quát của nước Triệu ở Trường Bình (nay là phía tây bắc huyện Cao Bình, tỉnh Sơn Tây). Đang đánh nhau thì Bạch Khởi giả thua ra lệnh rút quân, dụ quân Triệu vào nơi hiểm yếu rồi dồn hết đại quân đánh úp,

đồng thời cắt đứt đường tiếp tế lương thực của quân Triệu. Quân Tần bắn chết đại tướng Triệu Quát. Sau khi đại tướng đã chết, quân Triệu như rắn mất đầu, hoang mang sợ hãi nên kéo nhau đến đầu hàng quân Tần, cả thảy có đến hơn 400.000 người.

Bạch Khởi cho rằng những hàng binh này không đáng tin cậy, rất có thể sẽ chờ cơ hội để nổi dậy. Do đó ông liền ra lệnh chôn sống tất cả, bất chấp số người bị chôn sống lên đến hơn 400.000 người. Thật là một quyết định khủng khiếp!

Sau khi trận chiến này kết thúc, dân nước Triệu hết sức căm phẫn vì hành động dã man của Bạch Khởi.

Mấy năm sau, nước Tần lại cho Bạch Khởi dẫn đại binh sang muốn tiêu diệt nước Triệu. Quân dân nước Triệu khi ấy nuôi lòng căm hận ngút trời, lại thấy trước rằng nếu để thua quân Tần thì không thể nào sống sót được dưới tay Bạch Khởi. Vì thế, họ một lòng liều chết chiến đấu, sức mạnh trở nên không gì hơn được. Lần này quả nhiên Bạch Khởi đại bại, dẫn tàn quân chạy trối chết về nước.

Không lâu sau, vua Tần lại tiếp tục hạ lệnh cho Bạch Khởi lập tức dẫn binh đánh Triệu lần nữa. Bởi ám ảnh trận thua vừa qua nên Bạch Khởi liền giả bệnh, từ chối không đi. Vua Tần tức giận vô cùng, liền phế bỏ tước



"... Trong trận Trường Bình, chỉ một quyết định của ta đã giết sạch hơn 40 vạn quân nước Triệu, mặc dù họ đã đầu hàng không kháng cự. Tội ác đó xét ra thật đáng chết vạn lần, không còn gì oan uổng nữa." Nghĩ như vậy rồi liền vung kiếm lên tự sát.

vị Võ An Quân, đồng thời ban cho một thanh kiếm để ông phải tự sát.

Bạch Khởi nhìn thanh kiếm mà lòng rối loạn như tơ vò, tự hỏi: “Ta đã phạm lỗi lầm gì đến nỗi phải bị vua ban cho cái chết?” Nhưng rồi ông lại tự nghĩ: “Đây hẳn là quả báo của việc ta làm trước đây. Trong trận Trường Bình, chỉ một quyết định của ta đã giết sạch hơn 40 vạn quân nước Triệu, mặc dù họ đã đầu hàng không kháng cự. Tội ác đó xét ra thật đáng chết vạn lần, không còn gì oan uổng nữa.” Nghĩ như vậy rồi liền vung kiếm lên tự sát.

Đại tướng quân Bạch Khởi công to như núi, chinh chiến bao năm giúp cho uy danh của nước Tần chấn động thiên hạ. Thế mà chỉ một lần thua trận, một lần từ chối dẫn quân ra trận, lẽ nào lại đáng tội chết hay sao? Đây chẳng qua là ác nghiệp sâu nặng nên dẫn đến Tần vương một phút hồ đồ mới xuống lệnh tự dứt đi một danh tướng của mình. Chuyện này tuy nhìn từ bên ngoài thấy có vẻ như vô lý, nhưng nếu xét từ nguồn gốc nhân quả của sự việc thì cái chết thảm của Bạch Khởi rõ ràng là không thể tránh khỏi. Hơn thế nữa, sau khi chết còn khó lòng tránh khỏi phải sa đọa vào ba đường ác vì tội giết hại quá nhiều mạng người.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký*)

GIẾT HÀNG BINH GẶP ĐẠI HỌA

Lý Quảng là võ tướng triều Hán, bắn cung rất giỏi, có tài dùng binh, hơn 70 lần đánh nhau với Hung nô đều thắng lợi. Cho nên quân Hung nô sợ ông như chuột sợ mèo, không dám dấy binh xâm phạm. Ông là vị tướng hiển hách một thời, các võ tướng đời sau khi nhắc đến Phi tướng Lý Quảng không ai là không khâm phục.

Vào thời Hán Văn Đế, Lý Quảng nhờ có công thảo phạt Hung nô nên được phong chức Tán kỵ thường thị, là một chức quan được ở bên cạnh hoàng đế để khuyên răn nhắc nhở, làm cố vấn cho hoàng đế. Đến thời Hán Võ Đế, ông giữ chức thái thú Bắc Bình.

Nhưng thuộc hạ của Lý Quảng rất nhiều người lại được phong các tước vị cao hơn Lý Quảng, trong khi đường đường là một đại tướng như ông mà cả đời chỉ làm đến chức Thái thú Bắc Kinh, không được phong hầu. Lý Quảng luôn thắc mắc về điều này, một hôm liền đến thỉnh giáo một thầy tướng số nổi tiếng tên là Vương Sóc:

- Ông xem tướng của ta có phải là không thể được phong hầu hay không?

Vương Sóc không trả lời ngay, hỏi lại:

- Tướng quân hãy tự xét lại mình xem có làm việc gì trái với đạo đức, luân lý hay chăng?

Lý Quảng suy nghĩ một lát rồi nói:

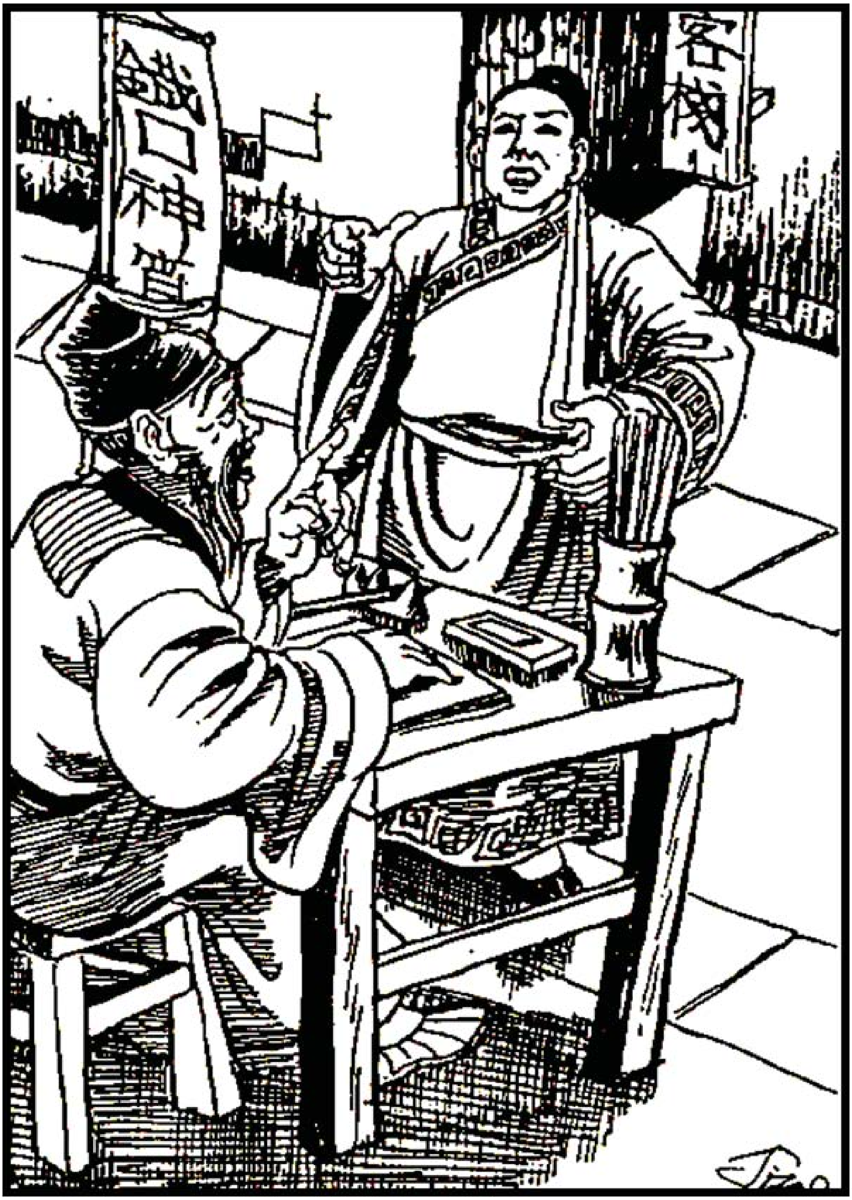
- Trước kia có lần ta dụ hàng hơn 800 quân rợ Khương, sau đó ra lệnh giết sạch. Việc ấy mãi đến nay ta vẫn còn cảm thấy cắn rứt, hối hận trong lòng.

Vương Sóc nói:

- Quân đã đầu hàng tức là không chống lại mình nữa, không cần phải giết. Tướng quân chỉ vì lòng sân hận mà hại chết nhiều người như thế, làm sao có thể không tổn hao âm đức. Tướng quân đời này không được phong hầu cũng là điều dễ hiểu.

Về sau, Lý Quảng có lần dẫn quân đi lạc đường, thế cùng phải thắt cổ tự vẫn. Lại đến đời cháu trai ông là Lý Lăng bị quân Hung nô vây khổn nhiều ngày phải đầu hàng. Do việc Lý Lăng đầu hàng quân Hung nô mà Hán đế ra lệnh giết chết tất cả những người thân thuộc của ông, mẹ và vợ của ông đều phải chết thảm. Quả nhiên tội báo của hành động giết người là không thể tránh khỏi.

(trích *Lý Quảng truyện*)



Tướng quân chỉ vì lòng sân hận mà hại chết nhiều người như thế, làm sao có thể không tổn hao âm đức?

LẠM SÁT BỊ UNG NHỌT

Vương Thiều là võ tướng đời Tống, xuất binh thảo phạt rợ Khương lần nào cũng thắng lợi, mở rộng bờ cõi hơn 1.800 dặm đất. Chiếm đất rồi, ông ra lệnh đốt phá và giết sạch người Khương trong vùng. Bất luận già trẻ, lớn bé, nam nữ... đều không thoát khỏi sự thảm sát, số người bị giết có đến hơn ngàn người.

Không lâu sau, bỗng nhiên lời nói, hành động của Vương Thiều trở nên bất thường; người ngây dại, thần trí điên cuồng, trước ngực lại mọc ra một nhọt độc càng ngày càng lớn, hôi thối, máu mủ rỉ ra liên tục, làm cho đau nhức thấu tâm can.

Nhọt độc ấy ăn sâu vào tận trong người, ngày đêm hành hạ Vương Thiều không lúc nào không đau đớn, nhức nhối. Do chịu không nổi sự hành hạ đau đớn ấy, Vương Thiều cuối cùng phải chết một cách thê thảm. Người thời ấy ai ai cũng đều cho rằng đó là quả báo xấu ác của việc Vương Thiều lạm sát những người dân vô tội.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký*)



Người thời ấy ai ai cũng đều cho rằng đó là quả báo xấu ác của việc Vương Thiều lạm sát những người dân vô tội.

HỒN MA ÁM ẢNH

Tại một quán trọ nhỏ ven đường, một vị sư già đã bước vào và đứng yên từ lâu nhưng chẳng ai để ý đến ông cả. Đó là một vị sư vóc người mảnh mai, khuôn mặt gầy gò, xương xẩu nhưng luôn nở nụ cười hiền hòa biểu lộ một tấm lòng từ bi, bác ái.

Cách đó không xa là một kiếm khách vừa từ ngoài bước vào, dáng người cao gầy, vẻ mặt khắc khổ, nghiêm nghị. Đó là vẻ khắc khổ của một kiếm khách đã hết thời, không còn đủ sức nuôi thân bằng võ nghệ nên đành mang kiếm phiêu bạt trong chốn giang hồ, rày đây mai đó.

Kiếm khách vừa bước vào quán liền đảo mắt nhìn quanh một lượt rồi cất tiếng sang sảng gọi người hầu bàn. Người hầu bàn chạy ra, đưa mắt lúng túng nhìn kiếm khách và nhà sư, không biết phải phục vụ người nào trước...

Nhà sư ôn tồn bảo người hầu bàn:

- Anh hãy dọn rượu thịt cho vị kiếm khách này trước. Ta nghĩ ông ấy chắc còn nhiều việc gấp.

Nghe vậy, chàng kiếm khách xua tay:

- Không, anh hãy dọn thức ăn cho nhà sư này trước. Chúng ta cần phải biết tôn kính những vị tu hành đạo cao đức trọng, còn kẻ giang hồ như ta đây đã quen lăn lộn, không cần biệt đãi.

Khi ấy, cả hai người liền quay sang chào nhau. Kiếm khách tự giới thiệu:

- Tôi tên là Ta Mã Sum. Nếu đại sư cho phép, chúng ta ngồi cùng bàn nhé!

Vị sư già vui vẻ gật đầu. Mã Sum liền bước đến ngồi xuống cùng bàn. Thức ăn dọn ra chỉ có cơm trắng, măng kho và ngó sen luộc. Qua câu chuyện trao đổi, họ mới biết cả hai đều đang trên đường đến Kyoto. Họ vui vẻ kết bạn cùng đi trên đoạn đường còn lại.

Sau bữa cơm, hai người đã trở nên thân thiết. Hành lý của mỗi người đều chẳng có gì nhiều. Mã Sum chỉ mang theo hai thanh kiếm, còn vị sư già thì vác trên vai một túi vải rất cũ kỹ, trông rất nghèo nàn. Họ cùng nhau lên đường, vừa đi vừa trò chuyện rất tương đắc.

Nhà sư kể về những chuyến đi hành đạo khắp đó đây, còn Mã Sum thì kể lại những chuyện từng trải trên bước đường giang hồ phiêu dạt của mình.

Con đường đi Kyoto thật nhộn nhịp. Hành khách ngược xuôi có đủ các hạng người. Có những khách hành hương viếng các đền chùa, lại có cả những người hát dạo, mãi võ, làm trò ảo thuật và rất nhiều hành khất đầu đội những chiếc nón thật lớn, che kín cả khuôn mặt.

Có các vị lãnh chúa, thượng quan ngự trong những chiếc kiệu rất kiêu xa, có quân lính theo hầu. Mỗi lần họ đi qua, dân chúng phải dừng lại kính cẩn cúi mình để bày tỏ sự chào mừng. Nếu có hai vị lãnh chúa cùng đi trên một đường thì vị nào có chức phận cao hơn sẽ được nhường đi trước.

Người ta còn thấy cả những văn nhân, thi sĩ đi ngắm cảnh tìm vần thơ, hoặc những họa sĩ đang say mê ghi lại phong cảnh thiên nhiên hữu tình trên nền lụa.

Ta Mã Sum kể cho nhà sư nghe về dĩ vãng của mình, đã theo học những ai để trở thành kiếm sĩ, đã từng chiến đấu bao nhiêu trận và giết bao nhiêu người. Vị sư già im lặng lắng nghe không chê trách gì, dù ông không tán thành những sự giết chóc như thế. Ông nghĩ, không thể đòi hỏi tất cả người đời đều mẫu mực, đạo đức, suốt đời không làm hại ai, không giết ai, không gây buồn rầu, đau đớn cho ai... Ta Mã Sum là một kiếm khách, bổn phận nghề nghiệp của anh ta là phải đánh

nhau, phải giết chóc... Ông không thể chỉ trích anh ta vì những hành động đó, vì xét cho cùng đó cũng do nơi nghiệp duyên hình thành từ nhiều đời trước.

Mặc dù vậy, vị sư cũng không bỏ qua cơ hội dùng lời khéo léo để chia sẻ với chàng kiếm khách những gì ông hiểu biết về nhân quả, về viễn cảnh thọ sinh của mỗi người sau khi chết tùy theo nghiệp nhân đã gây ra trong đời này... Ông nhấn mạnh, bất cứ ai cũng có thể trở nên người tốt nếu chịu đi theo con đường hướng thiện, bởi bản chất mỗi người đều là hiền thiện trước khi chịu sự sai sử của những tâm niệm tham lam, sân hận và si mê.

Vị sư già cũng kể cho kiếm khách Ta Mã Sum nghe nhiều câu chuyện tích Phật giáo rất thú vị, chẳng hạn như chuyện một vị hoàng tử Ấn Độ bị bà hoàng hậu độc ác móc mắt nhưng vẫn từ bi tha thứ, vì chàng biết rất rõ rằng chỉ có tình thương mới xóa bỏ được hận thù...

Sau mấy ngày làm bạn đồng hành, họ đã trở nên vô cùng thân thiết, không giấu nhau bất cứ chuyện gì. Một hôm, nhà sư chỉ vào cái túi vải đang đeo trên vai và hỏi Ta Mã Sum:

- Ông bạn có biết trong cái túi vải này đựng những gì không?

Ta Mã Sum lắc đầu:

- Không biết! Nhưng tôi có thể đoán là chẳng có gì quý giá cả.

Nhà sư cười nói:

- Ông bạn lầm rồi, thật ra trong này là những thứ quý giá lắm.

- Chắc là một tượng Phật.

- Không, nhưng cũng gần đúng như vậy.

- Hay là một cuốn kinh quý ghi chép những lời dạy vàng ngọc của đức Như Lai?

- Không phải.

Ta Mã Sum chịu thua, không đoán được.

Nhà sư thong thả nói:

- Trong cái túi vải cũ kỹ này là 200 nén bạc.

Ta Mã Sum cười lớn:

- Đại sư không đùa tôi đó chứ! Nếu ngài có được số tiền lớn như vậy thì việc gì phải đi lang thang khất thực? Nếu quả thật trong túi này đựng 200 nén bạc thì ngài thừa sức ăn mặc áo đẹp, vào quán trọ sang trọng, mời tôi uống rượu quý... lẽ đâu lại chịu vào cái quán tồi tàn nơi chúng ta gặp nhau?

Gương mặt nhà sư sáng lên, hớn hở:

- Không, bần tăng không nói đùa đâu. Bần tăng mang theo hai trăm nén bạc nhưng không phải để tiêu dùng cho mình. Ông bạn muốn biết để làm gì phải không? Số là trong một chuyến hành hương chiêm bái Phật tích, tôi đã phát nguyện trong đời này nhất định sẽ đúc một tượng Phật bằng đồng thật đẹp để cúng dường Tam bảo. Từ nhiều năm qua, tôi đã đi khắp nước Nhật để quyên góp từng đồng xu lẻ, tích lũy thành 200 nén bạc đựng trong cái túi vải này. Lần này tôi đến Kyoto là để tìm những người thợ giỏi nhất giúp tôi thực hiện tâm nguyện này. Tôi hy vọng số bạc này sẽ đủ để đúc được một tượng Phật bằng đồng.

Đôi mắt nhà sư rực sáng lên khi nghĩ đến lúc thực hiện được tâm nguyện của mình. Hình như ông đang hình dung pho tượng Phật bằng đồng uy nghiêm và đẹp đẽ đang hiện lên, là kết quả của bao nhiêu năm ông vất vả lạc quyên khắp chốn. Ông say sưa nói tiếp:

- Đức Phật sẽ ngự trên tòa sen trong tư thế ngồi kiết già, trên trán Ngài có dấu chấm hiện toàn trí, toàn năng và nụ cười của Ngài là một nụ cười từ bi vô lượng... Đó, ông bạn đã biết vì sao tôi giữ gìn rất cẩn thận cái túi vải này.

Nhà sư lại cười và nói đùa:

- Người ta nói rằng ai mang theo vàng bạc là mang theo một mối nguy hiểm, nhưng với một người anh

hùng cao thượng như ông bạn, tôi không thấy có gì phải lo ngại cả.

Ta Mã Sum nghiêng đầu một cách cung kính, tỏ lòng cảm tạ ý nghĩ tốt của nhà sư về mình, nhưng trong lòng anh ta đã bắt đầu ngổn ngang trăm mối. Vầng trán anh ta nhăn lại, cử chỉ có phần mất tự nhiên. Anh ta tự nghĩ:

- Suốt đời ta ngang dọc chiến đấu, vào sinh ra tử nhưng chưa từng có được chỉ một phần mười số bạc mà lão già đang giữ. Ta đang đói rách khốn khổ, trong khi lão có đến 200 nén bạc mà chỉ nghĩ đến việc đúc tượng Phật, không tiêu dùng đến dù chỉ một xu lẻ!

Nghĩ đến đây, anh ta chợt thở dài. "Than ôi! Ta đã già thật rồi! Một kiếm khách vào độ tuổi 40 như ta thì còn làm gì được nữa? Chẳng còn ai thu dụng ta. Ta sẽ phải sống cuộc sống lang thang vô định này cho đến hết cuộc đời mình mà chẳng bao giờ có được một ngôi nhà ấm cúng."

Rồi anh ta lại nghĩ: "Nếu có được 200 nén bạc, chắc chắn ta sẽ được sống một cuộc đời sung sướng, không còn phải lang thang trôi dạt khắp đó đây... Hừ! Thế mà lão già này lại chỉ nghĩ đến việc dùng số bạc lớn lao đó vào việc đúc một cái tượng Phật vô tri vô giác..."

Lòng tham và lý trí bắt đầu xung đột lẫn nhau, giày vò tâm trí Ta Mã Sum. Đôi lúc anh ta cầu mong cho vị

sư già để quên đâu đó cái túi bạc và anh ta sẽ chiếm lấy rồi trốn đi. Nhưng làm gì có thể có chuyện đó? Lão ta lúc nào cũng không rời cái túi, khi ăn khi ngủ đều giữ bên mình. Một ý nghĩ táo bạo chợt đến với anh ta. Anh ta lắc đầu, cố xua tan đi ý nghĩ đen tối đó. Nhưng rồi nó lại trở về, và dường như càng lúc càng ám ảnh anh ta nhiều hơn.

Dần dần, lòng tham đã che mờ lý trí của anh ta. Giờ đây trong đầu anh ta luôn suy nghĩ cách làm sao để đoạt cho được số bạc của vị sư già. Nhưng vị sư già chẳng hề nhận ra sự thay đổi của Ta Mã Sum. Ông vẫn luôn tin tưởng vào người bạn đồng hành.

Khi đi đến một thị trấn, con đường bị cắt ngang bởi một dòng sông, mọi người phải đi thuyền sang bờ bên kia. Người lái thuyền chờ cho đủ khách mới cho thuyền rời bờ. Lúc bước xuống thuyền, vị sư già loạng choạng thế nào suýt ngã xuống nước. Vừa thấy vậy, trong lòng Ta Mã Sum lập tức nghĩ ra ngay một gian kế. Hắn đưa nhà sư đến ngồi sau lái ở một chỗ vắng người, gói bạc để ở giữa. Đợi một lúc thuận tiện không ai để ý, hắn vờ trỏ cho nhà sư một con cá đang nhảy lên khỏi mặt nước. Đợi nhà sư vừa nghiêng mình quay sang nhìn, Ta Mã Sum thẳng tay xô mạnh. Nhà sư bất ngờ không chút phòng bị, té nhào ngay xuống sông. Đợi cho thuyền chạy được một quãng xa, tên sát nhân mới giả vờ la lớn:

- Trời ơi! Bạn tôi ngã xuống sông rồi, ngừng lại mau! Ngừng lại mau!

Gió lúc đó đang thổi mạnh, cánh buồm căng và con thuyền lướt đi vùn vụt. Khi người lái thuyền cố sức neo con thuyền lại được thì không còn thấy dấu vết nhà sư đâu nữa cả.

Ta Mã Sum gào lên, nước mắt hắn giàn giụa:

- Nhà sư đó là người bạn thân thiết nhất của tôi. Trời ơi, bây giờ ông chết rồi, bỏ lại tôi một mình, khổ sở thân tôi!

Mọi người trên thuyền thấy vậy đều xúc động. Ta Mã Sum lau nước mắt đoạn nói với mọi người:

- Chúng ta phải báo việc này lên quan địa phương, nhưng tôi nghĩ làm thế sẽ mất nhiều thời gian khai báo, phiền cho quý vị chậm trễ công việc. Tôi cũng vậy, tôi cũng có việc gấp cần đi ngay. Vả lại, nếu khai báo còn sợ liên lụy đến bác lái thuyền, không khéo bị nghi oan tội nghệp. Chi bằng ta cứ tiếp tục cuộc hành trình, khi đến Kyoto tôi sẽ tự đứng ra khai báo việc này, khỏi phiền đến quý vị.

Mọi người, kể cả bác lái thuyền, đều thấy là có lý. Hơn nữa ai cũng sợ phiền phức, liên lụy nên đồng ý giữ kín chuyện này và cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Khi thuyền cập bến, Ta Mã Sum cầm túi bạc nhảy phóc ngay lên bờ. Trong thoáng chốc đã không còn ai thấy hắn đâu nữa cả!

Tối hôm đó, trong một căn phòng riêng tại quán trọ, hắn run run mở túi bạc ra xem. Hắn thật sự lóa mắt khi đếm được đúng 200 nén bạc nằm trong chiếc túi vải cũ kĩ, rách rưới!

Bây giờ số bạc đã thuộc về hắn. Hắn bắt đầu vạch ra trong đầu kế hoạch sử dụng số bạc đó như thế nào để ngày càng có thể sinh thêm nhiều lợi nhuận hơn nữa. Từ đây hắn sẽ không còn phải sống trong cảnh nghèo túng nữa!

Tại Kyoto, hắn thay tên đổi họ, cũng không còn làm kiếm khách nữa mà trở thành một thương gia giàu có chuyên kinh doanh lúa gạo. Mọi người ở đây chỉ biết hắn dưới cái tên mới là Tô Cự Bi.

Hai thanh kiếm năm xưa được hắn bọc vào một túi gấm và cất kỹ dưới đáy một chiếc hòm. Hắn không muốn bất cứ ai biết được quá khứ trước đây của hắn. Bây giờ, công việc hằng ngày của hắn là giao dịch buôn bán.

Việc làm ăn của Tô Cự Bi ngày càng phát đạt. Hắn cưới vợ, sinh con. Hắn thành đạt và trở nên giàu có ngoài sức tưởng tượng. Tuy nhiên, điều rất lạ là hắn

chưa bao giờ có được một giây phút nào thực sự an ổn để tận hưởng những gì đã có trong tay. Hắn không hề cảm thấy thỏa mãn với cuộc sống vật chất sung túc mà trước đây hắn từng mơ ước. Thay vì vậy, lúc nào hắn cũng sống trong sự cắn rứt của lương tâm, luôn cảm thấy hối tiếc, ân hận về việc đã làm. Hắn biết rõ cái sự nghiệp đồ sộ của hắn hôm nay là do tội ác mà có. Hắn luôn tự nghĩ, nếu năm xưa hắn có thể dằn lòng và suy nghĩ chín chắn hơn, chắc chắn hắn đã không phạm vào tội ác tày trời đó. Hắn nhớ lại, cuộc sống lang thang khốn khó tuy lúc nào cũng phải chịu đựng sự thiếu thốn đói khổ nhưng vẫn có không ít những phút giây hạnh phúc thanh thản, nhất là khi hắn được ngắm nhìn cảnh đẹp thiên nhiên trên con đường thiên lý với một tâm hồn trong sạch không gợn chút bợn dơ. Còn bây giờ, tuy sống trong sự giàu sang sung sướng nhưng lúc nào hắn cũng phải chịu sự giằn vặt của mặc cảm tội lỗi và một nỗi ám ảnh không ngừng.

Để cố quên đi câu chuyện xấu xa ngày cũ và những nỗi ám ảnh đáng sợ, hắn phải lao đầu vào công việc làm ăn, mong rằng những bận rộn hằng ngày sẽ xua tan đi những ý nghĩ giày vò trong tâm trí hắn.

Thời gian thấm thoát trôi qua, đã đến lúc Tô Cự Bi cảm thấy cần phải nghỉ ngơi sau những tháng ngày lăn lộn trong công việc kinh doanh. Hắn mua một biệt thự

xinh đẹp, có một vườn hoa anh đào rộng lớn bao quanh và có cả những cây tùng xanh thẫm xen trong đó.

Nhưng rồi Tô Cự Bi cũng không thể an hưởng tuổi già như dự định. Rời khỏi công việc kinh doanh, mặc cảm tội lỗi như càng lớn lên nhiều hơn trong lòng hắn. Mỗi khi nhìn thấy những đồ vật quý giá trong nhà hay dạo chơi trong khu vườn xinh đẹp hắn đều không khỏi khởi lên ý nghĩ rằng tất cả những thứ đó đều có được từ việc phạm vào tội ác ngày xưa của hắn. Rồi hắn ngày càng nghĩ nhiều hơn đến vị sư già đã bị hắn hại chết. Hình dáng của ông như sống lại trong lòng hắn với dáng người mảnh mai, khuôn mặt gầy gò nhưng ánh mắt và nụ cười luôn biểu lộ rõ một tấm lòng từ bi độ lượng. Hắn càng hối hận hơn nữa khi nghĩ đến việc làm tàn nhẫn của mình. Nhà sư càng từ bi, đức độ bao nhiêu thì hắn càng độc ác, xấu xa, đáng khinh bỉ bấy nhiêu!

Rồi một đêm trăng sáng, Tô Cự Bi nằm trằn trọc mãi không ngủ được với những ý nghĩ dằn vặt ngổn ngang trong lòng. Hắn vùng dậy bước ra đi dạo một lát trong vườn hoa cho khuây khỏa. Bỗng nhiên hắn dừng lại, dán mắt vào một cây tùng. Thật kinh ngạc làm sao, hình như có một bóng người mờ ảo đang hiện ra từ thân và cành của cây tùng. Thân cây tùng là thân người, cành cây là tay chân! Hình ảnh đó ban đầu mờ

mờ ảo ảo, nhưng càng lúc càng hiện rõ hơn. Rõ ràng đó là một hình người với vóc dáng mảnh mai, gầy gò và cái đầu trọc lóc, hai hố mắt sâu đen ngòm, má hóp, da tái nhợt như một người chết trôi sông. Không còn nghi ngờ gì nữa, hắn đã nhận ra người đó là ai rồi. Hắn hét lên một tiếng kinh hoàng và đứng sững người ra, không còn cử động gì được nữa.

Mồ hôi hắn vã ra như tắm. Sau một lúc lâu, hắn mới hoàn hồn được đôi chút, hốt hoảng kêu thét lên:

- Là ông đó sao!

Hình bóng nhà sư hiện ra mờ ảo dưới ánh trăng, từ từ đi về phía Tô Cự Bi, càng lúc càng gần hơn khiến cho hắn vô cùng hoảng sợ, đứng chôn chân một chỗ như trời trồng, không còn đủ sức để chạy trốn.

Nhưng rồi một lát sau, bản năng sinh tồn trong hắn chợt trỗi dậy. Hắn hét lên một tiếng lớn rồi vùng quay người bỏ chạy thục mạng vào nhà, bên tai vẫn nghe văng vẳng như có tiếng chân người đuổi theo dồn dập...

Chạy vào nhà rồi, hắn đóng sầm cửa lại, lao nhanh vào phòng và nhảy lên giường kéo chăn trùm kín cả người. Nhưng sau khi nằm yên trên giường một lúc, cơn sợ hãi lắng xuống và dòng máu ngang tàng của một kiếm khách trước đây bỗng trỗi dậy trong hắn. Hắn tung chăn bước xuống giường, mở khóa chiếc hòm gỗ đã từ lâu cất giữ hai thanh kiếm ngày xưa.

Nắm chặt hai thanh kiếm trong tay rồi, hắn cảm thấy can đảm hơn nhiều. Hắn thầm nghĩ: "Nếu đúng là oan hồn lão ấy đã về đây thì ta cũng không thể trốn chạy đâu cho khỏi. Chi bằng đối mặt đánh đuổi lão đi thì mới có thể sống yên được."

Nghĩ vậy, hắn liền mở cửa mang kiếm đi thẳng ra vườn. Đến khoảng đất trống khi nãy vừa nhìn thấy hồn ma, hắn dừng lại đảo mắt nhìn quanh.

Không phải đợi lâu, hắn đã bắt đầu nhìn thấy ngay một bóng đen mờ ảo ngay phía sau một cây tùng... Không, bóng đen ấy chính là cây tùng, nhưng đang từ từ chuyển dần sang thành hình người... Vẫn là cái hình dáng quen thuộc mà đã bao năm qua hắn không một phút nào quên đi được. Chính là vị sư già đã bị hắn đẩy xuống dòng nước sông ngày trước.

Trước hình ảnh khiếp đảm đó, dầu là một kiếm khách gan dạ cũng không khỏi rùng mình khiếp hãi. Nhưng vì nghĩ đến mối nguy hiểm có thể sẽ theo đuổi mình không sao tránh được nên Tô Cự Bi cố xua đuổi nỗi sợ hãi, nắm chặt chuôi kiếm và đứng vững lại thay vì bỏ chạy.

Trong chốc lát, hắn lấy lại tinh thần của một kiếm khách xông ra trận và lao vút tới, vung kiếm chém loạn xạ vào bóng ma của vị sư già... Những nhát kiếm

chính xác và mạnh mẽ, nhưng lạ thay chỉ như chạm vào sương khói, làm cho bóng ma ấy cứ tan ra rồi tụ lại, cuối cùng vẫn cứ quanh quẩn bên gốc cây tùng như không có gì xảy ra cả. Sốt ruột, Tô Cự Bi dùng hết sức lao đến định vung kiếm chém mạnh một nhát, nhưng hắn chưa kịp vung tay lên thì cả thân hình hắn đã đâm sầm vào gốc cây tùng. Hắn dội ngược trở ra và đổ gục xuống mặt đất như một xác chết...

Sáng hôm sau, người làm vườn tìm thấy Tô Cự Bi nằm bất động gần gốc cây tùng, hai thanh kiếm vẫn còn nắm chặt trong tay. Ông ta hốt hoảng vội gọi người đến đưa chủ nhân vào nhà, mời thầy thuốc đến chăm sóc. Tô Cự Bi nằm liệt giường suốt mấy ngày sau đó...

Khi đã tạm bình phục, việc đầu tiên hắn nghĩ đến là lập tức ra lệnh đốn ngã cây tùng nơi xuất hiện bóng ma. Rồi đêm hôm ấy, hắn không sao cưỡng lại được ý nghĩ phải kiểm tra lại xem hồn ma của nhà sư đã bị xua đuổi đi nơi khác hay chưa. Hắn nấp sau một khóm hoa rậm gần nhà và dõi mắt về phía cây tùng đã bị đốn hạ. Nhưng thật quái lạ thay, rõ ràng hắn nhìn thấy bóng ma hôm trước lại hiện ra từ một cây tùng khác... Hắn thét lên một tiếng kinh hoàng rồi ù té chạy bay vào nhà, phóng ngay lên giường ngủ và trùm chăn kín mít suốt đêm hôm đó.

Hôm sau, Tô Cự Bi cho người mua về thật nhiều đèn lồng và treo khắp nơi trong vườn. Đêm đến, hắn thắp đèn gần như sáng rực cả khu vườn. Hắn nghĩ là như vậy thì hồn ma sẽ không còn có thể hiện ra được nữa. Mặc dù vậy, hắn vẫn ở lì trong nhà mỗi khi đêm xuống chứ không dám đi ra vườn nữa. Dù vậy, thỉnh thoảng hắn như vẫn nhìn thấy qua khung cửa sổ dáng dấp của nhà sư già khắc khổ như đang rình rập hắn từ đâu đó...

Từ đó hắn đâm ra sợ sệt đêm tối và rất thường giật mình hốt hoảng vì những chuyện rất nhỏ nhặt. Cuối cùng thì hắn đóng chặt cửa phòng và giam mình trong nhà suốt ngày, không dám đi ra ngoài ngay cả lúc ban ngày. Nhưng lạ thay, mỗi khi đêm xuống hắn như vẫn nhìn thấy bóng dáng nhà sư hiện ra trong nhà, khi thì từ ngoài cửa phòng bước vào, có lúc lại đứng ngay nơi đầu giường của hắn, hoặc có lúc lại từ bên ngoài cửa sổ đã đóng kín mà thò đầu vào bên trong rồi nhìn hắn mỉm cười...

Tô Cự Bi phát bệnh nặng, suốt ngày vùi đầu trong chăn, miệng luôn nói sảng. Vợ hắn mời tất cả các lương y nổi tiếng trong vùng để nhờ chữa trị nhưng bệnh tình của Tô Cự Bi vẫn không mảy may thuyên giảm. Tin đồn về việc đại phú thương Tô Cự Bi bị ma ám sinh bệnh nặng được loan truyền đi khắp vùng, ai nghe cũng lấy làm kỳ lạ.

Rồi một hôm, người vợ của Tô Cự Bi được nghe nói rằng có vị sư đạo cao đức trọng hiện đang ở gần Kyoto, trong một ngôi chùa nhỏ. Ngài thường giúp đỡ tất cả những ai gặp khó khăn. Bà nghĩ: "Bệnh của chồng mình vốn có liên quan đến tà ma ám ảnh, sao mình không thử đến nhờ đại sư giúp đỡ xua đuổi hồn ma này đi?"

Nghĩ là làm, bà lập tức sắm sửa lễ vật tìm đến ngôi chùa ấy dâng hương lễ Phật và đồng thời thưa rõ mọi việc với đại sư.

Sau khi hỏi rõ mọi việc, nhà sư ấy suy nghĩ một lát rồi nói:

- Bệnh ấy không thể dùng thuốc mà trị được, ắt là do nghiệp duyên xấu trước đây gây ra. Vậy phải thành tâm lễ bái chư Phật, phát nguyện làm lành lánh dữ, sám hối những việc xấu ác trước đây thì may ra sẽ được thuyên giảm.

Người vợ Tô Cự Bi ghi nhớ lời dạy của đại sư, khi về nhà liền thuật lại cho chồng nghe. Tô Cự Bi vừa nghe xong thì mồ hôi toát ra như tắm, run rẩy nói: "Thánh tăng, thánh tăng! Quả thật ông ấy là thánh tăng, có thể biết được những việc ta đã làm trước kia."

Ông ta liền hối thúc bà vợ ngay lập tức lên chùa thỉnh đại sư đến nhà cho ông gặp mặt, dự tính nói rõ

và sám hối mọi tội lỗi với ngài và nhất định sẽ nghe theo lời dạy của ngài để hóa giải nghiệp chướng.

Vị sư nhận lời thỉnh mời của người vợ Tô Cự Bi, lập tức theo bà về nhà. Vì Tô Cự Bi vẫn đang nằm liệt trên giường, người vợ liền đưa nhà sư đi thẳng vào phòng của Tô Cự Bi.

Vừa nhìn thấy thấy nhà sư, Tô Cự Bi bỗng hét lên một tiếng kinh hãi. Hắn chỉ tay vào nhà sư và la lên, giọng lắp bắp:

- Có ma... có ma... mau gọi người đến giúp đuổi đi. Có ma... có ma...

Rồi ông ta kéo chăn trùm kín cả đầu, toàn thân run lên bần bật biểu lộ một sự khiếp sợ vô cùng. Người vợ kinh hoảng trước sự việc đó, đưa mắt nhìn vị sư già cầu cứu vì bà thật sự không biết phải làm thế nào.

Vị sư già nhoẻn miệng cười thật hiền hòa rồi nói với bà:

- Không sao đâu, mọi việc rồi sẽ ổn ngay thôi mà.

Và ông bước đến đứng ngay cạnh bên giường nằm của Tô Cự Bi, cất giọng trầm ấm:

- Thôi nào, Ta Mã Sum! Anh hãy kéo chăn ra và nhìn kỹ lại xem. Là tôi đây chứ nào có ma quỷ gì đâu!

Giọng nói của nhà sư như có một phép lạ thần kỳ. Người bệnh từ từ hé tấm chăn ra và giương mắt trừng trừng nhìn vị sư già như một vật lạ xưa nay chưa từng thấy. Rồi ông ta lắp bắp:

- Là... ông... đó sao! Đúng... đúng là ông... rồi! Làm sao lại có thể... là... ông được chứ. Có phải tôi đang mơ... hay tôi đã chết rồi...

Nhà sư bật cười:

- Anh chưa chết đâu và cũng không mơ màng gì cả. Đây là sự thật, chính là tôi đây, người bạn đường ngày xưa của anh đây mà.

Tô Cự Bi - không, có lẽ phải gọi anh ta là Ta Mã Sum, vì dưới mắt nhà sư khi ấy anh ta vẫn là chàng kiếm khách lang bạt năm xưa - đã qua cơn kinh hoàng và bắt đầu lấy lại bình tĩnh. Anh ta thu hết sức lực để gượng ngồi dậy nhìn nhà sư cho được rõ ràng hơn. Rồi anh ta thở ra một hơi dài và nói:

- Quả thật là ông rồi! Đội ơn trời Phật, ông vẫn chưa chết. Bao năm qua tôi chưa một lúc nào có thể tự tha thứ cho mình về sự việc xấu xa ngày ấy.

Nhà sư chớp chớp mắt cảm động và nói:

- Tôi biết, tôi biết... Tôi vẫn tin tưởng rằng anh không phải người xấu. Chỉ là trong một phút giây không tự

chế được mình đó thôi. Nào, bây giờ thì mọi việc đã ổn cả rồi, anh không cần phải tự trách mình thêm nữa.

Ông bước tới thân mật ngồi xuống giường và đưa tay nắm lấy bàn tay gầy gò của Ta Mã Sum:

- Tôi từ nhỏ vốn đã học bơi lội rất giỏi nên hôm ấy đã có đủ sức để bơi vào bờ. Tuy nhiên, anh cũng thật ác, báo hại tôi phải đói và lạnh suốt một đêm hôm đó.

Ta Mã Sum lại thở dài não nuột. Hắn thì thào như chỉ nói với chính mình:

- Tôi sai rồi, tôi sai rồi... Lẽ ra tôi không nên hành động xấu xa như thế.

Nhà sư cười to như để phá tan đi nét sầu thảm và hối hận đang bao phủ trên gương mặt người kiếm khách già:

- Không sao, không sao! Chỉ sáng hôm sau đó tôi đã gặp được một nhà nông dân tốt bụng. Họ đãi tôi một bữa no nê và còn tặng cho tôi cả một bộ quần áo mới nữa... Chỉ có điều là tôi lại phải bắt đầu mọi việc từ đầu vì tiền đúc tượng Phật không còn nữa...

Ta Mã Sum nói với tất cả sự thành khẩn:

- Bạch sư phụ! Tôi thật sự ân hận về việc đó. Nếu cho tôi một cơ hội khác, chắc chắn tôi sẽ không bao giờ làm như thế.

Nhà sư nhoẻn miệng cười:

- Tôi cũng tin là như thế. Thật ra thì những năm qua tôi cũng chưa từng có ý nghĩ oán hận gì anh. Tôi chỉ tự trách mình chưa đủ phước đức để hoàn tất việc đúc tượng Phật theo đúng như dự tính. Vì thế, tôi vừa tiếp tục đi quyên góp vừa nỗ lực tu tỉnh bản thân, hy vọng nhờ đó mới có thể thành tựu được tâm nguyện.

Ta Mã Sum ngần ngừ một lát rồi mới hỏi:

- Thế bây giờ sư phụ đã quyên góp đủ số tiền ấy chưa?

Nhà sư cười vui vẻ:

- Đủ rồi, đủ rồi... Tôi cũng đã đúc xong tượng Phật rồi. Hy vọng sẽ có dịp mời anh đến chùa chiêm ngưỡng.

Ta Mã Sum lúng túng:

- Tôi... tôi... tôi muốn trả lại số bạc ngày trước, ồ không, tôi muốn trả lại gấp đôi số bạc ấy... mong sư phụ nhận cho.

Nhà sư bật cười khanh khách:

- Anh lại đùa tôi nữa rồi! Một nhà sư như tôi thì nhận tiền làm gì kia chứ? Tượng Phật cũng đã đúc xong rồi, giờ tôi chỉ có mỗi một việc là lo tu tập mà thôi. Anh không cần phải nhắc lại chuyện đó nữa.

Ta Mã Sum lại thở dài:

- Bạch sư phụ! Trong suốt mấy năm qua con rất ân hận về việc này, không biết phải làm như thế nào để chuộc lại lỗi lầm đã qua. Nay được gặp lại sư phụ còn sống, lòng con cũng thấy nhẹ bớt đi phần nào, nhưng con vẫn cảm thấy không thể nào tự tha thứ cho mình về hành vi xấu xa đó. Xin sư phụ hãy nhận lại số bạc và dùng nó để giúp đỡ những người khốn khó, may ra nhờ đó mà con sẽ cảm thấy thanh thản phần nào.

Nhà sư bỗng nghiêm giọng nói:

- Thôi được, xem như tôi giúp anh việc này vì tình bạn cũ của chúng ta. Tuy nhiên, qua bài học này thì anh phải ghi nhớ rằng: Khi ta làm một việc xấu thì cho dù không ai biết đến nhưng chính lương tâm ta sẽ không tự tha thứ cho mình, vì thế mà ta sẽ chẳng bao giờ được yên ổn cả.

Ta Mã Sum cúi đầu xuống, nói nhỏ như chỉ để chính mình nghe:

- Vâng, đúng vậy... đúng là như vậy.

Hôm đó, nhà sư ở lại ngôi biệt thự và cả hai người cùng thức đến tận khuya. Họ lại trao đổi chuyện trò như ngày nào khi cùng đi trên con đường đến Kyoto. Khi chia tay và đưa nhà sư vào phòng nghỉ, Ta Mã Sum cảm thấy như nhẹ hẳn cả người. Đêm đó, anh ta

ngủ một giấc say ngon như chưa từng được ngủ!

Hôm sau, nhà sư từ biệt trở về chùa. Mấy hôm sau, Ta Mã Sum vừa hồi phục sức khỏe đã lập tức đích thân mang 400 nén bạc đến chùa để giao cho nhà sư lo việc cứu tế. Anh ta còn nói rất thành khẩn:

- Từ nay con phát nguyện ăn chay, làm lành lánh dữ. Nếu thấy có việc gì con có thể làm được, mong sư phụ từ bi chỉ dạy.

Chỉ mấy hôm sau đó, người dân khắp một vùng rộng lớn quanh Kyoto đều biết chuyện nhà cự phú Tô Cự Bi được một vị sư già chữa lành bệnh. Không những thế, từ đó về sau ông còn trở nên một người nhân đức, luôn sẵn sàng ra tay cứu giúp mọi người.

(Trích *Truyện cổ Phật giáo Nhật Bản*)

HỒN MA BÁO MỘNG

Vào khoảng niên hiệu Nguyên Gia đời Tống Văn Đế Nam triều, Chư Cát Hộ giữ chức Thái thú Nguyên Chân bị bệnh qua đời khi đang tại chức. Lúc đó, người thân quanh ông không có ai, duy nhất chỉ có người con trai trưởng là Nguyên Sùng lo việc đưa linh cữu cha về quê chôn cất. Có người học trò của Chư Cát Hộ là Hà Pháp Tăng vì muốn chiếm đoạt toàn bộ tài sản của họ Chư nên xuống tay thâm độc, nhận nước Nguyên Sùng cho đến chết.

Ngay đêm đó, mẹ của Nguyên Sùng là Trần thị nằm mộng thấy Nguyên Sùng toàn thân ướt sũng, chạy về nhà khóc lóc báo rằng cha đã qua đời còn mình thì bị Hà Pháp Tăng nhận nước chết để chiếm đoạt tài sản.

Bà mẹ Nguyên Sùng vừa tỉnh giấc mộng, trong người bần thần khác thường, hoang mang lo sợ không biết hư thực thế nào. Bà lập tức viết thư cho người anh họ là Từ Đạo Vị lúc đó đang giữ chức Trưởng sử Giao Châu, kể rõ mọi việc. Từ Đạo Vị tức khắc cho người đến



.... người vợ Chư Cát Hộ nằm mộng thấy con trai về khóc lóc kêu oan...

chỗ Chư Cát Hộ đang nhậm chức để dò hỏi, quả nhiên mới biết Chư Cát Hộ đã chết mà con trai là Nguyên Sùng cũng mất tích một cách bí ẩn.

Từ Đạo Vị liền đích thân đến gặp quan tuần phủ địa phương, nói rõ nghi án và yêu cầu mở cuộc điều tra. Không bao lâu, quan phủ đã tìm được rất nhiều chứng cứ và cho bắt ngay Hà Pháp Tăng về xét hỏi. Tên học trò bất nghĩa vừa bị bắt lên công đường đã lúng ta lúng túng, giấu đầu lòi đuôi, cuối cùng phải thú nhận tất cả. Sự việc được sáng tỏ, quan phủ y theo pháp luật lúc bấy giờ xử y tội chết. Quả đúng là nhân quả báo ứng ngay trước mắt không hề sai chạy.

(trích dẫn *Oan hồn chí*)

GIẾT NGƯỜI ĐỀN MẠNG

Thuở xưa, quan thứ sử quận Giao Chỉ là Hà Xưởng trong một lần về thăm nhà phải đi đường bộ chạy dọc theo một dãy núi. Khi đi đến quận Thương Ngô thuộc huyện Cao Yếu thì trời đã nhá nhem tối, quan thứ sử liền lệnh cho thuộc hạ dừng lại nghỉ tạm ở Thước Bôn Đình.

Vì đi đường mệt mỏi, Hà Xưởng nằm trăn trở qua đến hết canh hai cũng vẫn chưa ngủ được. Đang lúc mơ màng nửa tỉnh nửa mê, bỗng thấy xuất hiện một thiếu nữ trạc tuổi ngoài đôi mươi, tướng mạo đoan trang, từ trên lầu bước xuống, đến trước mặt ông cúi chào rồi thưa:

- Oan cho thiếp lắm, cúi xin đại nhân thương xót giải nỗi oan này.

Quan thứ sử liền ngồi dậy, trong lòng cảm thấy vô cùng nghi hoặc, liền cất tiếng hỏi:

- Cô là phận gái, vì sao đang đêm lại tìm đến chỗ hoang vắng này? Cô nói có oan tình, vậy hãy kể rõ ra cho ta nghe xem sao.

Cô gái vừa khóc thổn thức vừa nói:

- Thưa đại nhân! Tôi vốn họ Tô tên Nga, nhà ở xóm Tu Lý, huyện Quảng Tín. Cha mẹ sớm đã lìa trần, rồi

chồng tôi cũng vắn số. Từ đó tôi phải sống đơn chiếc với một người hầu gái tên Trí Phú, không có anh em quyến thuộc gì cả. Tài sản trong nhà còn lại được 120 cây vải the. Cách đây ít lâu, việc làm ăn sa sút, cảnh nhà túng thiếu, tính toán thế nào cũng không thể giữ nguyên vẹn được vật dụng trong nhà, nên tôi liền mang số vải đó sang quận Quảng Ninh để bán, kiếm chút ít tiền về làm vốn sinh nhai. Để chở vải đi, tôi thuê một cỗ xe bò của người cùng huyện tên là Dương Bá, rồi cùng với người hầu gái đánh xe đi Quảng Ninh. Hôm ấy là ngày 17 tháng 4 năm ngoái, khi xe vừa đến đây thì trời đã tối, khách đi đường vắng vẻ chẳng có ai. Tôi sợ giữa đường gặp chuyện bất trắc nên không dám đi tiếp, liền ghé lại đây tạm nghỉ qua đêm. Rủi thay, người hầu gái bỗng nhiên bị đau bụng, tôi phải vội vã đi nhóm lửa để hơ và đi xin thuốc cho nó uống. Khi trở lại xe thì thấy có người đình trưởng tên Củng Thọ đang cầm dao đứng đó, dáng hung hăng hỏi thiếp: "Cô ở đâu đến đây, trên xe chở những vật gì?" Tôi thấy bộ dạng của hắn đã ngờ là kẻ bất lương, nhưng không biết làm sao tránh mặt nên đánh bạo hỏi lại: "Tôi chỉ là khách đi đường tạm nghỉ lại đây, không làm điều gì sai trái, vì sao ông phải tra hỏi tôi như vậy?" Củng Thọ bỗng cười hềnh hệch rồi nắm chặt lấy tay tôi, nói: "Nào có chuyện gì đâu, ta thấy nàng tuổi trẻ lại có nhan sắc dễ thương nên muốn cùng nàng chung vui đêm nay thôi mà!" Lúc ấy, tôi hoảng sợ, biết là khó tránh bị kẻ lưu manh cưỡng bức,

bèn cố sức kháng cự, hất tay hắn ra. Song hắn dùng sức mạnh quyết cưỡng bức tôi. Thấy tình thế nguy cấp, tôi liền lớn tiếng kêu la cầu cứu. Củng Thọ không ngờ tôi phản ứng quá quyết liệt như thế, lúc đó lấy làm hốt hoảng vì sợ có người gần đó nghe thấy tiếng tôi kêu cứu, liền vung dao đâm mạnh vào bụng tôi, khiến tôi chết ngay tại chỗ. Giết tôi rồi, hắn sợ lộ chuyện nên nhẫn tâm giết luôn người hầu gái, rồi đào một cái hố dưới lầu này để kéo xác tôi và đứa hầu gái chôn vào dưới đó. Hắn cướp lấy hết tài sản tôi mang theo đem về nhà, lại giết bò ăn thịt rồi đốt luôn cả chiếc xe. Hiện bánh xe và xương bò bị hắn vất xuống cái giếng phía đông của đình này vẫn còn nguyên dưới đó. Tôi chết thảm đã hơn một năm nay, ôm mối oán hận này mà không biết tố cáo cùng ai. Nay có đại nhân đi qua đây, xin ra ơn giúp đỡ làm rõ việc này, để tên ác tặc kia sớm phải đền tội ác.

Khi ấy, quan thứ sử Hà Xưởng mới biết đó là hồn ma báo mộng. Tuy nhiên, ông vẫn bình tĩnh nói:

- Những gì cô vừa kể với ta thật chưa biết thực hư ra sao, chưa đủ làm bằng chứng. Bây giờ nếu ta quật thi thể của nàng lên để khám nghiệm thì biết lấy gì để chứng minh là sự việc đúng như lời nàng nói?

- Thưa đại nhân! Xin cứ khảo nghiệm. Nếu đúng là thi thể của tôi thì áo quần trên người đều toàn là vải trắng, bên tay trái vẫn còn đeo một chiếc xuyến.

Cô gái nói xong, cúi đầu bái tạ rồi biến mất. Quan thứ sử Hà Xưởng cũng giật mình tỉnh cơn mộng, trong lòng bần thần không yên, từ đó đến sáng không sao chợp mắt ngủ lại được. Đợi đến khi trời vừa sáng, lập tức sai người đào đất dưới lầu lên, quả nhiên tìm thấy y như lời báo mộng.

Quan thứ sử liền cho người tìm bắt ngay tên Củng Thọ giải đến và khảo vấn tại đó. Ban đầu hắn còn cố tình chối cãi quanh co, nhưng khi nhìn thấy cái hố chôn hai xác chết đã được khai quật lên thì mặt mày hắn tái mét, lập tức cúi đầu nhận tội.

Quan thứ sử lại tiếp tục cho người đến huyện Quảng Tín để xác nhận xem có cô gái nào tên là Tô Nga hay không. Quan sở tại cho biết mọi việc quả y như lời trong mộng.

Quan thứ sử Hà Xưởng sau khi tra xét rõ ràng mọi việc liền cho lập bàn xét xử ngay tại nơi đã xảy ra vụ án, lại lập bàn thờ cho Tô Nga rồi bắt Củng Thọ đến trước bàn thờ thắp hương nhận tội, cuối cùng mới phán xử tội giết người phải đền mạng.

Hôm đó, dân chúng trong huyện kéo nhau đi xem xử án rất đông, ai nấy đều kinh ngạc trước vụ án ly kỳ này, đều bảo nhau rằng việc báo ứng thiện ác ở đời quả nhiên không cách gì có thể trốn chạy được.

SAI DỊCH TÀN ÁC CHỊU QUẢ BÁO

Thiệu Đạo là người Trì Châu (nay là huyện Quý Trì, tỉnh An Huy) sống vào triều Minh, được sung vào làm sai dịch trong nha môn, đảm nhiệm công tác quản lý phạm nhân. Hắn thường moi móc tiền bạc của phạm nhân, nếu thấy vừa lòng thì vui, bằng không thì thẳng tay đánh đập. Những khi quan trên sai y tra khảo phạm nhân, y thường đánh người cho đến da rách máu chảy, số phạm nhân chết dưới tay y không thể đếm xuể.

Sau đó, Thiệu Đạo bị căn bệnh hết sức quái dị, tay chân co rút, da thịt nứt nẻ, máu mủ chảy ra không ngừng, hôi thối vô cùng, đau đớn không thể nói hết, suốt ngày lăn qua lộn lại trên giường rên la thảm thiết.

Thấy thế, mọi người đều nói: “Thiện hay ác đều có quả báo, chỉ cần xem chuyện của Thiệu Đạo thì biết.”

Trước khi Thiệu Đạo chết, da thịt trên thân y đều thối rữa, thống khổ cùng cực rồi mới chết.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)



Thiệu Đạo bị căn bệnh hết sức quái dị, tay chân co rút, da thịt nứt nẻ, máu mủ chảy ra không ngừng, hôi thối vô cùng, đau đớn không thể nói hết, suốt ngày lăn qua lộn lại trên giường rên la thảm thiết.

MẸ KẾ ĐỘC ÁC BỊ SÉT ĐÁNH

Trước kia có một người đến năm 40 tuổi thì vợ bị bệnh qua đời, để lại đứa con trai còn thơ dại. Người ấy vì chịu không nổi cảnh cô đơn, lại thấy cô hàng xóm xinh đẹp liền hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau một năm, hai năm... người mẹ kế này đối với đứa con chồng rất hòa thuận, thương yêu, tỏ ra hết lòng chăm sóc, dạy dỗ. Nhưng sau khi cô ta sinh được hai đứa con trai, liền sinh lòng thiên vị, bề ngoài có vẻ như thương yêu con chồng nhưng trong lòng luôn tìm cách hãm hại. Chẳng qua vì cô chỉ muốn dành trọn mọi thứ cho hai đứa con của mình.

Mấy năm sau, người chồng bị bệnh nặng, thuốc thang không hề thuyên giảm. Biết mình không còn sống bao lâu nữa, ông cầm tay đứa con của người vợ trước nói với người mẹ kế của nó:

- Bà này, sau khi tôi qua đời, tài sản trong nhà nên chia đều cho ba đứa con trai. Cả đời tôi đã dành dụm được không ít, nên chuyện mưu sinh của mọi người chắc không có gì đáng lo. Tuy nhiên, đứa bé này là con trưởng, vả lại là con người vợ trước của tôi, nó bất hạnh đã mất mẹ từ khi tấm bé, nếu không có bà chăm lo, săn sóc, làm sao có thể lớn khôn thành người có ích được? Hiện tại sức tôi đã kiệt, chắc không sống được bao lâu

nữa. Mong sao bà hãy xem đứa con này cũng như con của mình sinh ra. Hãy thay tôi chăm sóc, dạy dỗ cho nó nên người.

Nói xong, người ấy quyến luyến hồi lâu rồi mới nhắm mắt lìa trần.

Sau khi chồng qua đời, người vợ kế liền biểu lộ ý niệm tà ác của mình, đối xử với con riêng của chồng hết sức tàn ác, ngược đãi như súc vật; áo quần, đồ ăn thức uống đều kém xa con mình, lại còn thường xuyên đánh đập mắng chửi.

Tuy thường nằm mộng thấy người chồng đã chết nghiêm khắc trách mắng, song bà ta vẫn tính nào tật nấy không chịu thay đổi. Mặc dù vậy, đứa con tội nghiệp kia lại hết sức hiếu thuận với mẹ kế, dù người bị đối xử tệ bạc đến đâu cũng đều vui vẻ chịu đựng không hề oán thán.

Đến khi các con khôn lớn, người mẹ kế không muốn chia tài sản cho đứa con trước của chồng, nhưng vì sợ miệng đời dị nghị nên liền rắp tâm tìm cách hãm hại. Bà ta nghĩ, chỉ cần thằng bé chết đi thì ta không cần phải chia tài sản cho nó nữa mà hàng xóm cũng chẳng ai chê trách được.

Thế là, một hôm bà ta làm bánh rồi lén bỏ thuốc độc vào, gọi đứa con trước của chồng về ăn. Bỗng nhiên



... thấy mẹ kế đang run rẩy khiếp sợ van xin như thế, liền dẫn cả hai đứa em chạy đến, cùng quì xuống đất van xin ông trời hãy tha thứ cho mẹ chúng...

ngay lúc ấy, mây đen ùn ùn kéo đến che kín cả bầu trời, sấm sét ầm ầm, chớp nhoáng sáng chói. Người mẹ kế trong lòng bất chính, nghe tiếng sấm chớp dữ dội như sắp đánh xuống người mình thì kinh khiếp đến bủn rủn cả tay chân, quỳ mọp xuống đất chắp tay lạy như tế sao, luôn miệng tự xưng tội: “Con biết tội rồi, con biết tội rồi! Lẽ ra con không nên lén bỏ thuốc độc vào bánh để mưu hại con chồng... Con biết tội rồi, xin ông trời tha cho con được sống...”

Đứa con người vợ trước nhìn thấy mẹ kế đang run rẩy khiếp sợ van xin như thế, liền dẫn cả hai đứa em chạy đến, cùng quì xuống đất van xin ông trời hãy tha thứ cho mẹ chúng. Hồi lâu sấm sét mới dịu bớt, mấy mẹ con cùng dìu nhau đứng dậy. Người mẹ kế vẫn chưa hết cơn run sợ nhưng không khỏi xấu hổ về việc làm xấu xa của mình, liền ôm lấy đứa con chồng khóc lóc xin lỗi, hứa từ nay về sau sẽ không còn ghét bỏ nó nữa.

Từ đó về sau, quả nhiên bà ta thật lòng hối cải, từ bỏ những hành vi ngược đãi đối với con chồng, hơn nữa còn hết lòng thương yêu chăm sóc giống như con mình.

(trích dẫn *Tọa Hoa Chí Quả*)

BỨC CUNG DÂN LÀNH BỊ ĐỘT TỬ

Vương Bá Dương sống vào triều Thanh, làm chức Tư mã kiêm cả chức tri huyện Thượng Hải. Vì thế, những việc như chiêu mộ tráng đinh, bắt trộm cướp... đều do ông xử lý. Dưới tay ông có hai cha con nhà họ Chu rất hung bạo, võ nghệ cao cường, giúp ông đối phó với bọn trộm cướp.

Một hôm, quân lính tuần tra bắt được một chiếc thuyền trên có 12 người bị tình nghi là cướp biển, liền áp giải đến chỗ quan tri huyện. Vương Bá Dương đích thân thẩm vấn những người này.

Cả 12 nghi phạm này đều một mực kêu oan, kiên quyết không nhận mình là cướp biển. Họ khai làm nghề mua bán muối, hơn một ngàn đồng tiền vàng trong thuyền đều là tiền bán muối, tuyệt đối chẳng phải trộm cắp.

Vương Bá Dương thấy họ kiên quyết không thừa nhận thì giận lắm, liền ra lệnh dùng cực hình tra tấn. Chỉ trong chốc lát, cả 12 người đều bị đánh đập đến khắp người máu me bê bết, thế mà những trận đòn như trời giáng vẫn cứ tiếp tục đổ xuống thân thể họ. Không chịu nổi cực hình, cuối cùng họ phải nhận bừa rằng mình đúng là cướp biển.

Ngày hôm sau, quan quân tiếp tục lùng bắt những người tình nghi là cường đạo. Họ Chu vì để quên đồ vật trên thuyền tuần tra nên đi thuyền ra lấy, bỗng nhiên gặp một cuồng phong kéo đến, sóng gió đập mạnh vào thuyền làm chiếc thuyền nghiêng qua ngã lại, sau đó lật úp kéo theo họ Chu chìm sâu dưới lòng đại dương bao la.

Song Vương Bá Dương vẫn không nhận ra quả báo xấu ác của họ Chu bắt oan dân lành, lại phán quyết 12 người bán muối là hải tặc, lôi ra chém đầu. Quan trên



Dưới những trận đòn chí tử, họ chỉ còn cách nhận mình là cường đạo.

cho rằng Vương Bá Dương có công lùng bắt hải tặc, liền thăng chức cho ông. Nhưng chỉ đến ngày thứ 3 sau khi được thăng chức thì Vương Bá Dương bị đột tử. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, ông ta luôn kêu thét kinh hoàng, bảo là nhìn thấy có rất nhiều oan hồn đến đòi mạng!

Nhân quả rõ ràng như thế, há có thể không tin được sao?

(trích *Tọa Hoa Chí Quả*)

HAI MƯƠI SÁU NHÁT DAO

Vào đời Thanh có Trình Bá Lân là thương nhân người An Huy, nhiều năm sinh sống ở Dương Châu, tỉnh Giang Tô, hết sức kiền thành tín ngưỡng Bồ Tát Quán Thế Âm.

Mùa xuân năm Ất Dậu, binh lính hỗn loạn kéo đến thành Dương Châu, Trình tiên sinh trong cơn biến loạn thường cầu nguyện Bồ Tát thùy từ cứu độ. Một đêm nằm mộng thấy Bồ Tát Quán Thế Âm dạy rằng:

- Toàn gia đình con có cả thảy 17 người, con nên khuyên bảo mọi người hãy siêng năng niệm Phật, làm lành lánh dữ, chắc chắn sẽ được thoát nạn. Riêng con do ác nghiệp đời trước đã tạo nên ác báo khó tránh.

Trình tiên sinh giựt mình tỉnh giấc, nhớ lại lời của Bồ Tát Quán Thế Âm trong mộng, liền tự biết là khó thoát khỏi ách nạn này. Trong lòng ông vô cùng sợ hãi nhưng vẫn cứ tiếp tục kiền thành lễ bái, cầu nguyện, lại còn ra sức cứu giúp những người khốn khổ.

Thời gian sau, tiên sinh lại mộng thấy Bồ Tát dạy rằng:

- Ngày mai sẽ có một bọn đạo tặc kéo đến nhà con, cầm đầu bọn ấy là một người tên Vương Ma Tử. Đời trước con đã chém ông ta 26 nhát dao, đời này ắt phải trả đủ. Nhưng nếu có sự chân thành cảm hóa thì may ra mới có thể dứt được vòng oan oan tương báo.

Sáng sớm hôm sau, Trình Bá Lân bảo tất cả mọi người trong gia đình đều lánh sang nhà hàng xóm, còn lại một mình ông ngồi giữa gian nhà chính để chờ. Ông còn cho người chuẩn bị một mâm cơm chay thịnh soạn giống như chờ tiếp đãi khách quý.

Quả nhiên, đúng giờ ngọ thì có một bọn cướp cầm khí giới hùng hổ xông vào nhà. Khi nhìn thấy người cầm đầu bọn cướp, Trình Bá Lân điềm tĩnh lên tiếng hỏi:

- Ông chính là Vương Ma Tử?

Quả nhiên người ấy tên là Vương Ma Tử, liền ngạc nhiên hỏi lại:

- Tại sao ông lại biết tôi?

Trình Bá Lân liền nói:

- Tôi ở lại đây là để chờ đợi ông. Đời trước tôi có mắc nợ ông 26 nhát dao, ngày nay xin trả đủ, ông cứ tùy tiện ra tay.

Ma Tử càng ngạc nhiên hơn, không hiểu tại sao khi vào đây ông quả thật có nảy sinh ý định chém người này 26 nhát dao, nhưng không hề nói ra với bất cứ ai, vì sao người này lại biết rõ? Hơn thế nữa, đã biết rồi mà không chịu đi tránh, lại an nhiên ngồi chờ, làm sao có thể không kinh ngạc?

Vương Ma Tử liền hỏi:

- Vì sao ông biết được việc đó?

Trình Bá Lân liền đem việc Bồ Tát Quán Thế Âm báo mộng đêm qua kể lại tường tận cho Vương Ma Tử nghe. Nghe xong, Vương Ma Tử liền nói:

- Hôm nay tôi mới biết việc Bồ Tát hiển linh là thật có, chuyện nhân quả báo ứng cũng là rõ ràng. Đời trước đã có oan nghiệp với nhau như thế, nếu nay tôi lại chém ông thì chắc chắn sẽ tiếp tục vòng oan oan tương báo. Thôi thì oan nghiệp nên cởi không nên buộc, hôm nay tôi sẽ cùng ông xóa bỏ món nợ này.

Nói xong, Vương Ma Tử liền trở sống dao và chặt lên người Trình Bá Lân 26 lần nhè nhẹ, xem như đòi lại

đủ 26 nhát dao đời trước. Sau khi mọi việc giải quyết xong, hai người cùng kết nghĩa anh em và tất cả mọi người cùng ăn một bữa cơm chay thân mật.

Từ đó Vương Ma Tử bỏ nghề đạo tặc, giải tán bọn cướp và dạy mọi người sống cuộc sống lương thiện.

Câu chuyện này do cư sĩ Đường Nghi Chi triều Thanh tận mắt chứng kiến, sau đó viết lại.

(trích dẫn *Quán Âm linh cảm lục*)



Trình tiên sinh điềm tĩnh lên tiếng hỏi: "Ông chính là Vương Ma Tử?... Đời trước tôi thiếu ông 26 nhát dao, ngày nay xin trả đủ."

OAN NGHIỆT SANH MỤT NHỌT

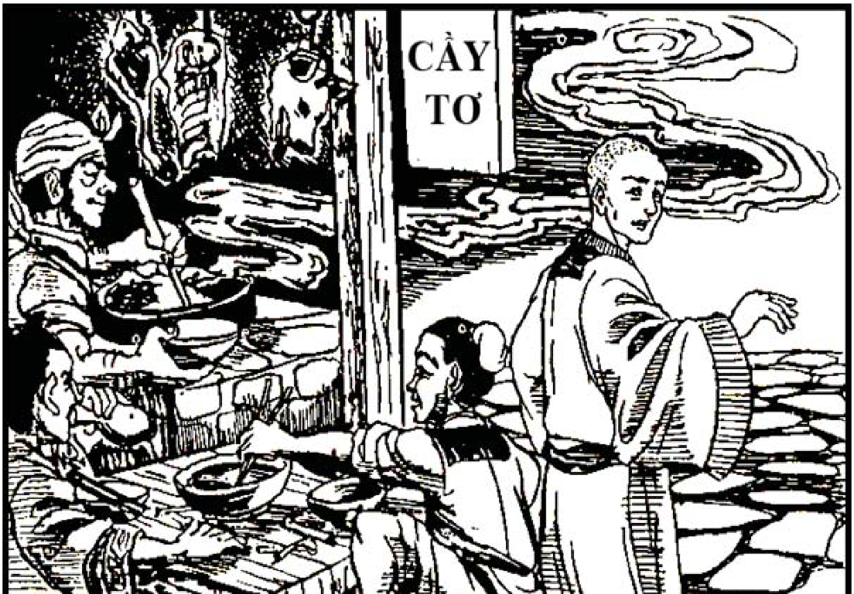
Chùa Quán Âm ở huyện Lâm Hải, tỉnh Triết Giang, trước kia có vị hòa thượng pháp hiệu Hàm Huy, đã hơn 40 tuổi, là người nghiêm trì giới luật.

Một hôm, hòa thượng đang đi tản bộ trên đường, ngang qua một quán bán thịt chó, chủ quán mời mua thịt chó. Do nghiệp lực chiêu cảm, làm cho vị hòa thượng giới luật tinh nghiêm đó bỗng dưng bị chiêu cảm bởi mùi hương của thịt chó, đột nhiên nước miếng tuôn chảy, thèm thuồng, nghĩ tưởng đến cảm giác ngậm miếng thịt chó vào miệng thích thú vô cùng. Nhưng ngay lập tức thầy xua tan ý nghĩ thèm thuồng đó và vội vàng quay trở về chùa.

Sau khi thầy về chùa, bỗng toàn thân sốt nóng, trên thân dần dần mọc ra 18 cái nhọt độc, mỗi nhọt độc đều có hình giống như đầu người, gây đau đớn không thể chịu nổi. Nếu có người khác nhìn thấy nhọt độc thì đớn đau có phần giảm đi, nhưng nếu che lại không cho người khác thấy thì lập tức đau đớn thấu xương thấu tủy. Tuy đã mời thỉnh rất nhiều thầy thuốc danh tiếng, song tất cả đều bó tay, không chữa trị được.

Sau khi chịu sự hành hạ đau đớn như vậy một thời gian, hòa thượng Hàm Huy liền tự suy ngẫm, đây hẳn là do oan nghiệt ác báo từ đời trước. Thầy liền quì trước hình tượng đức Như Lai, kiền thành tụng kinh Kim Cang, phát nguyện sám hối tất cả những lỗi lầm đã gây ra trong quá khứ và hiện tại.

Một buổi trưa nọ, thầy đang thiu thiu ngủ bỗng như giựt mình tỉnh giấc, hoảng hốt thấy 18 cái nhọt độc cùng lúc nhô lên giống như những hình người bị chặt đầu, từ trong yết hầu lại vang ra tiếng hỏi:



Do nghiệp lực chiêu cảm, làm cho vị hòa thượng giới luật tinh nghiêm đó bỗng dưng bị chiêu cảm bởi mùi hương của thịt chó...

- Ông có biết chúng tôi không?

Hòa thượng đáp:

- Tôi không biết.

- Ông không biết thật sao? Vậy tôi sẽ nhắc cho ông nhớ. Vào đời nhà Kim, ông làm chức thống lãnh binh lính, chúng tôi đều là thuộc hạ dưới quyền của ông. Ông ra lệnh cho chúng tôi canh giữ cửa ra vào chỗ đóng quân. Trong bọn chúng tôi có hai người lén xuống núi, gặp một phụ nữ đi một mình liền cưỡng hiếp. Cô ta về nói với chồng, chồng cô tức giận đến báo với ông. Song ông không chịu điều tra xem ai là người phạm tội, lại hạ lệnh xử chém hết thảy 18 người giữ cổng chúng tôi. Hai tên phạm tội cưỡng hiếp, cố nhiên đáng tội chết, nhưng chúng tôi không liên quan gì đến việc làm tội lỗi của họ, lại bị ông xử chém. oán thù như thế, làm sao có thể không trả? Chúng tôi theo ông đã hơn 200 năm, nhưng ông biết tin theo Phật, những đời trước đều làm thiện tích đức, nay lại xuất gia nghiêm trì giới luật, nên lúc nào cũng có thiện thần hộ pháp theo bảo vệ, chúng tôi không dám xâm phạm. Mới đây nhìn thấy thịt chó ông khởi tâm muốn ăn, như vậy là đã phá giới, khiến thiện thần hộ pháp đều xa lánh, chúng tôi mới có cơ hội báo oán này. Nay ông lại tụng kinh cầu nguyện giải trừ oan trái, vậy chúng tôi cho ông thêm ba năm nữa, sau đó nhất định quay lại lấy mạng ông.

Từ đó, quả nhiên nhọt độc của hòa thượng Hàm Huy không phát tác nữa. Nhưng đúng ba năm sau, chúng phát tác trở lại kịch liệt hơn lần trước, thối rữa và làm cho đau nhức không sao chịu nổi. Những cái nhọt độc oan nghiệt ấy đã hành hạ ông mãi cho đến chết. Than ôi! Chỉ vì xem nhẹ mạng người, giết oan người vô tội nên phải chịu báo ứng. Chuyện nhân quả rõ ràng như vậy, há có thể không tin được sao?

(trích *Báo ứng ký thật*)

QUỐC SƯ NGỘ ĐẠT

Đời vua Đường Ý Tông, ở Trường An có một thầy tăng mắc bệnh ghẻ lở, hằng ngày luôn thất tha thất thiểu trong bộ áo quần rách mướp, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở loét, ai trông thấy cũng nhờm gớm. Thỉnh thoảng một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít thức ăn, ngoài ra không ai dám đến gần hoặc hỏi han điều gì cả, cho nên cũng chẳng ai biết thầy từ đâu đến và bệnh tật ra sao.

Một hôm, trên đường về chùa An Quốc, thầy tình cờ gặp một vị tăng khác là Ngộ Đạt.

Thấy người đồng phạm hạnh trong cơn hoạn nạn, Ngộ Đạt quá thương và cố thỉnh về ở với mình. Trước tấm chân tình và lời lẽ thiết tha, thầy tăng kia nhận lời. Ngộ Đạt đưa vị ấy về chùa, cung kính chăm sóc như bậc thầy. Mỗi buổi sáng, Ngộ Đạt lấy nước nóng rửa lau mụt ghẻ, không hề tỏ vẻ nhờm gớm.

Sau một thời gian khá lâu, thầy thấy bệnh tình đã khá rất hơn rất nhiều nên xin từ giã ra đi. Ngộ Đạt tỏ lòng quyến luyến, cố thỉnh thầy lưu lại thêm ít hôm nữa, nhưng thầy không đổi ý. Thấy vậy, Ngộ Đạt thiết tha xin đi theo để sớm hôm hầu hạ, thầy cũng từ chối nốt. Thầy nói:

- Ngày sau trên đường danh đức, thầy rất hiển đạt. Thầy nên ở lại, đừng theo tôi mà phải chịu cảnh rày đây mai đó, làm mai một khả năng giáo hóa của mình. Nhưng có một điều là sau này thầy phải hết sức chú ý mỗi khi được xưng tán, ca ngợi, vì những sự tôn vinh có thể làm tổn thương đạo hạnh. Tôi rất cảm kích tấm lòng tốt của thầy, vậy nếu sau này có gặp tai nạn gì thì nên đến tìm tôi ở núi Trà Lũng, Tây Thục, Bành Châu. Cứ lên đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tùng to gọi là Song Tùng Lãnh thì sẽ gặp được tôi.

Dặn dò xong, thầy từ biệt, Ngộ Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới trở về.

Ngày tháng thấm thoát trôi qua, quả nhiên về sau Ngộ Đạt trở thành một vị danh tăng được rất nhiều người kính phục. Bấy giờ, ở kinh đô người người đều biết và khâm phục tài đức của sư. Họ biết sư là một vị sư có tài đức và thuyết giảng giáo pháp rất sâu xa. Sư hiểu biết rộng, hóa độ được nhiều người, tiếng thơm vang khắp nơi.

Vua Ý Tông qua nhiều lần thăm dò thử thách mới thỉnh sư vào cung thuyết pháp. Cách ít lâu sau liền phong sư làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quý. Đối với người thế gian thì còn có danh vọng nào cao hơn được nữa!

Một hôm, khi đang ngồi trên ghế trầm, sư bèn khởi niệm suy nghĩ rằng mình tài đức không ai bằng, được vua kính, quan phục, trăm họ kính nể, sư cảm thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, sư vội bảo đồ đệ dìu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ sau mới tỉnh lại. Cảm giác trong mình khó chịu, sư biết đã thọ bệnh, liền rờ xuống đầu gối nghe đau, vội vén quần lên, thật hết sức kinh ngạc, một mụt ghẻ giống tạc như mặt người, có đầy đủ mắt, tai, mũi, miệng... Thật đáng kinh sợ!

Sư ngất lịm, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụt ghẻ nghiến răng, đau buốt thấu

xương, quá khổ sở không cách gì cứu chữa. Các danh y trong nước đều được vua mời đến chữa trị cho sư, nhưng mỗi lần thoa thuốc là mỗi lần chết giấc chứ không thấy thuyên giảm chút nào. Nhưng thật lạ, chỉ cần đút thịt vào thì thấy mụt ghẻ ăn ngay và lại nghe trong người dễ chịu, thật là căn bệnh quái lạ xưa nay chưa từng thấy!

Quốc sư Ngộ Đạt chịu khổ sở đau đớn như vậy hơn tháng trời. Sư ngẫm nghĩ lại thấy cuộc đời thật bèo bọt vô thường, chẳng có gì bền chắc, danh vọng vật chất cũng chẳng có gì đáng để luyến lưu, ham muốn. Chợt nhớ đến lời của vị thầy già bị bệnh khi xưa, sư như sực tỉnh cơn mộng, quả nhiên nhận biết khổ nạn của mình chắc chắn đã xuất phát từ sự khởi tâm kiêu mạn. Nhận ra điều đó rồi, sư bèn cố gắng cắn răng chịu đựng lên đường sang Tây Thục.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến được chân núi. Đường dốc quanh co, mãi đến hoàng hôn sư mới tìm ra được dấu vết theo lời mô tả của vị sư già. Kìa là hai cây tùng đã lộ bóng, nhưng vị thầy đâu chẳng thấy hình dạng. Nếu không gặp được người, đêm nay chắc phải làm mồi cho thú dữ vì giữa chốn hoang sơ này làm gì có chỗ an toàn để nghỉ qua đêm?

Sư còn đang ngơ ngác nhìn quanh bốn phía, trong lòng lo sợ, bồi hồi thì bỗng nhận ra hình bóng thân yêu quen thuộc của vị thầy ngày xưa hiện ra trên một tảng

đá gần đó. Sư kêu to lên một tiếng mừng rỡ rồi quên hẳn cả sự đau đớn, chạy vội đến và leo nhanh lên tảng đá, ôm choàng lấy vị thầy và hỏi han rối rít.

Sau khi bộc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, sư vừa khóc vừa kể lại nỗi đau đớn mình đang gánh chịu cho vị thầy nghe. Thầy liền an ủi và dìu Ngộ Đạt về thảo am trên lưng chừng núi. Sư thưa:

- Bạch thầy! Kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khổ nạn bức bách, khổ sở không bút mực nào tả xiết. Xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ, giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức ấy suốt đời con không bao giờ quên.

- Không hề gì! Không hề gì! Oan nghiệt ông đã vay từ nhiều đời nhiều kiếp về trước, ngày nay phải trả. Ông phải chịu đựng để trả xong món nợ máu ấy mới mong được giải thoát. Đức Thế Tôn khả kính của chúng ta khi xưa còn thị hiện những nạn gươm vàng đâm vế, ba tháng ăn lúa ngựa... huống gì hạng phàm phu chúng ta làm sao thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng điều quan trọng là đừng vay thêm nữa.

- Bạch thầy! Thầy nói nợ máu là thế nào, đệ tử không sao hiểu được? Xin thầy hoan hỉ giảng cho.

- Chuyện ấy rồi thầy sẽ rõ, vì rồi sẽ có người nói cho thầy biết.

Rạng sáng hôm sau, thầy bảo đồng tử dẫn Ngộ Đạt xuống dòng suối gần đó lấy nước rửa ghẻ. Đồng tử vừa

định khoát nước lên rửa thì nghe có tiếng thét từ trong mụt ghẻ phát ra:

- Khoan, hãy khoan đã. Ta có việc cần muốn nói với ông ấy.

Ngộ Đạt còn chưa hoàn hồn đã nghe mụt ghẻ nói tiếp:

- Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy đã từng đọc Tây Hán thư chưa?

Thầy Ngộ Đạt đáp:

- Đã từng xem qua vài lượt.

- Vậy ông có nhớ chuyện Viên Áng gièm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ không?

- Có nhớ! Nhưng hỏi như vậy để làm gì?

- Chính ông là Viên Áng ngày đó, còn tôi là Triệu Thố đây. Ông hại chết tôi oan ức đến dường nào ông có biết chăng? Thù ấy, oán ấy thâm xương thấu cốt, tôi đã 10 đời luôn ở bên ông tìm dịp báo thù, nhưng trong suốt 10 đời ông luôn làm bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, tôi phải đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mối thù, đòi xong nợ máu mới thôi. Vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì được vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bừng khởi, làm suy giảm đức hạnh, tôi mới

nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ trên. Ngày nay, may nhờ thầy *Ca-nặc-ca* thương xót ra tay giải cứu cho ông, lại còn dùng nước *tam-muội* rửa tội. Nhờ thần lực của thầy giúp cho ông và tôi từ đây về sau oán hận không còn, cừu thù tan hết. Vậy kính khuyên ông hãy cố gắng tinh tấn tu hành, viên thành đạo nghiệp. Xin bái biệt!

Ngộ Đạt nghe xong, mình nổi đầy gai ốc, đồng thời với tay khoát nước rửa mụt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, sư nghe đau buốt thấu xương, ngất lịm. Khi tỉnh lại, mụt ghẻ đã lành, da thịt liền lại như xưa, không có chút vết sẹo nào. Thầy vui mừng đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ân đức của tổ, phát nguyện tinh tấn tu hành, không dám giải đãi.

Bộ *Thủy sám* 3 quyển hiện nay đang lưu hành chính là phương pháp sám hối do quốc sư Ngộ Đạt viết ra.

THẤY CHẾT KHÔNG CỨU ĐỜI SAU LÀM HEO

Thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang có một người hết sức giàu, nhà cửa cao rộng sang trọng. Mùa xuân năm 1926, nhà hàng xóm của người giàu đó bị cháy, trước nhà đã bị lửa cháy cao không thể thoát ra, phía sau giáp tường với nhà người giàu.

Tất cả mọi người trong nhà hàng xóm lớn tiếng kêu cứu, khóc lóc nghe thật bi thảm. Lúc đó, con cái người nhà giàu đều định phá bức tường cứu người, nhưng người nhà giàu ấy ngăn cản:

- Nhờ bức tường đó chắn lửa nên nhà chúng ta mới được bình yên. Nếu phá tường nhất định lửa sẽ tràn qua, lúc đó nhà mình sẽ cùng chung số phận.

Thế là cả nhà người giàu ấy chỉ ngồi nhìn không chịu cứu.

Lát sau, không còn nghe tiếng kêu la nữa, cả gia đình 7 người của nhà hàng xóm đều đã làm mồi cho lửa. Thật bi thảm!

Mùa hè năm ấy, người nhà giàu bị trượt chân ngã xuống chết ngay tại chỗ. Mấy ngày sau, mấy người con của ông ta đều nằm mộng thấy cha về nói hết sức bi thảm:



...... người nhà giàu thấy chết không cứu... bị trượt chân ngã xuống chết ngay tại chỗ...

- Các con ơi! Do cha thấy chết không cứu, hại người phải chết thảm nên giờ phải đầu thai vào loài súc sinh, làm một con heo của gia đình Triệu A Bảo ở Lâm An. Con heo mẹ của nhà ấy sẽ sinh ra bảy con heo con, trong đó có một con bị què chính là cha đó.

Sáng ra, mấy người con đều lấy làm lạ khi kể cho nhau nghe giấc mộng trùng hợp này, vì người nào cũng nằm mộng thấy y hệt như nhau. Họ lấy làm bán tín bán nghi, liền cùng nhau tìm đến Lâm An hỏi thăm nhà Triệu A Bảo. Quả nhiên tìm được. Sau khi dò hỏi, chủ nhà là Triệu A Bảo cho biết:

- Đúng là tối hôm qua con heo nái nhà tôi sinh được bảy con heo con, trong đó có một con bị què.

Các con của người nhà giàu liền xin mua lấy con heo què đó, mang về nuôi dưỡng. Chuyện này về sau do chính một người bạn thân của người nhà giàu đó kể lại.

(trích dẫn *Nhân quả lục*)

THAM TIỀN MẤT CON

Theo tiên sinh Diệp Bá Cao, vào thời loạn lạc trước kia có rất nhiều nhà giàu ở khắp nơi đều lên núi Thanh Đảo để lánh nạn. Một buổi sáng sớm, gần thành phố Thanh Đảo, có người đặt một đứa bé mới sinh bên vệ đường, trên mình buộc 700 đồng tiền kèm theo một tờ giấy ghi rằng: "Xin bậc quân tử nhân từ nuôi dưỡng đứa bé này, xin để lại 700 đồng gọi là tiền báo đáp."

Đó là một số tiền khá lớn vào lúc đó. Có một người đi ngang qua đó sớm, nhìn thấy trên mình đứa bé cột gói tiền và tờ giấy như vậy, nhưng ông ta chẳng những không nghĩ đến việc nuôi dưỡng đứa bé mà lại ngang nhiên lấy ngay số tiền đó rồi vội vã quay về nhà, bỏ mặc đứa bé nằm đó giãy giụa khóc lóc vì bị côn trùng cắn đốt, cuối cùng phải chết thảm.

Về đến nhà, anh ta lấy ra một đồng đưa cho đứa con trai 8 tuổi của mình. Thằng bé mừng quá lập tức ù té chạy đi mua bánh kẹo, ngờ đâu vừa ra khỏi cổng nhà đã trợt chân té ngã, đầu đập vào một tảng đá, chết ngay tại chỗ.

Người tham lam đó hối hận vô cùng, liền kể lại cho người vợ nghe chuyện lấy tiền của đứa bé bị bỏ rơi bên

đường của mình, không ngờ báo ứng đến tức thời khiến con mình phải chết.

Người vợ hết sức kinh tởm trước việc làm vô đạo đức của chồng, lập tức đến báo với nhà chức trách. Người ấy liền bị bắt và chịu phán quyết tội danh giết người...

(trích *Nhân quả lục*)

CHA MẸ LÀ PHẬT

Dương Phủ người huyện Thái Hòa, tỉnh An Huy, do căn lành đã trồng sâu nên tiên sinh sớm thể hội cuộc đời vô thường, sớm còn tối mất, công danh như bọt nước ngoài khơi, liền lập chí xuất gia sống đời tỉnh thức. Nghe nói đạo hạnh của Đại sư Vô Tế ở Tứ Xuyên hết sức cao thâm, vì muốn thân cận minh sư liền từ biệt song thân đến Tứ Xuyên tìm thầy cầu đạo. Vừa mới vào địa phận tỉnh Tứ Xuyên, tiên sinh may mắn gặp một vị hòa thượng đã gần 70 tuổi. Tiên sinh cung kính đảnh lễ lão hòa thượng. Lão hòa thượng từ tường hỏi:

- Con từ đâu đến đây, đến Tứ Xuyên có việc gì không?

Dương tiên sinh cung kính chắp tay đáp:

- A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, con ở tỉnh An Huy, muốn đến Tứ Xuyên tham học với Đại sư Vô Tế.

- Con muốn gặp Đại sư Vô Tế, như thế không bằng thấy Phật.

- A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, đương nhiên con rất muốn gặp Phật, nhưng quả thật con không biết Phật ở đâu, thỉnh lão hòa thượng từ bi chỉ bảo?

- Vậy con hãy lập tức trở về nhà, nếu gặp người nào trên thân khoác cái chăn bông, chân mang dép ngược, người ấy chính là Phật.

Dương Phủ nghe lão hòa thượng nói thế, hết sức vui mừng, tin nhận không chút nghi ngờ. Ngay lập tức tiên sinh cáo biệt lão hòa thượng, lên đường về quê. Trèo núi vượt đèo hơn cả tháng trời mới về đến nhà. Lúc đến nhà, mặt trời đã xuống núi từ lâu, các ngọn đèn trong xóm cũng dần dần thưa thớt, ông gõ cửa gọi mẹ:

- Mẹ ơi! Con vừa về, mẹ ra mở cửa cho con.

Người mẹ nghe tiếng đứa con trai của mình gọi thì mừng vui khôn tả xiết. Tuy ông bà đồng ý cho con xuất gia học đạo, nhưng trong lòng bà vẫn luôn nhớ nhung khôn nguôi, lúc nào cũng dõi theo từng bước chân của con. Vì thế, vừa nghe tiếng con thì bà vui mừng luýnh quýnh, lật đật ngồi dậy bước vội xuống giường, không kịp mặc áo, kéo đại cái chăn bông khoác lên người, líu



..... thấy mẹ khoác chăn bông, chân mang dép ngược chạy ra, tức thời nhớ lời hòa thượng và nhận hiểu được ngay ý nghĩa: cha mẹ chính là Phật sống trong nhà...

quýu mang dép ngược, vội vội vàng vàng chạy ra mở cửa đón con...

Dương Phủ nhìn thấy mẹ khoác chăn bông, chân mang dép ngược chạy ra, tức thời nhớ lời hòa thượng và nhận hiểu được ngay ý nghĩa: cha mẹ chính là Phật sống trong nhà.

Từ đó về sau, ông hết lòng hiếu thuận, phụng dưỡng song thân. Về phương diện vật chất, ông luôn cố gắng cung dưỡng đầy đủ; còn về phương diện tinh thần, ông luôn tự mình làm nhiều việc tốt để cha mẹ vui lòng.

Dương Phủ hưởng thọ đến 80 tuổi, lúc sắp lâm chung vẫn an nhiên tự tại, đọc bốn câu kệ trong kinh Kim Cang rồi an tường ra đi.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG MÃNH HỔ

Dư Nhất Bằng người huyện Ngân, tỉnh Triết Giang. Bình sinh tiên sinh hết sức hiếu thuận với cha mẹ, do cảnh nhà nghèo khổ túng thiếu nên phải tạm xa cha mẹ đi nơi khác mưu sinh, đến một thôn trang ở Hải Tân dạy học.

Một buổi tối, tiên sinh nằm mộng thấy chuyện lạ, giựt mình tỉnh giấc nói với người chủ nhà:

- E rằng cha tôi ở quê bị bệnh nặng, tôi xin phép được về nhà thăm cha gấp.

Trên đường về nhà đi ngang qua một ngọn núi vắng, bỗng gặp một con hổ rất lớn. Do tâm chí thành muốn được về thăm cha nên tuy đối diện với nguy hiểm như thế mà Dư Nhất Bằng vẫn bình tĩnh không chút sợ hãi, thầm cầu nguyện trong lòng một cách hết sức thành khẩn: “Phụ thân ta bị bệnh nặng, phải gấp rút trở về hầu hạ chăm sóc; xin lão hổ thương tình, không nên cản trở bước đường của ta.”

Thật kỳ lạ, dường như con hổ đó hiểu được nỗi lòng của tiên sinh, nó tỏ ra hết sức cảm động, quay đầu bỏ đi.

Dư Nhất Bằng về đến nhà, phụ thân của ông trước đó đã bị hôn mê bất tỉnh, không còn biết gì cả. Lạ thay, vừa lúc ông về đến liền tươi tỉnh trở lại, nói:

- Con yêu của cha! Trên đường con trở về có gặp hổ không?

Dư Nhất Bằng lấy làm lạ, hỏi lại:



...... hình như con hổ hiểu được nỗi lòng của tiên sinh, nó biểu hiện hết sức cảm động, liền quay đầu bỏ đi.

- Quả là con có gặp hổ, nhưng làm sao cha biết được?

Người cha nói:

- Lúc nãy cha bị người ta bắt đưa xuống minh phủ, nghe hai người mặc áo lụa đào nói chuyện, mới biết được thọ mạng của cha đã hết. Song do lòng hiếu thuận của con nên khiến cho mãnh hổ cũng cảm động bỏ đi, mà cha đây cũng được sống thêm một giáp nữa.

Sau đó, bệnh tình của phụ thân ông quả nhiên thuyên giảm, rồi sống đúng một giáp nữa mới lìa trần.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

LIỀU CHẾT CỨU CHA

Phan Tống là người huyện Ngô Hưng, tỉnh Triết Giang. Gặp lúc Tôn Ân làm loạn, giặc cướp nổi lên khắp nơi. Phan Tống sống với người cha già đã hơn 70 tuổi, đi lại rất khó khăn. Trong cơn hỗn loạn, Phan Tống phải cõng cha chạy nạn. Vì cõng cha trên lưng nên không thể chạy nhanh theo kịp mọi người, xem ra rất dễ rơi vào tay bọn giặc cướp.

Người cha già liền bảo Phan Tống:

- Cha tuổi già sức yếu không thể chạy trốn được, nhưng tuổi con còn trẻ, sức khỏe dồi dào, nếu chạy một mình thì có thể thoát khỏi tay giặc cướp. Nếu cõng cha theo thì con sẽ chạy rất chậm, nhất định sẽ bị bọn giặc cướp làm hại. Thế thì cả hai cha con ta đều gặp nạn, chi bằng con cứ chạy một mình đi, như vậy sẽ bảo toàn được tính mạng cho con.

Phan Tống tuy nghe cha hết lời khuyên nhủ như thế nhưng vẫn nhất định không chịu bỏ cha lại để thoát thân một mình. Chàng cõng cha theo trên đường chạy loạn, kết quả là bị bọn giặc cướp bắt được. Thấy chúng hùng hổ tiến đến, chàng quỳ xuống van xin:

- Cha tôi đã hơn 70 tuổi, xin các người hãy thương tình buông tha, bảo toàn tính mạng cho ông ấy!

Nghe con nói vậy, người cha cũng cũng quỳ xuống cầu xin:

- Con trai của tôi tuổi còn trẻ, lẽ ra đã có thể chạy thoát được rồi, nhưng vì không nỡ bỏ tôi nên quyết định ở lại. Tôi đã già, dù chết cũng không có gì đáng nói, chỉ cầu xin các người hãy tha cho tính mạng của nó.



...... Phan Tống không quan tâm đến sự an nguy của bản thân, ra sức bảo hộ người cha già của mình

Khi ấy, có một tên cướp vung đao định chém người cha, Phan Tống lập tức lao tới nhanh như tên bắn, ôm chặt lấy cha, đưa lưng nhận lấy lưỡi đao hung hãn đó. Tên cướp bị bất ngờ hơi chùng tay lại nên đường đao lệch sang chém xuống bả vai Phan Tống, máu tuôn lai láng, khiến chàng trai nhất thời hôn mê bất tỉnh. Ngay khi ấy có một tên cướp khác chạy đến, nói với đồng bọn:

- Người thanh niên này liều chết cứu cha, là hiếu tử rất đáng quý, sao có thể giết anh ta được? Giết hiếu tử là việc làm báo hiệu điềm xấu, trời đất không tha, chúng ta nhất định không được giết.

Nghe vậy, cả bọn liền vội vàng lo cứu chữa, băng bó vết thương cho Phan Tống. Sau đó, họ còn cử người đưa hai cha con trở về nhà an toàn.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

NÀNG DÂU HIẾU THÓAT HỎA HOẠN

Vào năm Canh Tý, niên hiệu Càn Long nhà Thanh, trên đoạn đường Trúc Tà ở Bắc Bình xảy ra hỏa hoạn. Trận hỏa hoạn này làm thiệt hại hơn trăm ngôi nhà, số người chết và bị thương có hơn ngàn người, hết sức thê thảm, còn số tài sản bị tổn thất càng không thể kể xiết.

Trong khi lửa cháy phừng phừng, thiêu rụi tất cả, khắp nơi nhà cháy tường ngã trông thật kinh người, nhưng lạ thay có một ngôi nhà cũ kỹ rách nát lại vẫn bình yên trong biển lửa.

Vì sao lại có chuyện lạ kỳ đến ngoài sức tưởng tượng như thế? Theo lời người dân ở đó kể lại thì trong ngôi nhà cũ kỹ rách nát đó chỉ có hai người sống. Một lão bà đã hơn 60 tuổi và đứa con dâu mới hơn 20 tuổi. Mẹ chồng và nàng dâu cùng nương nhau để sống từ nhiều năm qua, từ khi con trai của bà lão không may qua đời vì tai nạn. Mọi người đều khuyên cô vợ trẻ nên tái giá, nhưng cô kiên quyết chối từ vì thương mẹ chồng già yếu lại có bệnh, không thể thiếu sự chăm sóc của cô. Vì hiếu thảo với mẹ chồng mà chấp nhận hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình, quả thật là một nàng dâu hiếm có trên đời!



...... nàng chăm nom, dưỡng nuôi mẹ chồng bị bệnh, quyết tâm không đi thêm bước nữa.

Suốt mấy năm dài, cô gái trẻ hết lòng chăm sóc dưỡng nuôi bà mẹ chồng già yếu bệnh hoạn mà không một lời than oán, nét mặt không biểu lộ vẻ mệt mỏi. Thật là một việc làm không khỏi khiến cho tất cả mọi người đều kính phục.

Trong khi xảy ra trận hỏa hoạn, người mẹ vì bệnh hoạn không thể chạy ra, đứa con dâu sức yếu cũng không biết làm sao đưa mẹ đi tránh lửa, nhưng cũng

quyết không bỏ mẹ chồng lại để chạy thoát thân. Chẳng bao lâu, họ nhìn ra chung quanh thấy lửa dậy phừng phừng không còn biết nơi nào có thể trốn tránh được nữa. Hai mẹ con chỉ còn biết ôm nhau chờ chết. Kỳ lạ thay, vào lúc ngọn lửa dữ đang phừng phừng thiêu rụi những ngôi nhà xung quanh và kéo đến gần sát nhà của hai mẹ con cô thì bỗng có cơn gió mạnh thổi đến, đẩy ngọn lửa sang một hướng khác. Nhờ đó ngôi nhà cũ kỹ rách nát mới thoát được cơn hỏa hoạn và cả hai mẹ con đều được an toàn trong đó.

Sau chuyện này, mọi người chung quanh đều bảo nhau rằng đó chính là do lòng hiếu thảo của cô con dâu đã cảm động thấu trời xanh, khiến cho xảy ra điều kỳ diệu cứu thoát cả hai mẹ con trong biển lửa.

(trích *Loan Dương Hạ Lục*)

LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG HÀI CỐT CHA

Cuối đời nhà Chu có pháp sư Đạo Phi người làng Quý Trụ, Trường An, tỉnh Thiểm Tây. Từ nhỏ thầy đã nuôi chí nguyện xuất gia, đến năm 7 tuổi thì chính thức xuất gia nhập đạo. Năm thầy 19 tuổi, Trường An xảy ra chiến tranh loạn lạc, thầy đưa mẹ lên Hoa Sơn lánh nạn, hai mẹ con trú trong một hang động. Thời cuộc nhiễu nhương, đời sống khó khăn, việc khất thực hằng ngày thật cũng không dễ dàng, thầy chỉ thường xin được chút đỉnh thức ăn vừa đủ nuôi mẹ, còn phần mình phải ăn rau dại trái rừng đắp đổi qua ngày.

Mỗi bữa ăn, người mẹ đều hỏi thầy:

- Con à! Con đã ăn no chưa?

Mặc dù bụng đói cồn cào nhưng vì sợ mẹ lo lắng nên thầy luôn cung kính đáp rằng:

- Thưa mẹ! Con đã ăn rất no rồi ạ!

Cha thầy trước đây từng tham gia chiến trận và bỏ xác tại Hoắc Sơn. Mẹ thầy vì quá thương nhớ chồng nên rất mong muốn tìm được hài cốt của chồng về an táng. Một hôm, bà nói với thầy:

- Con à! Cha con đã bỏ xác trong trận chiến tại Hoắc Sơn, hiện nay hài cốt vẫn còn không biết đang nằm lạnh lẽo ở nơi đâu. Con hãy đi tìm hài cốt của cha con về an táng để mẹ được sớm hôm nhang khói cho ông.

Pháp sư vâng lời mẹ, lập tức lên đường đến Hoắc Sơn tìm kiếm hài cốt của cha. Nhưng đến nơi rồi, thầy nhìn thấy khắp nơi trên bãi chiến trường toàn là xương trắng, bộ xương nào cũng giống hệt như nhau, không thể phân biệt để biết được bộ xương nào là di cốt của cha thầy.

Thầy liền ở lại ngay trên bãi chiến trường xưa, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, phát nguyện rằng:

- Hôm nay con hết lòng muốn tìm lại hài cốt của cha, nguyện cho trong bãi xương trắng này, nếu bộ xương nào có thể tự nhiên chuyển động thì đó chính là di cốt của cha con.

Thầy đem hết tâm ý thiền quán nhiều ngày ngay giữa bãi chiến trường xưa còn đầy sát khí mà lòng không chút nao núng, sợ sệt, chỉ luôn một lòng nghĩ đến việc cố tìm cho được hài cốt của cha. Ban ngày thầy đi lang thang giữa bãi xương trắng, mắt chăm chú nhìn vào từng bộ xương; đêm đến thầy lại chuyên tâm tụng kinh niệm Phật, trải qua suốt nhiều ngày như vậy.



... tự nhiên di chuyển và cuối cùng ghép lại thành một bộ xương hoàn chỉnh.

Thế rồi một hôm, trong lúc thầy đang chăm chú nhìn vào một bộ xương trắng, bỗng thấy từng đoạn xương như tự nhiên động đậy. Thầy tiếp tục chú tâm quan sát, lát sau lại thấy nhiều đoạn xương đã văng ra cách đó một khoảng xa cũng tự nhiên di chuyển và cuối cùng ghép lại thành một bộ xương hoàn chỉnh. Thật là kỳ lạ đến mức không sao tưởng tượng được! Thầy tin chắc đó là do tâm thành của mình đã có được sự cảm ứng, nên đây chắc chắn là hài cốt của cha thầy.

Thế là thầy thu nhặt trọn bộ hài cốt đó cho vào một cái túi vải rồi lập tức lên đường về nhà. Lạ thay, chính ngay trong đêm đó mẹ thầy nằm mộng thấy chồng về báo rằng con trai đã tìm được hài cốt của ông.

Quả nhiên, chỉ mấy hôm sau thì pháp sư Đạo Phi đưa hài cốt cha về đến nhà. Cứ theo những sự linh ứng trùng hợp này thì nhất định sự tìm kiếm của thầy đã đạt được kết quả chính xác, không thể có nhầm lẫn. Thầy liền tổ chức lễ an táng hài cốt của cha thật nghiêm trang, kính cẩn.

Về sau, pháp sư Đạo Phi thường được nhà vua thỉnh vào cung thuyết pháp và ngài đã dùng giáo pháp giải thoát của đức Phật để cảm hóa đức vua cũng như nhiều vị quan chức đương triều, giúp họ biết làm lành lánh dữ, tạo phúc cho dân. Vì thế, pháp sư luôn nhận được sự kính trọng đặc biệt của nhân sĩ khắp nơi, từ trong cung cho đến bên ngoài.

Lòng hiếu thảo như pháp sư Đạo Phi thật đáng kính phục thay! Ngài tự mình chịu đói để dành cơm nuôi mẹ, lại dùng tâm chí thành để cảm ứng tìm được hài cốt của cha, thật là bậc đại hiếu, có thể nói là xưa nay hiếm thấy, có thể làm tấm gương sáng để muôn đời noi theo.

(trích *Cao tăng truyện*)

GƯƠNG HIẾU THUẬN

Vào triều Minh, tại làng Phú Mỹ, quận Linh Lăng có một người phụ nữ góa chồng, người ta thường gọi là bà Mã Ổn. Gia cảnh bà chỉ vừa đủ ăn, có hai đứa con trai là Mã Văn và Mã Võ, đều được bà lo cho ăn học đàng hoàng.

Mã Văn lanh lẹ, học hành thông suốt, năm 12 tuổi đã nổi danh khắp huyện, còn Mã Võ tính tình chậm lụt, học hành không có tiến bộ, đành trở về nhà lo chuyện buôn bán làm ăn.

Một hôm, bà Mã Ổn gọi Mã Văn vào bảo:

- Con à! Nay con cũng đã 17 tuổi rồi, mẹ lại già nua, vậy con xin phép nghỉ học ít hôm, ở nhà để mẹ lo việc cưới vợ cho con, để một mai mẹ có nhắm mắt cũng được yên lòng phần nào.

Mã Văn nghe mẹ nói đến chuyện lập gia đình liền vòng tay cung kính thưa:

- Thưa mẹ! Mẹ dạy con đâu dám cãi lời, nhưng con nghĩ hiện nay con có ba điều chưa nên cưới vợ. Thứ nhất, dâu hiền khó kiếm, duyên nợ khôn lường. Nếu may gặp được duyên lành thì chẳng nói làm chi, còn ngược lại như gặp duyên xấu, cưới nhầm người vợ

không được hiếu thuận, e rằng chỉ càng làm cho mẹ phải thêm mệt nhọc lo lắng mà thôi. Thứ hai, ân đức sinh thành dưỡng dục của cha mẹ khác nào như trời cao đất rộng, thăm thẳm mênh mông, từ khi con lớn khôn đến nay, nỗi khó nhọc của mẹ cũng chưa vơi được bao nhiêu, thế mà nay đã phải nhọc nhằn lo bề gia thất cho con, lòng con thật áy náy. Thứ ba, con làm thân nam nhi mà chưa lập được chút công danh sự nghiệp gì, nay đã vướng vào đường thê tử, e rằng như vậy sẽ không còn có dịp để làm rạng rỡ tông đường. Thưa mẹ, việc cưới vợ con nghĩ cũng không gấp gáp gì, đợi sau khi con công thành danh toại rồi sẽ tính cũng chẳng muộn màng chi, xin mẹ hãy nghĩ lại.

Không ngờ bà Mã Ổn nghe con nói thế lại nổi giận đùng đùng, lập tức lớn tiếng quát mắng:

- Nay mẹ đã già rồi, việc cần làm thì mẹ bảo con làm, tuyệt đối con không được cãi lại. Mẹ nay đã gần đất xa trời, cả hai anh em con đều khôn lớn cả, nếu lúc này không lo cưới vợ về phụ giúp công việc trong nhà thì còn đợi đến bao giờ nữa? Hay là con muốn thấy mẹ làm lụng vất vả suốt ngày, hết lo ngoài lại đến lo trong, từ những việc xách nước, giã gạo, nấu cơm, quét nhà... đều chẳng có ai thay mẹ? Hơn nữa, những lúc trái gió trở trời, ốm đau bệnh tật, có ai là người giặt giũ hong phơi áo quần cho mẹ, ai là người chăm sóc thuốc thang,

lo chuyện cơm cháo cho mẹ? Chẳng lẽ con phải bỏ cả chuyện học hành để lo những chuyện đó?

Mã Văn nghe mẫu thân lớn tiếng rầy la thì sợ sệt, cung kính thưa:

- Thưa mẹ! Xin mẹ bớt giận, thật lòng con đâu dám cãi lời mẹ dạy, cũng muốn có thêm người nhà để đỡ đần mọi việc giúp mẹ. Nhưng con thấy gia đình mình còn nghèo, tiền gạo thiếu trước hụt sau, sợ mẹ lo lắng nhiều việc sinh bệnh nên mới xin trì hoãn việc này. Nếu ý mẹ đã quyết thì con xin nghe, tuyệt đối không dám cãi lại nữa!

Mã Văn lại theo vuốt ve năn nỉ hồi lâu bà Mã mới chịu nguôi giận. Bà nói:

- Mẹ chỉ nói ra cho con biết thế thôi, chứ việc này mẹ đã tự có chủ ý sắp xếp xong xuôi cả rồi. Mẹ đã dò hỏi được ở làng Phước Khê cách đây chừng 15 dặm có con gái nhà họ Đào tên là San Hô, năm nay vừa tròn 18 tuổi, phong thái yểu điệu, thân hình đầy đặn, nhan sắc chim sa cá lặn, công hạnh vẹn toàn. Gia đình ấy cũng là nhà có lễ nghĩa, mẹ đã mang lễ đến cầu hôn rồi, định ngày mùng 9 tháng này sẽ tổ chức hôn lễ. Nay chỉ còn có 5 ngày nữa mà thôi, con phải lo sửa soạn ngay đi cho kịp.

Mã Văn nghe mẹ nói vậy thì thấy không còn gì để bàn thêm, liền đứng dậy chào mẹ lui ra, sau đó lo dọn

dẹp nhà cửa, sắp đặt các việc từ trong ra ngoài chu đáo. Đúng ngày mùng 9, chàng đem sính lễ sang nhà họ Đào, rước thẳng cô dâu về nhà lễ bái tổ tiên, ra mắt mẹ chồng rồi làm lễ hợp cẩn luôn trong ngày ấy.

Mối lương duyên này quả đúng là trai tài gái sắc. Từ khi hai người nên duyên cầm sắc, đẹp phận xướng tùy, một chữ đồng tâm thề cùng non nước. Mọi người ai cũng cho rằng đôi vợ chồng sẽ hòa hợp cùng nhau trăm năm tơ tóc, gắn chặt keo sơn, ngờ đâu chưa được bao lâu thì đã gặp phải sự tình trắc trở.

Từ khi nàng San Hô về làm dâu nhà họ Mã, mẹ con hòa nhã, chồng vợ vui vầy, tưởng như cảnh hạnh phúc chốn trần gian không còn gì hơn thế nữa. Nhưng chỉ được hơn một năm qua thì chẳng biết duyên cớ vì sao bà Mã Ổn bỗng sinh lòng ác cảm, đối xử với nàng dâu như kẻ thù nghịch, lúc nào cũng tỏ ra vẻ như căm ghét nàng đến tận xương tủy. Mỗi khi thấy nàng mặc áo quần lành lặn, bà liền mắng chửi là “đồ bán hình bán dạng”, còn thấy nàng mặc áo quần rách rưới, bà lại lớn tiếng bảo là “có ý đồ bêu xấu, bôi tro trét trấu tổ tiên nhà họ Mã”. Đến bữa ăn, dù cơm chín bà cũng bảo là sống, dù canh ngon bà cũng bảo là dở, rồi nặng lời chê bai đủ điều... Nhà cửa tuy lúc nào cũng được nàng dâu quét dọn sạch sẽ, nhưng bà luôn miệng chê là dơ nhớp. Suốt ngày nín lặng thì bà chửi là “câm như hến”,

mở miệng ra nói thì bà quát tháo là “lẳng lơ, nhiều chuyện”. Thậm chí đến chuyện đi đứng của nàng dâu cũng bị bà bắt lỗi, khóc cười cũng là có tội... Dường như chỉ cần thấy bóng nghe tiếng của nàng dâu là đã đủ để cho bà căm ghét, bực tức, nên không có chuyện gì liên quan đến nàng mà bà không bắt bẻ, đay nghiến...

Mã Văn tuy cũng nhận ra sự vô lý của mẹ mình, nhưng chàng vốn là người con hiếu thuận, không bao giờ dám làm điều gì trái ý mẹ. Vì thế, biết mẹ không ưa thích nên chàng cũng không bao giờ dám tỏ vẻ yêu thương âu yếm người vợ trẻ. Bởi vậy mà vợ chồng sống chung một nhà nhưng vợ không dám ngó chồng, chồng không dám nhìn vợ, chẳng lúc nào dám gần gũi trao đổi với nhau dù chỉ một đôi lời.

Mặc dù vậy, bà Mã Ổn cũng chưa thấy hài lòng, nên không tiếc lời đặt điều thêu dệt để trách mắng cả con trai, bảo là Mã Văn quá nuông chiều vợ, không ngó ngàng gì đến bà...

Nhưng rồi sự việc cũng không dừng lại ở đó. Thật không thể nào hiểu nổi vì sao mà lòng căm ghét của bà Mã Ổn đối với nàng dâu San Hô lại mỗi ngày một tăng thêm, mặc dù nàng hết sức hiếu thuận, luôn dịu dàng hòa nhã và chưa bao giờ dám cãi lại bà dù chỉ một lời. Công việc nhà từ sớm đến tối nàng luôn tận tụy

thu xếp trong ngoài đều chu đáo, chưa từng bê trễ bất cứ việc gì. Thế nhưng bà vẫn thấy ghét cay ghét đắng nàng dâu này, chỉ cần nhìn thấy mặt nàng trong nhà là bà đã cảm thấy ăn không ngon, ngủ không yên...

Thế là một hôm bà quyết định bảo Mã Văn viết giấy ly hôn, bỏ vợ. Mã Văn cảm thấy bất ngờ choáng váng trước quyết định của mẹ, nhưng đứng trước tình cảnh ấy, quả thật chàng cũng không biết phải làm sao. Nếu thuận theo ý mẹ mà ruồng bỏ nàng San Hô thì quả thật là bất công vô lý, vì nàng đâu có tội lỗi gì, ngược lại còn là một người vợ hiền hiếm có, một nàng dâu mẫu mực ngoan hiền. Nhưng nếu không nghe theo thì trái ý mẹ già, sợ làm cho bà giận tức mà sinh bệnh, hại đến sức khỏe hoặc tính mạng thì thật không tránh khỏi tội bất hiếu. Quả là khó xử biết bao!

Chàng nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần mà vẫn chẳng biết phải làm sao cho phải đạo, liền đến thưa với mẹ:

- Thưa mẹ! Vợ con còn nhỏ dại, ăn ở không vừa ý mẹ nên mẹ bảo con đuổi nàng đi, việc đó con cũng không dám cãi. Nhưng nếu đuổi nàng đi rồi, mẹ lại phải lo lắng cưới vợ khác cho con, như thế há chẳng phải thêm phần khó nhọc, hao tâm tổn trí của mẹ lắm sao? Lại nếu như con cưới nhằm người vợ khác cũng dại dột như San Hô thì biết tính làm sao? Nếu đuổi đi nữa thì

không khỏi mang tiếng xấu với đời, còn không đuổi đi thì thêm nhọc lòng mẹ. Con xin mẹ suy xét lại, thương tình con mà bỏ qua cho. Dù mẹ không thương vợ con, xin hãy xem như đã bỏ nó đi, chẳng phải dâu con gì nữa mà chỉ như người giúp việc trong nhà. Vậy cứ để nàng ở nơi nhà bếp, sai bảo công việc hằng ngày để mẹ được thong thả. Chỉ cần mẹ bằng lòng như thế cũng được, con nghĩ vợ con cũng không dám oán than gì, chẳng hay mẹ có bằng lòng hay không?

Những tưởng Mã Văn đã xuống nước đến như vậy chắc bà Mã Ổn sẽ hài lòng, vì xưa nay chưa từng thấy có người vợ chính thức nào lại phải chịu chấp nhận thân phận như một người giúp việc, phải ăn ở nơi nhà bếp... Xem ra thì việc hành hạ đay nghiến một con người cũng chỉ đến thế là cùng! Nào hay bà Mã Ổn lập tức nổi cơn thịnh nộ, quát tháo lung tung, quyết làm sao cho Mã Văn phải dứt tình với vợ thì bà mới chịu thôi!

Mã Văn chịu đựng những lời cay nghiệt của mẹ như búa bổ vào đầu, dao đâm vào ruột, biết là không còn cách nào khuyên giải bà được nữa, đành phải viết giấy ly hôn, đau đớn dứt tình với nàng San Hô.

Đáng thương thay! San Hô là người con gái nết na thùy mị, đức hạnh vẹn toàn, từ khi về nhà chồng chưa hề phạm phải một lỗi lầm nào, dù chỉ là nhỏ nhặt. Dù

bị mẹ chồng cay nghiệt ghét bỏ, nàng vẫn một lòng thuận thảo, sớm hôm hết lòng hầu hạ chăm sóc, thế mà nay phải chịu cảnh bị gia đình chồng ruồng bỏ đuổi đi. Tình cảnh này quả thật là đớn đau oan uổng biết dường nào!

Trong xã hội ngày xưa, người phụ nữ sau khi lấy chồng là xem như đã phụ thuộc hẳn vào gia đình nhà chồng. Hơn thế nữa, nếu người nào bị chồng bỏ thì bị xem như đó là cả một mối nhục rất lớn cho gia đình cha mẹ ruột. Vì thế, nếu khăn gói trở về nhà cha mẹ thì có khác nào làm nhục mẹ cha, khiến cho họ hàng cô bác xóm giềng đàm tiếu. Vì thế, nàng San Hô quyết định dù sao cũng không thể trở về nhà cha mẹ.

Nàng mang gói hành lý thất thểu bước ra khỏi nhà họ Mã, ruột rối như tơ vò. Nhớ lại những ngày làm dâu họ Mã, từ khi gà vừa gáy thì nàng đã thức giấc, dâng nước rửa mặt, dâng trà nóng buổi sáng cho mẹ; vừa sáng ra đã lo quét tước trong ngoài sạch sẽ, lại nấu cơm, giặt giũ, xay lúa, giã gạo... chịu đủ trăm bề khổ cực, lúc nào cũng chiều theo ý mẹ chồng, thế mà nay đành phải ôm gói ra đi, thân gái dặm trường không nơi nương tựa... Càng nghĩ nàng càng thấy trong lòng đớn đau tủi nhục, không biết làm sao sống nổi trong những ngày sắp tới...

Nàng San Hô vừa bước đi mấy bước đã thấy lòng nặng trĩu như đeo đá, nhìn về phía trước mịt mờ tăm tối không còn chút hy vọng sáng sủa nào... Nàng lặng lẽ ngồi xuống một gốc cây bên đường. Trong một thoáng buồn đau tột độ, nàng rút con dao nhỏ mang theo trong người đâm thẳng vào yết hầu tự vẫn...

oo0oo

Nàng San Hô tự tay muốn kết liễu cuộc đời khốn khổ bất hạnh của mình, ngờ đâu duyên nghiệp vẫn còn chưa dứt, trong lúc máu tuôn lai láng, nàng ngã xuống ngất xỉu bên đường bỗng mơ màng ngước lên nhìn thấy một vị Bồ Tát thân mặc áo trắng hiện ra trong đám mây bạc, có tòa sen vàng đỡ gót, lọng báu che thân, dáng vẻ trang nghiêm từ hòa, tay cầm tịnh bình và nhành dương liễu, dịu dàng nói:

- Này con ơi, vì sao lại dại dột muốn tự hủy hoại thân mình như thế? Mọi việc ở đời đều do nhân quả, đều có nguyên do. Nếu con không có tội lỗi gì, đâu có lẽ nào lại vô duyên vô cớ mà phải chịu bao nỗi đắng cay khổ nhục? Chẳng qua con không nhớ được những việc làm sai trái trong tiền kiếp của mình đó thôi. Nay ta sẽ nhắc lại cho con được biết. Trong một kiếp trước, con là một thư sinh con nhà giàu có, tên là Phan Đức Tuấn, đã kết duyên với một người con gái tên Kiều Phi Nga. Duyên tình đang nồng thắm thì con có việc đi lên

kinh thành, sau đó ham mê những thú vui chơi nơi thành thị mà quên hẳn người vợ chốn quê nhà, khiến cô ấy phải phòng không chiếc bóng, lạnh lẽo trông chờ năm này sang năm khác. Lại còn một kiếp khác con làm thân gái, tên là Phạm Ngọc Hà, cũng sinh trong nhà giàu sang, phú quý, kẻ hầu người hạ rất đông. Tuy vậy, chỉ có một người hầu gái được con yêu mến nhất, chủ tớ tương đắc lúc nào cũng kề cận bên nhau. Rồi người hầu gái ấy không may bị bệnh nặng, ghẻ chốc đầy người, mùi hôi hám không ai chịu nổi. Khi ấy con chẳng sinh lòng thương xót chăm sóc, lại ghét bỏ nó, đuổi ra khỏi nhà. Người hầu gái đó vốn là trẻ mồ côi, từ nhỏ đã không nơi nương tựa, không họ hàng thân thích, nên khi bị đuổi thì hết lời khóc lóc van xin, nhưng con không chút động lòng vẫn nhất quyết đuổi đi. Con hãy nghĩ xem, tình cảnh con phải gánh chịu ngày nay có khác gì cô Kiều Phi Nga xa chồng ngày trước? Lại có khác gì người hầu gái bị đuổi khỏi nhà trong lúc ốm đau? Những khổ đau ấy đều là do chính con đã gây ra cho người khác, nay chúng tìm đến với con, chẳng phải là hợp lẽ lắm sao? Nhưng dù sao thì những món nợ ấy con đã trả gần xong hết, mà phước đức con gieo trồng từ nhiều đời trước cũng sắp đến lúc được thọ hưởng. Con ngày trước vẫn thường trì niệm danh hiệu của ta, thường làm nhiều việc nhân đức cứu giúp người khác, nên hôm nay ta đặc biệt đến đây giúp con thoát khỏi

tai nạn này. Này con, mẹ chồng con có một người chị tên là Châu thị, nhà ở làng Cẩm Xuyên cách đây hơn 8 dặm đường. Bà ấy là người hiền lành phúc hậu, con có thể tạm đến đó xin nương náu qua ngày, không lâu nữa sẽ đến lúc lại được sum họp một nhà.

Vị Bồ Tát ấy nói xong dịu dàng lấy nhành dương liễu từ trong tịnh bình ra, rảy nhẹ về phía nàng San Hô. Chỉ thấy như một làn sương mỏng đột nhiên lan tỏa, một cơn gió mát lành bỗng dưng thổi đến, thế là nàng bừng tỉnh dậy, thấy mình vẫn còn đang nằm dưới gốc cây, máu chảy ướt đẫm cả thân áo trước nhưng chỗ dao đâm vào thì đã lành lặn không còn dấu vết gì!

Nàng San Hô tỉnh lại rồi mà trong lòng vẫn còn bồi hồi xúc động, nhớ lại những lời được nghe trong mộng, tự thấy rõ ràng mọi việc đều có nguyên do, nhân quả báo ứng quả không sai chạy. Nghĩ đến đó liền thấy nhẹ nhõm trong lòng, bao nhiêu buồn đau khổ não bỗng nhiên tan biến hết. Nàng liền mạnh dạn đứng dậy bước đi, lần hồi hỏi thăm đường tìm đến làng Cẩm Xuyên.

Đến được làng Cẩm Xuyên rồi, nàng dò hỏi người trong làng thì quả nhiên có nhà bà Châu thị. Vì từ ngày nàng về làm dâu nhà họ Mã chưa có dịp nào được gặp bà dì chồng này, nên khi nàng tìm đến nhà thì bà không hề nhận biết. Nàng đánh liều bạo dạn cúi đầu chào rồi thưa:

- Thưa dì! Con tên là San Hô, vợ của chàng Mã Văn, là con dâu bà Mã Ổn.

Bà dì mừng rỡ khi nghe nàng xưng tên, liền rối rít hỏi thăm tin tức gia đình bà Mã Ổn, lại cũng hỏi xem duyên cớ gì nàng phải thân gái lặn lội đường xa nguy hiểm một mình đến đây.

Nàng San Hô không nén được nỗi xúc cảm trong lòng, tức tưởi khóc hồi lâu rồi mới lần hồi kể lại hết mọi việc cho bà dì chồng nghe. Nàng nói:

- Thưa dì, con đã nghĩ quẩn thấy chỉ còn một cách là quyên sinh thủ tiết vì sợ thân gái ra đường e không thể tự giữ được mình, không ngờ sau khi tự vẫn lại Bồ Tát hiển linh cứu sống, lại mách bảo cho con đến đây tìm dì. Mong dì thương xót nhận cho con nương náu nơi này.

Bà dì ôn tồn nói:

- Con à, chỉ cần nghe qua là dì cũng đủ biết mẹ chồng con tâm tính không được hiền hòa, cho dù con có khéo léo, giỏi giang cách mấy cũng khó bề ở được. Thôi, con đừng sợ, cứ yên tâm ở đây với dì, không sao đâu mà ngại.

Từ đó, nàng San Hô nương náu ở nhà bà Châu thị. Nàng ra sức làm thuê làm mướn, hai dì cháu cùng nương nhau mà sống, cho dù bữa đói bữa no nhưng họ thương yêu nhau không khác gì mẹ con ruột thịt. Vì thế cuộc sống trôi qua thật là đầm ấm.

oo0oo

Trở lại nơi làng Phú Mỹ, sau khi bà Mã Ổn đuổi nàng San Hô đi rồi liền sắm sửa lễ vật cưới vợ cho người em là Mã Võ.

Người con dâu mới này là con nhà họ Lâm, tên là Túy Hoa, sống ở làng Đông Hồ. Cô nàng hình dung xấu xí, vừa mập vừa lùn, mặt rỗ da đen, dáng vẻ hết sức cục mịch, thô xấu, tính tình lại hung dữ, ngỗ nghịch, không biết nể nang ai cả.

Từ ngày về làm dâu nhà họ Mã, Túy Hoa hầu như chỉ e dè được một vài tháng đầu, sau đó liền bắt đầu bộc lộ bản tính hung dữ của mình. Cô ta đánh cả chồng, mắng chửi cả mẹ, lại còn quản lý chặt chẽ cả chuyện ăn ngủ làm lụng trong nhà. Có những hôm gặp việc tức giận, cô ta bỏ đói cả nhà không cho ai ăn uống gì cả, chỉ tự nấu ăn riêng một mình. Nghĩ cũng thật là lạ, chẳng hiểu sao mà từ bà Mã Ổn cho đến hai người con trai, ai cũng răm rắp nghe theo cô ta mà không dám tỏ một lời kháng cự. Dần dần thì mọi công việc trong nhà như nấu cơm, quét dọn, xay lúa, giã gạo... ba người phải chia nhau mà làm, riêng nàng dâu quý hóa này chỉ biết ăn chơi, nhỏng nhẻo, dạo chơi chỗ này chỗ khác,

không phải làm việc gì cả. Thậm chí cô ta còn thô bạo đến mức xưng hô bất nhã với cả chồng và anh chồng, lại thường xuyên nặng lời chửi mắng mẹ chồng, thật là ngang ngược vô cùng, không thể nói hết.

Thương hại cho bà Mã Ổn, không biết cái oai phong oanh oanh liệt liệt đối với nàng San Hô thuở trước nay bà đã cất vào đâu, không thấy đem ra đối chọi với con dâu hung dữ này. Thảm thay! Quần áo rách rưới không có tấm giẻ vá, thường xuyên đói khát chẳng có bữa nào được ăn no, vậy mà không hiểu sao cả nhà họ Mã vẫn cam chịu sự hành hạ áp chế của đứa con dâu quá dữ dằn này. Than ôi! Sự đời đúng là có vay có trả, quả báo rõ ràng trước mắt như vậy, thật không sai chạy!

oo0oo

Nhắc lại từ khi nàng San Hô sang nương náu với bà Châu thị, hằng ngày may thuê dệt mướn, nhịn ăn nhịn mặc, tích cóp được đồng nào lại mua thịt cá hay bánh trái nhờ bà Châu thị gửi về cho mẹ chồng, mỗi tháng ít nhất cũng được vài ba lần. Mỗi lần như thế, nàng đều dặn bà Châu:

- Thưa dì! Nếu mẹ con có hỏi, xin dì dặn người mang thức ăn qua đó hãy nói là của dì gửi cho, đừng nói là của con, sợ mẹ chồng con giận mà không ăn.

Mẹ con bà Mã Ổn bị Túy Hoa khắc bạc làm cho thèm khát lâu ngày, mỗi lần nhận được thức ăn từ người chị gửi qua cho thì vừa mừng vừa tủi, nghĩ gia đình mình cũng không đến nỗi đói cơm rách áo mà nay phải ra cơ sự này, thật không nói nên lời! Rồi mẹ con mang đi giấu kỹ, chờ đến khuya mới dám chia nhau ăn, vì sợ Túy Hoa nhìn thấy sẽ đánh chửi. Ba mẹ con thường xuyên nhận được quà bánh như vậy rất lấy làm biết ơn bà Châu thị, trong lòng lúc nào cũng thầm cảm tạ.

Một hôm, Mã Văn qua làng Cẩm Xuyên thăm dì và hỏi mượn một ít tiền. Không ngờ khi đến đó, dì cháu trò chuyện và cơm nước xong rồi, Mã Văn đứng dậy xin phép dì ra về thì nàng San Hô cũng vừa về đến. Nàng mừng rỡ chạy đến ôm chầm lấy chồng, khóc nức nở rồi nói:

- Em có tội gì mà mẹ đuổi xua, còn anh lại nỡ để em lưu lạc như thế này.

Mã Văn nghẹn ngào không nói được thành lời, ôm vợ hồi lâu rồi chỉ biết gạt nước mắt quay về nhà, lại cũng giấu kín không dám hở môi cho mẹ biết chuyện gặp nàng San Hô ở nhà dì.

Thời gian thấm thoát trôi qua, đã gần được hai năm kể từ khi cô nàng Túy Hoa về làm dâu nhà họ Mã. Do ăn uống thiếu thốn, cộng thêm tâm trạng lo buồn, bà

Mã Ổn phải lâm trọng bệnh. Bà Châu thị hay tin em bị bệnh liền lập tức sang thăm.

Trong lúc chuyện trò, bà Châu buột miệng hỏi:

- Dì nó đau sao mà đau ốm dữ vậy?

Bà Mã Ổn thút thít khóc một hồi rồi nói khẽ:

- Hai năm nay em chẳng lúc nào được ăn no cả chị ơi!

- Sao dì nó lại ra nông nỗi này?

Bà Mã Ổn khoát tay, chỉ xuống nhà dưới mà không dám nói chi cả. Bà Châu lại hỏi tiếp:

- Vậy chứ con vợ của thằng Văn đi đâu không chăm sóc để dì phải khổ như thế?

Bà Mã Ổn thú thật:

- Con San Hô đã bị tôi đuổi đi từ năm trước rồi, đâu còn ở đây nữa!

Bà Châu thị vờ như không biết, lại hỏi:

- Tôi nghe nói rằng con San Hô siêng năng giỏi giắn, hiền đức hiếu thuận, vì sao dì lại đuổi nó đi?

Bà Mã Ổn vội nói tránh đi:

- Chắc tại nhân duyên vợ chồng nó trắc trở, làm sao em biết được! Em đuổi nó đi rồi, chắc giờ nó cũng không khỏi oán hận em thấu xương thấu tủy.

Bà Châu thị lại vặn hỏi:

- Thế mấy năm nay dì có biết ai là người thường xuyên gửi bánh trái, thức ăn cho dì đó không?

Bà Mã Ổn tròn xoe mắt ngạc nhiên:

- Chị hỏi gì lạ vậy? Nếu chẳng phải chị thương em thì còn ai vô đó nữa?

Bà Châu thị bật cười:

- Dì nói mới lạ đấy. Tôi lo cái thân già này còn chưa xong, cơm chẳng đủ no, lấy đâu ra mà gửi bánh trái, thức ăn cho dì?

Bà Mã Ổn thắc mắc:

- Vậy không phải chị thì là ai?

Bà Châu thị nghiêm sắc mặt, nói gằn từng tiếng một:

- Chính là đứa con dâu mà dì ghét bỏ đuổi ra khỏi nhà không chỗ dung thân đó!

Bà Mã Ổn bàng hoàng thảng thốt:

- Sao lại là nó? Chẳng phải đều là những người quen của chị nhờ mang đến cho em đó sao?

- Đúng vậy, nhưng đều là do con dâu San Hô của dì đi làm thuê làm mướn, nhịn ăn nhịn mặc để dành tiền mua gửi về cho dì đó. Và nó cũng dặn tôi không được cho dì biết bánh trái, thức ăn đó là của nó mua gửi về, vì sợ dì giận nó mà không ăn.

- ???!!!

- Chưa hết đâu, từ ngày dì đuổi nó đi đến nay, nó lặn lội tìm sang nhà tôi nương náu, khổ nhọc muôn phần, nhưng tôi chưa từng nghe nó nói ra lời nào oán hận hay xúc phạm đến dì, lúc nào cũng quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho sức khỏe của dì, cớ sao dì lại nghi oan cho nó là có lòng oán hận?

- ???!!!

- Dì thật là có mắt mà chẳng biết nhìn người. Một đứa con dâu hiếu thuận hiền lành như nó, dẫu có đốt đuốc đi tìm ba năm cũng chưa dễ đã có được, vậy mà dì nỡ đang tâm vô cớ đuổi xô nó ra khỏi nhà, lại khiến cho vợ chồng nó phải chia oanh rẽ phượng. Dì có biết là tội của dì lớn lắm đó không?

Bà Mã Ổn lặng thinh một hồi rồi nói:

- Thưa chị, em biết rồi. Quả thật em không nên làm như vậy. Bởi em ngu dại làm việc càn quấy cho nên bây giờ phải chịu báo ứng gặp phải đứa con dâu hung dữ quá chừng. Nó áp bức cả nhà em lâu nay mà chẳng biết làm sao cho thoát. Chị về cho em nhắn lời xin lỗi con San Hô vậy.

Bà Châu thị nói:

- Ai bảo dì nói chuyện lỗi phải ở đây? Nhưng nếu dì đã nghĩ lại như vậy, sao không bảo thằng Mã Văn sang

đón vợ nó về, vợ chồng sum họp một nhà có phải là tốt đẹp hơn không?

Bà Mã Ổn thở dài:

- Thật lòng thì tôi rất muốn như vậy. Nhưng chị nghĩ xem, tôi đối xử với nó như vậy, liệu nó có còn muốn quay về bên tôi nữa không?

Bà Châu thị an ủi:

- Dì đừng lo, tôi dám chắc là con San Hô nó không giận gì mẹ con dì cả. Ngược lại nó còn rất mong dì gọi về.

Bà Mã Ổn nghe vậy thì mừng vui hớn hở ra mặt, cảm ơn bà chị mình rối rít vì mấy năm qua đã chăm sóc đứa con dâu giùm mình. Rồi bà lập tức gọi Mã Văn ra bảo đi theo bà Châu thị ngay hôm đó sang đón San Hô ngay. Mã Văn nghe lời mẹ dạy thì mừng vui lộ ra nét mặt, lập tức lên đường theo dì sang đón người vợ yêu quý của mình về.

Khi vừa sang đến nơi, vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi, tình tự một lúc rồi dắt nhau ra lạy tạ đền ơn bà Châu thị.

Hôm sau, hai vợ chồng đưa nhau vừa về đến ngõ đã thấy bà Mã Ổn ra đứng ngoài đường chờ đón. Nàng San Hô nhìn thấy mẹ chồng liền oà lên khóc rồi ôm

chầm lấy mẹ, tỏ vẻ nhớ nhung lâu ngày. Nàng vuốt ve khắp mình mẹ, luôn miệng xuýt xoa khi thấy mẹ bây giờ quá gầy ốm.

Bà Mã Ổn giờ đã hiểu chuyện, được gặp lại con dâu hiền thì mừng vui khôn xiết, nhưng nhớ lại nỗi khổ tâm khổ cảnh đã trải qua trong mấy năm qua thì không khỏi buồn tủi nên cũng khóc òa lên. Nàng San Hô vội lựa lời an ủi, mẹ con hàn huyên quấn quýt tưởng như không còn cảnh mẹ chồng nàng dâu nào trên đời này có thể thương yêu hòa thuận đến như vậy!

Bà Mã Ổn ngập ngừng hồi lâu rồi mới nói:

- Mẹ biết mẹ có lỗi với con nhiều lắm, nếu con thương mẹ thì hãy bỏ qua đừng giận mẹ. Từ nay mẹ hứa sẽ hết lòng thương yêu con như con gái mẹ. Con ơi! Gia đình mình ngày nay nhiều chuyện rối rắm lắm, mẹ nói cũng không hết chuyện, để con về rồi sẽ biết. Giờ mẹ chỉ còn biết trông cậy vào một mình con trong lúc tuổi già thôi!

Nàng San Hô đáp:

- Sao mẹ lại nói vậy, bổn phận con là con dâu trong nhà, có bao giờ dám trách hờn gì mẹ đâu. Mẹ đã thương tưởng cho con trở về, từ nay con xin hết lòng hầu hạ chăm sóc mẹ.

Khi mọi người đưa nhau vào nhà thì gặp Túy Hoa vừa bước ra. Từ khi thấy bà Châu thị sang thăm bà Mã

Ổn, nàng ta lấy làm bực dọc vì phải tiếp đãi cơm nước tốn hao, lại thấy hai bà già cứ thì thầm to nhỏ với nhau mãi, ả cố rình nghe mà không nghe được gì, càng thêm bực tức lắm. Giờ lại thấy nàng San Hô vừa mới về, Túy Hoa mới biết là hai bà đã bàn nhau chuyện ấy. Cô ta lập tức ra đòn phủ đầu, phùng mang trợn mắt quát thẳng vào mặt San Hô:

- Mày là đứa đã bị chồng đuổi, sao còn dám vác mặt về đây nữa? Nếu muốn ở đây giúp việc nhà, ăn nhờ cơm thừa canh cặn thì phải lạy xin tao đây, tao mở lòng mà cho, chứ sao mày dám tự tiện chui đầu vào nhà này? Mày phải biết, đây là nhà của tao, mày không thưa gửi với tao thì phải đi ra khỏi nhà này cho mau, đừng ở đó mà chết...

Nàng San Hô thấy ả Túy Hoa hung dữ quá, tính bề không xuôi, bất đắc dĩ phải dùng lời lẽ êm dịu thưa với nó để xin ở, nó sai làm gì thì làm nấy, không dám cãi lẫy, cố giữ cho trong nhà yên ổn, khỏi sự kình địch mà thôi.

Nửa tháng sau, Túy Hoa bực dọc bảo chồng cất nhà riêng, rồi trong nhà còn được bao nhiêu tiền gạo ả gom sạch đem về cất giữ hết. Nàng San Hô thấy vậy theo khuyên lơn an ủi mẹ chồng:

- Thưa mẹ! Tiền của là do người làm ra, nay còn mai mất, xin mẹ đừng buồn. Tùy ý cô ấy muốn lấy gì thì lấy,

miễn con còn khỏe mạnh là sẽ cố gắng làm lụng nuôi mẹ, không để mẹ bị đói rách!

Bà Mã Ổn nghe nàng khuyên lơn an ủi như thế cũng thấy đỡ tủi thân phần nào, mẹ con đành an phận khổ học lây lất qua ngày. Nhờ nàng San Hô siêng năng giỏi giắn, lại khôn ngoan hiền hậu, đi đến đâu cũng được mọi người thương mến giúp đỡ nên lần hồi việc sinh hoạt trong nhà cũng ngày càng được tươm tất, đầy đủ hơn. Hơn thế nữa, những tình cảm thương yêu đầm ấm đã nhiều năm vắng bóng trong gia đình này giờ cũng đã quay trở lại. Mọi người cùng nhau chia sẻ mọi nỗi buồn vui, cùng lo lắng chăm sóc cho nhau thật là hạnh phúc.

Nàng San Hô tuy sống trong cảnh nghèo khổ túng thiếu nhưng lúc nào cũng giữ tròn lòng hiếu thuận, nghĩa thủy chung, khiến cho những người biết chuyện không ai là không kính mến. Tiếng lành đồn xa, người người đều biết đến nhân cách cao quý của nàng. Vì thế, không ít người đã tự nguyện giúp đỡ nàng vốn liếng để buôn bán làm ăn, lại có nhiều người khác tạo điều kiện giúp đỡ. Hơn thế nữa, nàng vốn là người khôn ngoan lanh lợi, làm việc gì cũng nhanh nhẹn, tháo vát nên không bao lâu thì việc làm ăn của gia đình ngày càng phát đạt, cảnh đói thiếu ngày xưa không còn nữa.

Nhà họ Mã trước đây vốn nhiều đời giàu có, nay tuy chồng bà Mã Ổn không may mất sớm, gia cảnh suy sụp, nhưng ruộng vườn đất đai vẫn còn rất rộng. Một hôm, nàng San Hô nhân buổi rảnh rỗi, thấy trong vườn cỏ mọc um tùm liền mang cuốc ra dọn xới một khoảnh nhỏ để trồng rau. Đang lúc giẫy cỏ bỗng phát hiện ở một nơi có vật gì rất cứng. Nàng cố sức cạy lên thì hóa ra đó là một phiến đá phẳng được dùng để đậy trên một cái hố nhỏ. Sau khi xê dịch được phiến đá mỏng đó sang một bên, nàng San Hô ngạc nhiên biết bao khi nhìn thấy bên dưới cái hố nhỏ đó là rất nhiều những khối vàng ròng. Nàng vội vã chạy bay vào nhà báo tin với mẹ chồng, sau đó còn chạy sang nhà Túy Hoa để gọi cả hai vợ chồng cô ta đến xem.

Khi mọi người nhận ra đó chính là nơi cất giấu vàng của tổ tiên nhà họ Mã, ả Túy Hoa lập tức hối chồng mang đến một cái thúng thật lớn rồi nhanh tay chọn hết những khối vàng lớn nhất cho vào thúng mang về nhà mình. Nàng San Hô khi ấy mới cùng mẹ chồng chậm rãi nhặt sạch những thỏi vàng nhỏ mà cô ta bỏ lại. Họ nghĩ, dù sao thì bấy nhiêu đây cũng đã thừa sức giúp họ trở nên giàu có, dư ăn dư để...

Túy Hoa cùng chồng khệ nệ khiêng về cả một thúng vàng ròng. Ả lập tức mang ngay một số đến mấy nhà giàu trong xóm bán bớt để lấy tiền tiêu pha hưởng thụ.

Ngờ đâu, sau khi mua vàng xong họ gọi thợ vàng đến thử mới biết đó toàn là vàng giả. Mấy người nhà giàu bị lừa gạt thì tức tối lắm, lập tức rủ nhau bẩm báo lên quan huyện. Quan huyện sau khi xác nhận sự việc liền sai người đến lục soát trong nhà Túy Hoa, quả nhiên vẫn còn rất nhiều khối vàng giả chưa đem bán. Chứng cứ lừa bịp đã rỗ ràng, cả hai vợ chồng Túy Hoa lập tức bị tống giam vào ngục, còn bị hành hạ khổ sở vì nha lại không tin vào lời khai của họ là đào được vàng giả trong vườn. Họ bị khép tội cố ý làm vàng giả để lường gạt, phải giam vào ngục để chờ ngày xử tội.

Thật không ai có thể ngờ được ả Túy Hoa vì tham mà thâm. Hóa ra những khối vàng lớn đều là vàng giả, có lẽ đã được trộn lẫn vào để đánh lừa kẻ trộm, còn những thỏi vàng nhỏ thì đều là vàng thật. Khi ấy, nàng San Hô thấy em chồng gặp nạn như vậy thì rất buồn rầu, cố năn nỉ với mẹ chồng xin tìm phương giải cứu. Bà Mã Ổn trong lòng đầy căm tức oán hận, thấy việc này xảy ra lại hả hê vui sướng, làm sao có thể đồng ý cho San Hô ra tay giúp đỡ? Dù nàng thuyết phục cách gì bà cũng nhất quyết không chịu. Bà nói:

- Quân ngỗ nghịch đó cũng nên để nó nếm mùi đau khổ, nếu có chết đi cũng là rảnh bớt nợ đời, lẽ nào con còn muốn thấy nó trở về đây để chửi mắng hành hạ mẹ con mình nữa hay sao?

Nàng San Hô theo năn nỉ thuyết phục nhiều lần mà mẹ chồng vẫn không chịu, buồn rầu không ăn không ngủ, chỉ mấy hôm đã sa sút như người bệnh nặng. Bà Mã Ổn thấy con dâu ngã bệnh thì lo lắng vô cùng, trong ý cũng xiêu lòng muốn cho phép nàng tìm phương giải cứu vợ chồng Mã Võ.

Mã Văn biết ý mẹ, lại gần thưa:

- Chuyện vợ chồng hai em con, chỉ do Túy Hoa ngu dại hung dữ nên lỗi đạo với mẹ, nhưng dù sao chúng nó cũng là con và dâu của mẹ, là em của con. Nếu chúng ta thấy vợ chồng nó bị tù tội mà không ra tay giải cứu, e rằng cũng không phải đạo, không khỏi mang tiếng xấu với đời! Huống chi San Hô là người trọng tình nghĩa, rất thương chúng nó, con sợ nàng buồn rầu sinh bệnh mà chết thì thật tội nghiệp, xin mẹ nghĩ lại.

Bà Mã Ổn nghe nói San Hô có thể vì chuyện này mà bỏ mạng thì lấy làm hốt hoảng, lập tức gật đầu ưng thuận. Nàng San Hô nghe mẹ đồng ý cho phép, mừng quá hết bệnh, vội bàn tính với mẹ bán vàng lấy tiền chuộc tội cho em. May thay cho hai vợ chồng ả Túy Hoa, nhờ có nàng San Hô dùng tiền bạc lo liệu, lại thêm Mã Văn văn hay chữ tốt được nhiều người ở công đường nể nang nên quan huyện đồng ý xét lại sự việc. Sau khi xác nhận số vàng đó chỉ tình cờ đào được trong

vườn, không phải do họ cố ý làm ra để lường gạt, quan huyện liền ra lệnh phóng thích hai vợ chồng họ.

Túy Hoa được trở về từ chốn lao ngục, chịu đựng biết bao đắng cay khổ nhục, đau đớn khôn cùng, liền nhận ra rằng sự việc xảy đến với mình chính là quả báo hiện tiền, do sự tham lam và hung dữ của chính mình chứ không do ai đưa đến. Từ đó nàng ta hết sức ân hận, hối lỗi, đêm ngày suy xét hổ thẹn trăm bề. Hơn thế nữa, Túy Hoa còn được cảm hóa bởi chính sự nhân từ độ lượng của nàng San Hô, dù trải qua bao nhiêu việc cay đắng, bị xúc phạm hành hạ rất nặng nề mà chẳng những không giận ghét, còn nghĩ tình chị em hết lòng ra tay giải cứu.

Bởi vậy, từ đó về sau Túy Hoa bỗng nhiên thay đổi hẳn tâm tính, mỗi ngày đều sang thăm viếng mẹ chồng, đối xử thuận thảo, hiếu nghĩa, hết lòng thờ kính, lại cũng trở nên mềm mỏng dịu ngọt với chồng, không còn giữ thói hung dữ ngang nghạnh như ngày trước nữa. Đặc biệt, đối với San Hô nàng hết lòng kính phục, không bao giờ còn dám tỏ thái độ hung dữ, lấn lướt như xưa. Chỉ ít lâu sau, nàng lại xin phép bà Mã Ổn được dọn về ở chung nhà như cũ, để được sớm hôm lo lắng việc nhà và chăm sóc mẹ chồng thay chị. Nhờ đó, nàng San Hô mới được rảnh tay lo phát triển việc mua bán

khắp gần xa, khiến cho nhà họ Mã ngày càng phát đạt, còn phần Mã Văn cũng được chuyên tâm đèn sách nên việc học của chàng tiến bộ rất nhanh.

Sau đó khoảng nửa năm thì bà Mã Ổn lâm bệnh qua đời. Cả vợ chồng Mã Văn và Mã Võ cùng chung lo ma chay thật trang nghiêm long trọng. Tội nghiệp cho Túy Hoa, vì nàng thật lòng cải hối nên thấy mẹ sớm ra đi, cứ nghĩ mình chưa đền trả hết được những tội lỗi với mẹ trước đây, nàng đập mình đập mẩy, ngã lăn xuống bên cạnh quan tài khóc lóc thảm thiết, tưởng như chỉ còn một cách chết theo chứ không sao sống nổi! Nàng thống thiết kể lể:

- Mẹ ơi! Sao mẹ không sống trọn trăm tuổi cùng con, để con được nuôi dưỡng đáp đền, chuộc lại cái tội ngỗ nghịch bất hiếu xưa kia. Sao mẹ nỡ bỏ con mà đi sớm vậy!

Cô khóc kể bi thảm suốt ngày đêm, không màng ăn uống, ai nấy đều động lòng rơi lệ. Thật không thể ngờ được rằng đứa con dâu ngỗ nghịch hung dữ ngày nào giờ đây lại có thể được cảm hóa thay đổi trở thành như thế!

Than ôi! Đời người có ai không lầm lỗi, nhưng có lỗi mà biết ăn năn sám hối như Túy Hoa tưởng cũng là ít có, thật đáng trân trọng biết bao!

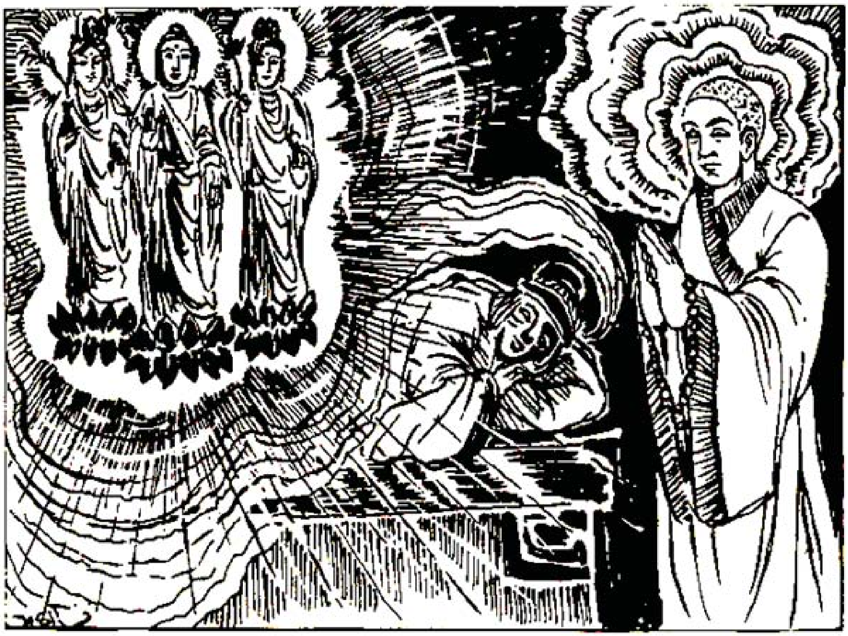
Sau ba năm để tang mẹ, chàng Mã Văn gặp lúc triều đình mở khoa thi liền ứng thí, đỗ hàng cử nhân. Năm sau đến kỳ thi hội, chàng lại đỗ bảng nhãn, làm quan đến chức Thượng trụ quốc công, quyền cao chức trọng, bổng lộc tràn đầy. Một nhà họ Mã từ đó về sau vinh hoa phú quý chẳng ai bằng, lại càng cố công vun bồi cội phúc.

NIỆM PHẬT CỨU MẸ

Thiền sư Tông Trách sống vào đời Tống, người Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, từ nhỏ đã sớm mồ côi cha. Mẹ thầy là Trần thị liền đưa thầy về nương náu với người cậu, nuôi dưỡng lớn khôn. Thuở thiếu thời thầy thông suốt sách Nho, đọc hiểu khắp sách vở thế gian.

Năm lên 29 tuổi, thầy nhận ra được sự vô thường của kiếp người, liền lập chí nghiên cứu và thực hành Phật pháp. Từ đó tìm đến thiền sư Viên Thông Pháp Tú ở chùa Trường Lô thuộc Trân Châu xin xuất gia tu học, tham cứu thông suốt nghĩa lý huyền diệu, thấu rõ tông yếu.

Sau đó, thầy nghĩ đến ân sâu nuôi dưỡng dạy dỗ của mẹ, muốn tìm cách báo đáp, liền đón mẹ về cùng ở trong chùa, sửa dọn một căn phòng để bà ở về phía đông phương trượng, sớm chiều đều sang hầu hạ phụng dưỡng. Ngoài việc lo cung phụng vật chất đầy đủ ra, thầy còn khẩn thiết khuyên nhủ, hướng dẫn mẹ chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Mẹ thầy tin nhận lời thầy, hết lòng tu tập theo pháp môn Tịnh độ.



..... thầy còn khẩn thiết khuyên nhủ, hướng dẫn mẹ chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sinh về Tây phương Tịnh độ.

Bảy năm sau, mẹ thầy an nhiên vãng sinh trong tiếng niệm Phật. Thiền sư còn có trước tác "Khuyến hiếu văn" lưu truyền hậu thế. Toàn bộ bài văn có 120 thiên; 100 thiên đầu nói rõ cách phụng dưỡng cha mẹ bằng vật chất; 20 thiên sau hướng dẫn việc nên khuyên cha mẹ thực hành pháp môn Tịnh độ, cầu được vãng sinh Tây phương Cực Lạc. Cách báo hiếu trọn vẹn như ngài dạy trong văn này chính là ý nghĩa báo hiếu mà tất cả những người con Phật đều phải noi theo.

(trích *Tịnh độ thánh hiền lục*)

HIẾU NGHĨA THÀNH DANH

Vào triều Thanh, tại làng An Phước, quận Quế Dương có một nho sĩ tên Phan Thanh Quý, nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ là Lý thị hằng ngày vất vả chắp bông kéo vải dành dụm nuôi con ăn học.

Phan Thanh Quý học hành thông minh sáng suốt, lại rất có hiếu với mẹ. Mỗi khi đi học về, chàng đều vội cất sách vở chạy đến bên mẹ thưa rằng:

- Mẹ có việc gì để con làm giúp cho!

Lý thị thấy con ngoan ngỗn, hiếu thảo như vậy, trong lòng rất mừng, nhưng bà luôn tự làm hết mọi việc, không nỡ sai bảo con, muốn con dành trọn thời gian cho việc học hành. Hàng xóm láng giềng thấy Phan Thanh Quý hiếu thuận, ai cũng khen bà Lý thị có phước.

Lý thị là người tin sâu Phật pháp, đã quy y Tam bảo từ thuở nhỏ, thường lên chùa cúng dường Tam bảo. Hơn nữa, bà còn rất thuần thành tin tưởng vào Bồ Tát Quán Thế Âm, thường xuyên trì niệm danh hiệu của ngài.

Hằng tháng, cho dù việc chi tiêu trong nhà có vừa đủ hay thiếu thốn, bà cũng đều dành ra một số tiền

để mua hương đèn hoa quả, rồi sai Phan Thanh Quý mang lên chùa Hưng Duyên ở gần đó dâng hương lễ Phật. Phan Thanh Quý luôn vâng lời mẹ, mỗi khi lên chùa đều chí thành lễ Phật. Do được mẹ dạy bảo từ nhỏ như vậy nên chàng trai này cũng hết sức tin sâu Phật pháp, mỗi một việc làm đều luôn biết suy xét nhân quả thiện ác.

Một hôm, Phan Thanh Quý theo lệ thường lên chùa dâng hương lễ Phật, vừa bước ra thì chợt nhìn thấy một tiểu thư trạc tuổi trăng tròn, dung nhan xinh đẹp, thướt tha hiền dịu, đang dắt tay một em bé từ cổng chùa đi vào. Hai người tình cờ gặp nhau, không ai bảo ai mà cùng dừng chân nhìn nhau, dường như đã có chút nhân duyên từ đời trước, khiến cho tuy mới gặp mà cả hai đều thấy trong lòng xao xuyến như đã quen biết nhau tự thuở nào, quả thật là "tình trong như đã, mặt ngoài còn e".

Phan Thanh Quý đã mấy lần muốn ngỏ lời chào hỏi nhưng còn ngại ngùng không biết ý nàng thế nào. Còn nàng thì cứ lấy tay vò đầu em, dáng vẻ e lệ, cứ nhóm gót như muốn đi nhưng lại dần dà mãi vẫn không cất bước... Mãi một lúc sau, chàng mới đánh bạo lên tiếng trước:

- Tiểu thư, xin phép được cho kẻ thư sinh này thưa hỏi đôi lời. Chẳng hay nàng ở đâu đến chùa này lễ Phật, sao trước giờ tôi chưa được gặp bao giờ?

Cô gái nghe hỏi, e lệ đỏ bừng mặt, cúi đầu thỏ thẻ đáp:

- Nhà em cũng ở gần đây thôi, nhưng gia phụ vốn giữ nếp nhà nghiêm cẩn nên rất ít khi cho phép em ra ngoài. Hôm nay là lần đầu tiên được đến chùa lễ Phật.

Thấy nàng vui vẻ trả lời, chàng Phan Thanh Quý trở nên bạo dạn hơn, bắt đầu lân la trò chuyện. Hai bên gặp nhau chưa bao lâu mà đã tỏ ra thật là tâm đầu ý hiệp, quyến luyến không rời. Chàng Phan trước khi chia tay liền bạo gan dọ hỏi chuyện lương duyên. Cô gái bẽn lẽn nói:

- Tuy đã có nhiều nơi đến dạm hỏi, nhưng cha mẹ thiếp chưa hứa gả nơi nào.

Chàng nghe như vậy thì không giấu được vẻ vui mừng, liền hỏi tiếp:

- Như ta muốn nhờ người đến dạm hỏi, không biết có chút hy vọng nào chăng?

Cô gái e thẹn cúi đầu im lặng. Chàng nhân dịp đó liền tiếp tục dò hỏi về gia thế, tên tuổi... trong ý đã quyết sẽ nhờ người dạm hỏi để kết duyên Tần Tấn. Nàng chỉ lặng thinh nghe chàng nói, hai gò má càng lúc càng đỏ rần lên... Cuối cùng nàng mới bộc bạch:

- Em tên là Tiêu Bích Hà, thân phụ là Tiêu Nhượng Đức, nhà ở làng Ngọc Thanh. Cha em có người bạn thân tên là Châu Khuyến Thành, ở kế bên nhà, nếu chàng đến nhờ ông ấy mai mối chắc sẽ có nhiều hy vọng.

Phan Thanh Quý nghe được lời ấy thì mừng rỡ vô cùng, lập tức ghi nhớ kỹ trong lòng, nhất định sẽ về thưa với mẹ tiến hành ngay việc dạm hỏi. Hai bên bịn rịn hồi lâu rồi mới chia tay nhau, chàng quay về nhà, còn nàng dắt em vào chùa lạy Phật.

Ngờ đâu ngay sau hôm đó thì mẹ chàng nhận được tin tức về một người em xa cách bặt tin đã lâu, nghe nói ông đã về nhậm chức tri huyện ở Linh Lăng. Bà mừng quá liền lập tức sai Phan Thanh Quý lên đường tìm đến Linh Lăng thăm cậu.

Chàng đi ròng rã suốt cả tháng trời mới đến nơi, nào ngờ người cậu ấy đã qua đời cách đó vài tháng, bà mợ đã đưa cả gia đình về quê, không còn ai ở đó cả! Lúc ấy, Phan Thanh Quý phải lâm vào tình trạng hết sức thảm hại. Muốn quay về nhà thì tiền bạc, lương thực mang theo đều đã cạn; còn ở lại thì bơ vơ đất khách quê người, không một người quen biết, không nơi ăn chốn ở, thậm chí cũng chẳng biết phải làm gì để kiếm miếng cơm ăn qua ngày. Thật khốn đốn thay!

Than ôi, chuyện đời vẫn thường là “họa vô đơn chí”. Trong khi chàng còn chưa biết tính cách nào để nuôi thân qua ngày tạm thời chờ đợi kiếm tiền về quê, thì bỗng đâu nghe tin giặc giã nổi lên khắp chốn, đường về quê cũ giờ đây không một khách bộ hành nào dám đi qua nữa vì giặc cướp ngăn trở nhiều nơi...

Thật may, khi ấy chàng lại gặp được một người hào trưởng tốt bụng, hỏi qua biết chàng là thư sinh, liền mời về nhà để dạy học cho mấy đứa con nhỏ ở nhà ông. Sau đó lại có các nhà hàng xóm cũng mang con đến gửi, thế là chẳng mấy chốc đã hình thành một lớp học nhỏ, chàng Phan Thanh Quế bất đắc dĩ phải làm một thầy đồ gõ đầu trẻ để sống tạm qua ngày chờ khi thời cuộc tạm yên ổn sẽ lên đường về quê.

Những người trong xóm ấy thấy chàng diện mạo khôi ngô, phong thái nho nhã, lại rơi vào cơn khốn bách như thế nên ai cũng động lòng thương xót, liền bàn nhau cất một ngôi nhà nhỏ, vừa làm nơi trú ngụ cho chàng, vừa làm trường học để tiện bề dạy dỗ con cháu của họ. Tuy đã có thể tạm sống yên, nhưng chàng vẫn không một phút nào không nghĩ đến mẹ già nơi quê cũ, lại nhớ đến mối duyên kỳ ngộ đành phải lỡ làng thì trong lòng sầu muộn khôn nguôi.

Một hôm, Phan Thanh Quý đang ngồi buồn nhớ đến mẹ già ở quê nhà, bỗng nghe ngoài ngõ có tiếng người rao lớn rằng:

- Ai mua lão thì lão bán cho!

Nghe tiếng rao kỳ lạ, chàng vội chạy ra ngoài xem thử, nhìn thấy một bà lão tuổi ngoài 60, gương mặt giống hệt mẹ mình. Chàng mừng quá, liền hỏi:

- Bà lão định bán giá bao nhiêu?

- Nếu thật lòng mua lão về làm mẹ thì lão theo về, không cần tiền bạc.

Thấy lạ, Phan Thanh Quý đứng yên nhìn bà dò xét hồi lâu, nhưng thấy bà không có vẻ gì là đùa cợt. Chàng liền nói:

- Con vốn đang xa mẹ, nếu thật vậy thì con xin nhận bà về làm mẹ.

Từ đó, Phan Thanh Quý chăm sóc phụng dưỡng bà lão như mẹ ruột của mình, còn bà cũng xem chàng như con đẻ. Bà tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn có sức khỏe lạ thường, lại siêng năng làm nghề bông vải, đủ kiếm tiền nuôi chàng ăn học cho kịp khoa thi sắp tới. Chàng thấy bà lão khổ cực không đành lòng, muốn đỡ đần cho bà, nhưng lần nào cũng bị bà la rầy không cho.

Mặc dù vậy, cứ thỉnh thoảng bà lại có những lần đau ốm, mỗi lần kéo dài đến năm mười ngày hoặc cả tháng không chừng, khiến chàng phải chăm sóc rất vất vả, song chàng vẫn vui vẻ hết lòng thức khuya dậy sớm, chăm sóc cơm cháo, giặt giũ quần áo cho bà, không bao giờ lộ vẻ chán nản hay mệt mỏi. Chàng thương yêu chăm sóc cho bà không khác chi mẹ ruột của mình. Nhiều lúc bà cố tình giận dữ, rầy la quát mắng những việc rất vô lý nhưng chàng vẫn vui vẻ nhận chịu, chưa bao giờ tỏ ra bực dọc hoặc nhăn mặt chau mày.

Cứ thế, mẹ con sống bên nhau được hơn nửa năm. Một hôm bà lão bảo chàng:

- Con đã lớn rồi, để mẹ kiếm một nơi thích hợp định chuyện đôi bạn cho con.

Phan Thanh Quý giật mình vội thưa:

- Không... không, thưa mẹ! Con phiêu bạt đến đây đã gần năm trời, không biết mẹ ruột con ở nhà thế nào, có được mạnh khỏe an ổn hay không... thật không lòng dạ nào nghĩ chuyện cưới vợ!

Bà lão vẫn nằng nặc nài ép, lại nói:

- Nếu con biết nghĩ đến mẹ già, càng phải sớm lo bề gia thất, mai kia gặp lại có cháu nội ẵm bồng, chẳng phải mẹ con sẽ vui mừng lắm sao? Nếu con trì hỗn việc

này, đến lúc mẹ con trăm tuổi vẫn chưa biết mặt dâu con, chưa được thấy tông đường có người nối dõi, chẳng hóa ra là bất hiếu lắm hay sao?

Bấy giờ, chàng Phan Thanh Quý hết đường chống chế, đành phải nói thật:

- Thưa mẹ! Chuyện lương duyên của con vốn lẽ ra đã định từ năm trước, lúc con tình cờ gặp được nàng Tiêu Bích Hà tại chùa Hưng Duyên, chúng con đã có lời hẹn ước. Do hoàn cảnh trớ trêu bất ngờ nên phải bặt đường tin tức, nhưng dù sao con cũng không nỡ phụ nàng!

Bà lão nghe chàng nói, gật gật đầu ra chiều thông cảm, rồi không nói thêm gì nữa.

Từ lúc bà lão nhắc chuyện lương duyên, khiến chàng chạnh lòng nhớ đến người xưa, trong lòng ngổn ngang trăm mối, chẳng biết đến bao giờ mới có thể về lại quê xưa, phần nhớ thương lo lắng cho mẹ già, phần băn khoăn không biết người xưa giờ đã thế nào...

oo0oo

Trở lại nơi quê hương của chàng Phan Thanh Quý, sau khi mẹ chàng sai con đi Linh Lăng tìm cậu, chờ mãi không thấy trở về, cũng không nghe tin tức. Ngày nào bà cũng lo lắng, thấp

hương cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm xin cho mẹ con được gặp lại nhau.

Không bao lâu thì giặc giã nổi lên khắp chốn, chúng cướp bóc giết hại dân lành, đốt phá làng mạc... không một ngày nào còn được yên ổn. Bà con xóm làng lũ lượt rủ nhau chạy trốn giặc, nhưng cũng chẳng biết chạy về đâu. Thật đáng thương thay cho tình cảnh của những người dân nghèo trong cơn biến loạn.

Bà mẹ Phan Thanh Quý cũng không thể một mình ở lại xóm làng, đành phải gắng gượng lê tấm thân già yếu cố sức chạy theo mọi người. Bà chạy từ trưa đến gần tối, té ngã nhiều lần, sức cùng lực kiệt không thể nào theo kịp mọi người được nữa, đành nằm nghỉ lại dưới một gốc cây bên đường, miệng vẫn không ngừng trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cầu ngài cứu khổ cứu nạn...

Trời vừa sụp tối, bà đang lo lắng giữa cảnh núi rừng cô tịch thì bỗng thấy có một bà già cũng đang băng đường chạy đến. Nhìn thấy bà, bà lão kia nói:

- Trời đã tối rồi, sao bà vẫn còn ở đây! Nếu không biết chỗ nghỉ thì mau đi theo tôi, tôi biết có một nơi có thể nghỉ tạm qua đêm.

Bà lão ấy nói rồi nắm lấy tay bà dắt đi, mỗi lúc một nhanh, mà bà cũng không hiểu sao mình lại vẫn thấy

khỏe khoắn lạ thường, bước đi nhẹ như lướt trên mây gió, chẳng mấy chốc mà ước chừng đã vượt qua cả mấy chục dặm đường... Họ cứ thế mà băng đường đi tới.

oo0oo

Nhắc lại việc nàng Tiêu Bích Hà, từ khi gặp chàng Phan Thanh Quý tại chùa Hưng Duyên, về nhà được mấy hôm thì cha nàng bất ngờ lâm bệnh qua đời. Cảnh nhà rối rắm, đôi vai gầy của nàng phải gánh chịu bao nỗi lo toan, lại thêm buồn đau thương nhớ, thật là một cảnh thảm thương không bút nào tả xiết!

Lần hồi rồi việc nhà cũng tạm được yên, nhưng nhớ lại mối duyên kỳ ngộ nơi chùa Hưng Duyên nàng luôn băn khoăn tự hỏi không biết người xưa có nhớ đến mình hay không, sao từ lúc chia tay đến nay vẫn biệt vô âm tín... Nàng không khỏi đêm ngày thầm thương trộm nhớ, đã hơn một năm qua vẫn chưa khuây lãng được. Đã vậy, những công tử quyền quý khắp vùng vì say mê nhan sắc của nàng nên liên tục cậy người mai mối tới dạm hỏi. Mẹ nàng thấy con đã đến tuổi trưởng thành, nhiều lần giục nàng hãy chọn lấy một nơi, nhưng lúc nào nàng cũng lựa lời từ chối, viện cớ là chưa thấy ai thích hợp với mình.

Một hôm, có tên Trương Thủ Hùng là con nhà giàu có ở làng bên, đã nhiều lần cậy người mối mai mà không được, biết là khó được nàng ưng thuận nên liền lập kế đem tiền của mua chuộc người bác của nàng là Tiêu Nhượng Nghĩa, lừa ông này cùng chúng đến nhà nàng gọi cửa vào ban đêm. Mẹ nàng nghe tiếng ông Tiêu Nhượng Nghĩa liền bảo con dậy ra mở cửa cho bác vào. Ngờ đâu bè đảng Trương Thủ Hùng đã chuẩn bị sẵn kiệu nhẹ bốn người khiêng, nàng vừa mở cửa thì chúng lập tức xông đến bắt lấy nàng đưa lên kiệu, khóa cửa lại rồi ào ào khiêng chạy như bay.

Mẹ nàng chẳng biết vì sao con mình bị bắt nên nhào lăn khóc lóc, còn nàng ở trong kiệu giãy giụa kêu cứu, nhưng mấy tên bất lương vẫn cứ thẳng đường mà chạy, không đếm xỉa gì đến tiếng kêu khóc của nàng.

Không ngờ trời xanh có mắt, chẳng giúp kẻ gian manh. Mấy tên lưu manh này vốn là bọn đầu trộm đuôi cướp được Trương Thủ Hùng tìm thuê từ xa đến nên không rành đường sá trong vùng. Trương Thủ Hùng đã chỉ đường cho bọn chúng, bảo chúng khiêng chạy chừng một canh giờ thì sẽ gặp người đón đường đưa về nhà hắn và nhận tiền thù lao. Nhưng phần vì trời tối, phần vì bọn chúng hốt hoảng sợ người đuổi theo, nên mắt nhắm mắt mở thế nào lại chẳng nhìn thấy chỗ ngã ba rẽ về nhà Trương Thủ Hùng, cứ một lèo theo đường

lớn chạy riết. Chạy đến lúc trời đã sáng rõ mà không thấy ai ra đón cả, bọn chúng không biết tính sao đành hạ kiệu xuống để bên lề đường rồi kéo nhau bỏ đi mất.

Mấy hôm sau, chúng tìm đến gần nhà Trương Thủ Hùng rình rập, đợi lúc tên này vừa đi chơi về gần tối thì nện cho một trận thiếu sống thừa chết để rửa mối hận bắt bọn chúng khiêng kiệu chạy suốt đêm mà chẳng được gì! Quả thật là làm ác gặp ác, đáng đời cho tên công tử nhà giàu gian manh háo sắc.

oo0oo

Buổi sáng hôm ấy, chàng Phan Thanh Quý tâm trạng không vui nên bước ra ngoài dạo chơi một lát. Chẳng biết thế nào lại vui chân đi mãi theo con đường trước nhà một quãng khá xa. Đến lúc chàng vừa định quay về thì bỗng nghe có tiếng người khóc than văng vẳng từ xa vọng đến. Chàng liền theo hướng ấy mà tìm đến, liền nhìn thấy một chiếc kiệu đặt bên đường, cửa khóa chặt, có tiếng một người con gái than khóc vọng ra từ trong ấy. Nhìn quanh nhìn quất lại chẳng thấy người khiêng kiệu đâu cả.

Thấy lạ, Phan Thanh Quý liền bước đến sát bên rồi lên tiếng hỏi:

- Cô nương con cái nhà ai? Vì sao kiệu bỏ ở đây lại không có người khiêng? Hay có chuyện gì không may đã xảy ra chăng?

Cô gái nghe tiếng người hỏi thì nín bặt một lúc, rồi lên tiếng hỏi lại:

- Chàng là ai? Nghe câu hỏi của chàng thì xem ra chắc không thuộc bọn người đã bắt tôi đến đây. Nếu quả đúng vậy thì xin ra ơn cứu giúp, đưa tôi về nhà.

Chàng Phan Thanh Quý vừa nghe tiếng nói bỗng như bủn rủn cả tay chân, tim đập liên hồi thình thịch. Đúng là giọng oanh vàng thỏ thẻ ngày xưa, dù xa cách mấy năm nhưng chàng chưa lúc nào quên được. Chàng đánh bạo hỏi thẳng:

- Trời ơi! Có phải là cô nương Tiêu Bích Hà đó chăng?

Nàng nghe giọng nói cũng đã nhận ra là quen thuộc, nhưng còn e dè chưa dám vội vã, liền hỏi lại:

- Người là ai sao lại biết tên tôi?

Phan Thanh Quý mừng rỡ kêu lên:

- Đúng là cô nương rồi. Cô nương không nhớ lúc gặp nhau nơi sân chùa Hưng Duyên năm xưa đó sao?

Đôi bên nhận biết được nhau, mừng mừng tủi tủi. Chàng Phan Thanh Quý lập tức phá kiệu cho cô ra

ngoài, lại đưa về nhà để giới thiệu với bà mẹ nuôi của mình.

Nhưng hai người về nhà thì không thấy bà cụ đâu cả. Chàng Phan Thanh Quý mời nàng ngồi nghỉ một lát trong gian nhà tranh, rồi nhân dịp đó hai bên cùng kể lể tâm sự những nổi nhớ nhung mong chờ trong mấy năm qua... Khi hiểu ra được những trắc trở của nhau, đôi bên càng thêm yêu quý, kính mến lẫn nhau, mối duyên kỳ ngộ bỗng chốc trở nên nồng nàn tha thiết hơn cả buổi ban đầu...

Đang lúc vui chuyện, chợt nghe có tiếng người nói lớn trước sân:

- Nhà này có thể nương náu được, bà hãy vào nghỉ lại ở đây, tôi còn có việc phải đi.

Phan Thanh Quý nghe vậy liền mở cửa bước ra xem. Ô kìa! Một bà lão gầy ốm đang đứng trước sân, thân hình tiều tụy, dáng người khắc khổ, nhìn kỹ hóa ra chính là mẹ ruột của chàng! Chàng mừng quá chạy bay ra ôm chầm lấy mẹ rồi òa khóc:

- Mẹ ơi! Con quả thật là đứa con bất hiếu, bỏ mẹ mà đi suốt mấy năm nay. Nhưng sao mẹ lại đến được nơi này?

Bà mẹ chàng cũng mừng vui nghẹn ngào không nói được nên lời, hồi lâu mới lắp bắp nói:

- Đúng là Bồ Tát ra ơn cứu độ. Mẹ đang trên đường chạy giặc, gặp một bà già dắt mẹ cùng đi. Bà ấy đưa mẹ đi suốt đêm qua, sáng nay thì đến đây, lại bỏ mẹ ở đây mà đi mất rồi!

Chàng Phan Thanh Quý vội hỏi xem bà lão ấy dung mạo thế nào. Mẹ chàng vừa tả lại, chàng nhận biết ngay đó là bà mẹ nuôi của mình. Chàng vội chạy khắp quanh nhà tìm kiếm, không còn thấy mẹ nuôi đâu cả. Đến đây thì cả hai mẹ con đều hiểu ra mọi chuyện, tin chắc rằng suốt mấy năm qua họ đã luôn được Bồ Tát Quán Thế Âm âm thầm gia hộ che chở.

Kể ra cũng thật lạ kỳ! Từ quê chàng Phan Thanh Quý đi đến nơi đây đường xa diệu vợi, chí ít cũng mất cả tháng trời. Vậy mà bà lão kia nắm tay mẹ chàng dắt đi chỉ qua một đêm thì đến! Lại nữa, mấy tên lưu manh khiêng kiệu chẳng biết đường xá chỉ nhắm mắt đi bừa cả đêm, chẳng hiểu sao lại đưa được nàng Tiêu Bích Hà đến đúng chốn này. Quả thật là "*hữu thành tất ứng*", nhờ có sự nguyện cầu tha thiết thành khẩn nên cảm ứng được mọi sự tốt lành như thế.

Hôm sau, Phan Thanh Quý lập tức mượn thêm mấy người hàng xóm, cùng khiêng kiệu đưa Tiêu Bích Hà trở về nhà, đồng thời mang lễ vật đến xin hỏi cưới nàng.

Trải qua sự việc kinh hoàng con gái bị cướp đi, bà mẹ nàng Tiêu Bích Hà không hỏi han gì nhiều nữa, lập

tức gật đầu ưng thuận, chỉ mong nàng có nơi gửi gắm, có chỗ yên thân để không còn bị bọn lưu manh côn đồ dòm ngó nữa.

Thế là bà Lý thị nhanh chóng thu xếp tổ chức lễ cưới ngay cho con trai. Buổi lễ tuy chẳng có trà lang rượu cúc, đũa ngà chén ngọc như các đám sang giàu, nhưng người trong xóm đến dự rất đông, vì hầu như ai cũng có con em được Phan Thanh Quý hết lòng dạy dỗ. Thật là một mối duyên lành, người người đến dự đều mừng thay cho họ, cùng nhau hoan hỷ chuyện trò, nói cười vui vẻ.

Từ đó về sau, mẹ con sum vầy, chồng vợ hòa thuận. Năm sau, nàng Bích Hà sinh được một đứa con trai, diện mạo khôi ngô, giống tạc như cha. Sau đó, chàng Phan Thanh Quý thi đậu cử nhân, ra làm quan, xây dựng nhà cửa thênh thang, giàu sang vinh hiển.

CON HIẾU KHÔNG DỐI CHA

Cố Hùng là người rất hiếu thuận. Ông là con trưởng trong nhà, còn có hai người em hãy còn nhỏ dại. Người cha rất mực thương yêu các con, nhưng cảnh nhà không được dư giả nên lúc nào cũng thiếu trước hụt sau.

Cố Hùng đi dạy học ở xa, nhận được tiền lương chỉ giữ lại vừa đủ chi tiêu cần yếu, còn bao nhiêu gửi cả về cho cha để lo cho gia đình, nuôi dưỡng các em.

Mùa xuân năm Canh Tý, Cố Hùng nhận lời mời đến nhà bà họ Trương làm gia sư. Ngày mới đến dạy, bà Trương biết Cố Hùng là con nhà nghèo, việc chi tiêu cá nhân thường eo hẹp, liền trả đủ tiền lương trọn một năm, đồng thời bảo ông:

- Số tiền hôm nay tôi đưa cho thầy, chắc chắn cha thầy không biết đến. Ở đây có người vừa rao bán một ruộng lúa non, vậy thầy hãy dùng số tiền này mà mua. Đến mùa thu hoạch có thể kiếm được số tiền lời cũng kha khá. Như vậy thì tiền lương thầy vẫn gửi đủ về nhà, mà cũng có thêm được một số tiền để chi dụng.



... chỉ giữ lại vừa đủ chi tiêu cần yếu, còn bao nhiêu gửi cả về cho cha để lo cho gia đình, nuôi dưỡng các em.

Cố Hùng hết lời cảm ơn ý tốt của bà Trương, song ông nghiêm nghị đáp:

- Tôi không thể làm như thế. Cha tôi vẫn còn đó, dù việc lớn hay nhỏ đều phải do ý cha tôi quyết định. Tôi nay tuy đã lớn khôn ra ngoài kiếm sống, nhưng vẫn không dám vượt quyền cha. Tiền kiếm được xin gửi trọn về nhà, tùy ý cha tôi định liệu. Cho dù làm theo

lời bà có kiếm được thêm tiền, nhưng giấu giếm cha tôi là chuyện tôi không thể làm.

Thế là, sau khi nhận đủ tiền lương cả năm, Cố Hùng liền gửi trọn hết về cho cha.

Do Cố Hùng tự mình nêu gương hiếu thuận, nên con cái ông về sau đều có phẩm hạnh tốt. Con trai ông là Tế Minh thi đậu tiến sĩ từ khi còn trẻ, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

XIN ĂN NUÔI CHA MẸ

Dương Hiếu Tử người làng Vu Kiều, huyện Võ Tiến, tỉnh Giang Tô; cảnh nhà hết sức nghèo khổ, cha mẹ lại ốm yếu, thường xuyên bệnh tật, quanh năm lúc nào cũng cần đến thuốc thang. Vì thế, ngoài việc lo cơm cháo còn phải chi tiêu rất nhiều cho việc khám bệnh và mua thuốc men.

Trong hoàn cảnh khó khăn như thế, lại gặp lúc thời cuộc biến loạn, muốn đi làm thuê cũng chẳng ai thuê, Dương Hiếu Tử không biết làm sao để lo chu toàn cho cuộc sống của cha mẹ, vạn bất đắc dĩ chỉ còn cách chịu nhục đi ăn xin để về nuôi cha mẹ mà thôi.

Mỗi ngày xin được bao nhiêu thức ăn, chàng Dương đều mang cả về để cha mẹ dùng trước. Nếu thấy cha mẹ vẫn còn chưa no, cho dù bản thân đói đến hoa mắt đi chăng nữa cũng không dám ăn, luôn chờ đến khi nào cha mẹ ăn no xong, nếu còn dư thừa thì ăn, nếu không còn thì vẫn vui vẻ uống nước qua bữa, hái rau dại cầm hơi, không bao giờ để lộ cho cha mẹ biết mình đói thiếu. Hôm nào được chút thức ăn ngon, dù chưa đến bữa cũng chạy bay về dâng lên cho cha mẹ dùng ngay.



...Hôm nào được chút thức ăn ngon, dù chưa đến bữa cũng chạy bay về dâng lên cho cha mẹ dùng ngay.

Nhưng Dương Hiếu Tử không chỉ lo việc phụng dưỡng cha mẹ bằng miếng ăn thức uống. Dù trong hoàn cảnh khốn cùng phải sống nhờ sự bố thí của mọi người, ông vẫn luôn quan tâm đến việc làm cho cha mẹ vui lòng. Mỗi ngày khi về nhà ông đều tìm những chuyện vui để kể cho cha mẹ nghe, lại tự mình học lấy những trò ca múa chốn dân gian, thỉnh thoảng lại vừa hát vừa nhảy múa để làm trò tiêu khiển cho cha mẹ...

Dương Hiếu Tử đi xin về nuôi cha mẹ theo cách ấy đến hơn mười mấy năm trời. Mọi người trong làng đều khuyên ông đi xa lập nghiệp, gửi tiền về nuôi cha mẹ, không phải sống quá khổ nhọc tồi tàn như thế. Dương Hiếu Tử cười đáp:

- Quả thật nếu tôi đi xa làm ăn thì có thể kiếm được tiền, nhưng vì cha mẹ tôi rày đau mai yếu, nếu không có tôi bên cạnh thì biết lấy ai chăm sóc hầu hạ.

Mọi người nghe ông nói như vậy đều cảm động, cho rằng ông đúng là một người con hiếu thảo xưa nay ít có.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

HIẾU DƯỠNG MẸ SINH CON TRAI QUÝ

Thôi Miện từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Cha ông qua đời từ khi ông còn tấm bé, mẹ ông vì quá đau lòng, khóc lóc đến nỗi mù cả hai mắt. Thôi Miện bán cả ruộng vườn, đi khắp nơi tìm thầy hay thuốc tốt về chữa trị cho mẹ, nhưng các danh y được mời đến đều lắc đầu bó tay không chữa được.

Từ khi mẹ trở nên mù lòa, mỗi ngày Thôi Miện đều lo việc phụng dưỡng hết lòng, chí thành cung kính, chăm lo tất cả mọi vấn đề sinh hoạt hằng ngày của mẹ, lúc nào cũng nghiêm cẩn hết mực, không bao giờ thay đổi. Từ những thứ như y phục, đồ ăn, thức uống và tất cả mọi nhu cầu cần thiết trong đời sống hằng ngày của mẹ, Thôi Miện đều tùy theo thời tiết trong năm mà thay đổi sao cho thích hợp, lúc nào cũng làm cho mẹ được cảm thấy vui vẻ, thỏa mái, không thiếu thốn thứ gì.

Những ngày thời tiết tốt đẹp, Thôi Miện dìu mẹ ra ngoài đi dạo hóng mát, hít thở không khí trong lành của đất trời, tận hưởng những làn gió mát thoang thoảng chút hương thơm của mạ non.

Tuy hai mắt của mẫu thân đã mù, không thể thưởng thức phong cảnh đẹp như tranh của làng quê yên bình, nhưng Thôi Miện thường đi cạnh bên miêu tả cảnh vật

bên ngoài cho mẹ nghe, làm cho mẹ ông cũng có cảm giác như đang được tận mắt thưởng thức. Mỗi ngày, trước khi đi ngủ Thôi Miện luôn dành thời gian kể cho mẹ nghe những việc xảy ra trong ngày, để bà không có cảm giác cách biệt với mọi sinh hoạt xã hội.

Về sau, Thôi Miện làm quan ngày càng thăng tiến, song lúc nào cũng vẫn giữ một mực cung kính đối với



... ông còn tự tay trồng rất nhiều loại cây ăn trái trong vườn nhà mình như đào, mận, quýt... Do đó mà suốt bốn mùa trong năm lúc nào cũng có trái cây tươi ngon ngọt để dâng lên mẹ.

mẹ già, luôn tự mình chăm sóc phục dịch mọi sinh hoạt hằng ngày chứ không bao giờ để cho gia nhân làm thay. Ngoài ra, ông còn tự tay trồng rất nhiều loại cây ăn trái trong vườn nhà mình như đào, mận, quýt... Do đó mà suốt bốn mùa trong năm lúc nào cũng có trái cây tươi ngon ngọt để dâng lên mẹ.

Sau khi mẹ già trăm tuổi, Thôi Miện lại phát tâm ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật hồi hướng phước lành cầu cho mẫu thân được vãng sinh về Tịnh độ.

Bởi suốt một đời Thôi Miện luôn nêu cao tấm gương hiếu hạnh, nên con cháu của ông cũng đều rèn luyện được nhân cách hơn người. Thôi Miện làm quan đến chức Trung thư thị lang, con trai được phong làm Hữu phủ, là một trong những danh tướng thời bấy giờ.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

CHU THỌ XƯƠNG HẾT LÒNG TÌM MẸ

Chu Thọ Xương triều Tống là con của quan Hình bộ thị lang Chu Tốn. Mẹ ông là Lưu thị, xuất thân thấp hèn. Năm Thọ Xương lên 7 tuổi, cha mẹ chia tay nhau không còn sống chung. Về sau mẹ ông tái giá rồi theo chồng, biệt vô âm tín.

Sau khi Thọ Xương lớn lên, thường luôn nhớ nghĩ đến mẹ, song không còn chút manh mối nào để có thể biết được hiện giờ mẹ đang lưu lạc nơi đâu. Ông vì thương nhớ mẹ mà trong lòng không lúc nào nguôi được nỗi buồn. Cuối cùng, ông quyết định từ quan, nhất định lên đường tìm gặp cho được mẹ.

Ông trải qua vạn dặm đường đời, nếm đủ trăm cay ngàn đắng, lưu lạc khắp nơi nhưng vẫn chưa đạt được ý nguyện. Mỗi khi dò la được chút tin tức gì ở nơi đâu, dù rất mơ hồ, ông cũng lập tức băng đèo lội suối tìm đến tận nơi, hy vọng tìm gặp lại được người đã mang nặng đẻ đau ra mình.

Sự tìm kiếm của Chu Thọ Xương quả thật chẳng khác nào mò kim đáy bể! Thời gian trôi qua đã xóa hết đi mọi dấu vết mong manh mà mẹ ông để lại. Những lần dọ hỏi tìm tòi của ông phần lớn chỉ nhận được những cái lắc đầu ngơ ngác và những câu trả lời không manh

mối. Dù vậy, ông vẫn nuôi hy vọng sẽ gặp lại được mẹ hiền, vẫn không mỏi mệt đêm ngày tìm kiếm khắp nơi.

Chu Thọ Xương vốn từ nhỏ đã tin theo Phật giáo, thường đến chùa lễ Phật, cúng dường Tam bảo, cứu giúp người nghèo khó. Trên đường gian nan tìm mẹ, ông càng vững lòng tin hơn nữa, lúc nào cũng cầu nguyện chư Phật gia hộ cho việc tìm mẹ của mình sớm được kết quả. Hơn thế nữa, ông còn phát nguyện tự mình sao chép trọn bộ Thủy sám thành rất nhiều bản,



.... Hai mẹ con đã hai mươi mấy năm không gặp, ôm nhau òa khóc giữa đường...

truyền rộng ra khắp nơi để làm lợi ích cho nhiều người. Bản thân ông cũng thường trì tụng không mệt mỏi và luôn để tâm tự xét những lỗi lầm của mình để sám hối và tu dưỡng.

Quả nhiên, sự quyết tâm và những nỗ lực của Chu Thọ Xương cuối cùng rồi cũng được đền đáp. Một hôm, ông phiêu bạt đến vùng Đồng Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây, hết sức tình cờ gặp lại được mẹ. Tuy tóc bà đã bạc trắng, khuôn mặt khô gầy thay đổi rất nhiều qua thời gian, nhưng ông vẫn còn nhớ rõ như in và lập tức nhận ra ngay khi nhìn thấy bà đang chậm rãi bước đi trên đường. Kể cũng lạ, lúc bà ra đi thì Thọ Xương chỉ là đứa bé 7 tuổi, hôm nay đã lớn khôn trưởng thành, trải qua hơn hai mươi năm dài, thế mà hình dáng của mẹ vẫn được ông ghi khắc kỹ trong lòng, vừa thoáng nhìn là đã nhận ra được ngay.

Nhưng mẹ ông thì không tài nào nhận biết được ông. Ông vội vàng chạy đến gọi mẹ, vẫn thiết tha như ngày còn bé:

- Mẹ ơi, mẹ ơi! Con là Thọ Xương con của mẹ đây!

Bà mẹ đứng sững lại, ngẩn người kinh ngạc:

- Trời ơi! Thật là con của mẹ đó sao! Làm sao con biết mẹ ở nơi này mà tìm đến?

Hai mẹ con đã hai mươi mấy năm không gặp, ôm nhau òa khóc giữa đường, quả thật là mừng chảy nước

mắt! Rồi bà mẹ khóc nức nở, hỏi han việc những năm qua con sống thế nào. Thọ Xương đem việc lang thang khắp nơi tìm mẹ kể lại, khiến bà không khỏi ngậm ngùi rơi nước mắt.

Thế là Chu Thọ Xương liền rước mẹ về nhà, hết lòng hiếu dưỡng. Từ đó ông mới nhận làm chức quan Tư nông thiếu khanh, ngoài việc triều chính ra thì dành hết thời gian để chăm sóc, phụng dưỡng mẹ già, dốc lòng hiếu thuận.

Không bao lâu, câu chuyện tìm mẹ của Chu Thọ Xương đã trở thành một giai thoại được truyền đi khắp nơi, ai nghe thấy cũng hết lòng ngưỡng mộ, kính phục.

(trích *Mộng Khê bút đàm*)

TU THÂN VÀ GIÚP NGƯỜI ĐỂ BÁO ÂN

Lâm Thừa Mỹ người Phúc Kiến, từ nhỏ đã sớm mồ côi cha, mẹ ông phải hết sức gian khổ mới nuôi dưỡng dạy dỗ ông được nên người. Ngờ đâu, đến lúc ông công thành danh toại thì mẹ hiền cũng sớm lìa trần, khiến ông không khỏi buồn đau thương tiếc. Lâm Thừa Mỹ ngày đêm nghĩ nhớ đến ơn sâu của cha mẹ, chẳng biết làm sao đáp đền, vì thế mà ngày đêm khóc thương rơi lệ.

Một hôm, tình cờ gặp được một vị thiền sư, biết được nổi khổ tâm của ông liền khuyên rằng:

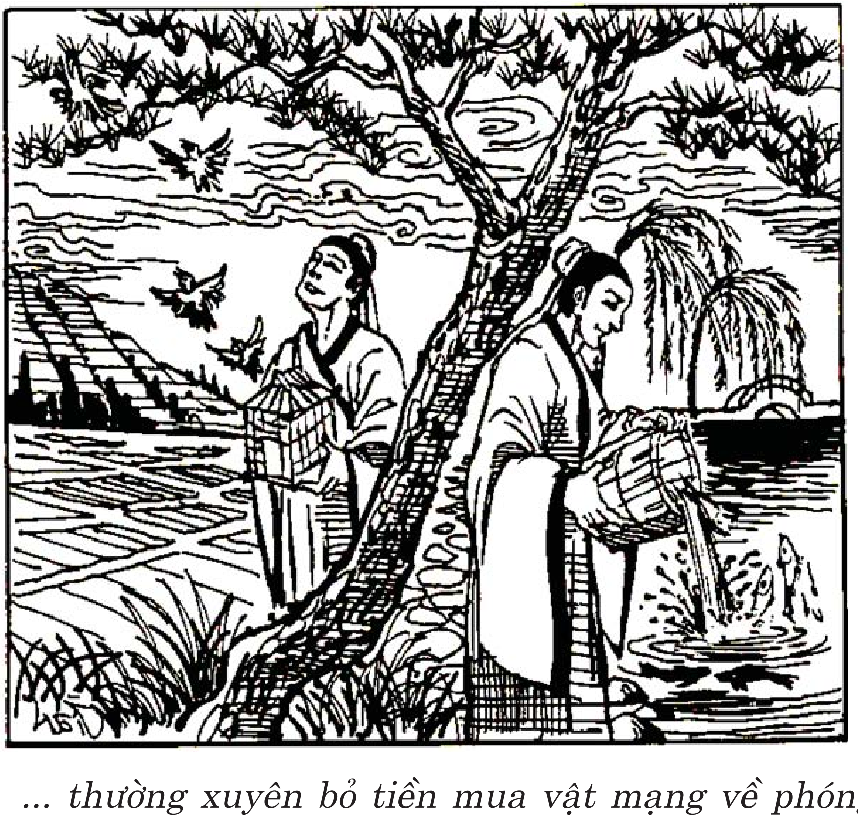
- Người con hiếu nghĩ nhớ đến ơn sâu của cha mẹ phải nghĩ cách báo đáp, nếu chỉ khóc thương thì cũng chẳng ích gì. Nay ông cần biết việc báo đáp công ơn cha mẹ phải làm như thế nào. Người xưa có dạy: "Làm điều lành, mẹ cha được phần lợi ích; làm điều ác, mẹ cha phải chịu tổn hại." Nếu ông muốn báo đáp ơn sâu của cha mẹ thì chỉ có một cách duy nhất là tu hành giới sát, chấm dứt những khổ đau do sự giết hại gây ra, đồng thời phát tâm mua rất nhiều vật mạng về phóng sinh, hồi hướng mọi công đức về cho cha mẹ. Đây chính là phương cách báo hiếu cao cả và chân chính hơn hết.

Lâm Thừa Mỹ nghe qua lời dạy của vị thiền sư, hết sức mừng rỡ, liền lập tức vâng làm theo. Từ đó về sau

phát nguyện ăn chay giới sát, từ bỏ sự giết hại, đồng thời thường xuyên bỏ tiền mua vật mạng về phóng sinh, lại làm rất nhiều việc lành, cứu giúp mọi người.

Việc làm của ông nêu lên một tấm gương sáng về hiếu hạnh cho tất cả những người làm con. Cuối đời, ông hưởng thọ đến 96 tuổi, tiếng thơm lưu truyền khắp chốn.

(trích *Âm chất văn quảng nghĩa*)



... thường xuyên bỏ tiền mua vật mạng về phóng sinh, lại làm rất nhiều việc lành, cứu giúp mọi người.

HIẾU THUẬN THOÁT NẠN SÉT ĐÁNH

Ngô Nhị là một người dân nghèo ở huyện Lâm Xuyên, tỉnh Giang Tây, hầu hạ chăm sóc mẹ già hết sức hiếu thuận, luôn cố gắng làm cho mẹ được vui lòng. Một hôm, có thầy tướng số đi ngang qua nhà, chăm chú nhìn ông hồi lâu rồi nói:

- Cứ theo sát khí hiện thấy thì đúng giờ ngọ ngày mai ông sẽ bị sét đánh chết.

Ngô Nhị nghe như vậy thì vô cùng hốt hoảng. Tuy ông không hề sợ chết nhưng lại sợ không có ai chăm sóc hầu hạ mẹ già, liền theo khẩn khoản van xin thầy tướng số chỉ cho một phương cách cứu nạn. Thầy tướng lắc đầu nói:

- Ta cũng chỉ là thấy sao nói vậy. Chuyện nghiệp duyên nhân quả của mỗi người đều tự làm tự chịu, ta cũng không có cách nào hóa giải được.

Nói rồi dứt áo đi thẳng.

Ngô Nhị lại nghĩ, nếu mình bị sét đánh chắc chắn sẽ làm cho mẹ kinh hãi. Vì thế, sáng hôm sau ông chuẩn bị thức ăn điểm tâm cho mẹ xong liền thưa với mẹ:

- Thưa mẹ! Hôm nay con có chút việc phải ra ngoài, xin mẹ hãy qua ở tạm bên nhà của hàng xóm.

Nhưng người mẹ không chịu đi, lại khăng khăng muốn giữ ông ở nhà. Ông còn đang bận bịu chưa dứt ra đi thì bỗng thấy mây đen kéo đến che kín cả bầu trời, sấm sét nổi lên ầm ầm, chớp nháng rực trời. Ngô Nhị càng thêm lo lắng, sợ nếu mình ở đây thì sét đánh xuống sẽ làm cho mẹ kinh hãi, vội vàng đóng chặt cửa lại rồi chạy thẳng ra ngoài đồng, ngồi đó chờ sét đánh.



.... Ngô Nhị ra ngoài đồng vắng ngồi chờ sét đánh, nào hay mây đen kéo đi, mặt trời xuất hiện.

Không ngờ chỉ trong chốc lát mây tan mưa tạnh, bầu trời lại trong sáng trở lại, Ngô Nhị vẫn không bị sét đánh, bình an trở về nhà.

Hôm sau, thầy tướng số đi ngang nhà nhìn thấy Ngô Nhị thì kinh hãi nói:

- Ông làm sao có thể thoát được đại nạn đó vậy?

Ngô Nhị trả lời "Không biết", rồi kể lại cho thầy tướng số nghe tường tận mọi việc. Thầy gật đầu nói:

- Ta đã rõ rồi. Đó là lòng hiếu thảo của ông cảm động thấu trời xanh, nên mới trải qua đại nạn không chết.

Từ đó về sau, Ngô Nhị càng hết lòng hiếu kính với mẹ già, xóm giềng trông thấy không ai là không kính phục.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

CON HIẾU XẢ THÂN CỨU CHA

Hứa Thản được mọi người tôn xưng là một người con chí hiếu vào đời Đường. Câu chuyện về ông là một câu chuyện có thật nhưng hết sức ly kỳ và khó tin.

Năm Hứa Thản vừa lên mười, một hôm theo cha lên núi hái thuốc. Đi được nửa đường bỗng có một con báo từ trong lùm cây phóng ra, há miệng đỏ như chậu máu, vồ bắt lấy người cha. Trước tình huống hết sức nguy cấp đó, tuy Hứa Thản chỉ là một đứa trẻ nhưng lại hết sức bình tĩnh không chút sợ hãi, vừa lớn tiếng kêu cứu, vừa cúi xuống nhặt ngay một khúc cây dài rồi xăm xăm chạy tới đuổi đánh con báo.

Thật là kỳ lạ! Không biết vì con báo kia bất ngờ trước sự tấn công của cậu bé, hay vì nó khiếp sợ trước lòng dũng cảm của cậu, nhưng sự thật là nó lập tức chùng bước lại rồi quay đầu chạy thẳng mất dạng vào núi.

Cha con Hứa Thản vừa thoát khỏi nanh vuốt thú dữ trong gang tấc, lập tức ba chân bốn cẳng chạy bay về làng, bỏ cả việc hái thuốc.

Câu chuyện này sau đó được lan truyền đi khắp nơi, ai nghe cũng lấy làm thán phục lòng dũng cảm của một cậu bé lên mười đã dám liều thân cứu cha, đuổi được thú dữ. Không bao lâu, câu chuyện đến tai vua Đường Thái Tông. Nhà vua tỏ ra hết sức ngạc nhiên, liền nói với triều thần:



... không chút sợ hãi, vừa lớn tiếng kêu cứu, vừa cúi xuống nhặt ngay một khúc cây dài rồi xăm xăm chạy tới đuổi đánh con báo.

- Hứa Thản chỉ là một đứa trẻ lên mười lại dám xả thân cứu cha, đuổi được mãnh thú, lòng hiếu như thế thật khiến cho người khác phải cảm động, nên ban thưởng thật nhiều để nêu gương tốt cho mọi người.

Liền hạ lệnh ban thưởng rất nhiều cho gia đình Hứa Thản. Về sau, nhà vua lại phong cho Hứa Thản làm quan Văn lâm lang, cả nhà cùng hưởng vinh hoa phú quý.

(trích *Lịch sử cảm ứng thống ký*)

NÀNG DÂU HIẾU THẢO MẸ CHỒNG

Triều Tống có một người phụ nữ hiền lương là Trần thị, năm 20 tuổi xuất giá về nhà chồng, sống một cuộc sống hết sức vui vẻ, tràn đầy hạnh phúc. Ngờ đâu chưa được một tháng sau, người chồng đã phải sung vào quân ngũ, lên đường ra trận. Tình cảnh vợ chồng vừa mới cưới đã ly biệt, thật buồn rầu ủ rũ biết dường nào. Trước lúc chia tay, người chồng ân cần nắm tay vợ nói:

- Sau khi ta đi rồi, nhờ nàng ở nhà chăm sóc phụng dưỡng mẹ già thay ta!

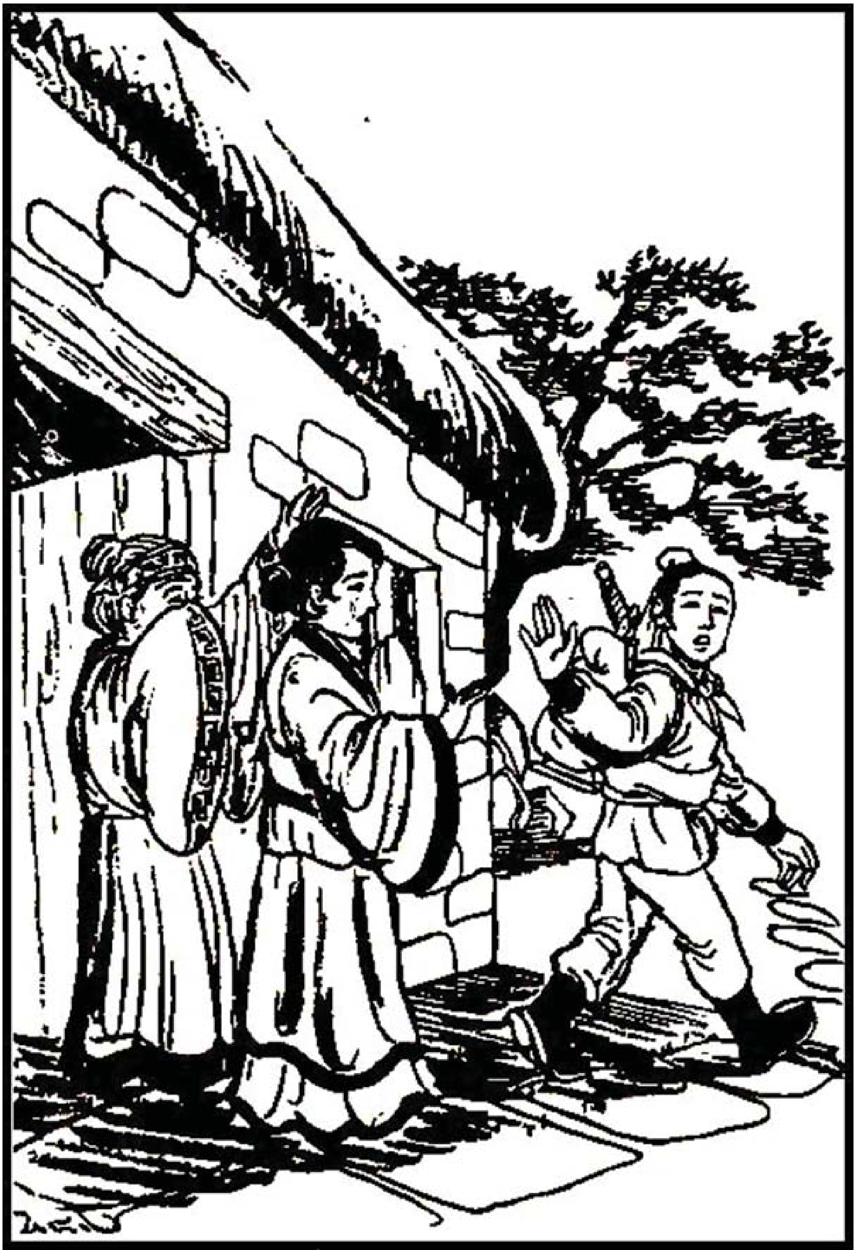
Trần thị cũng cố tỏ ra cứng rắn, ôn tồn an ủi chồng, hứa là sẽ hết lòng chăm sóc nuôi dưỡng mẹ già.

Sau đó không bao lâu thì nhận được hung tin, người chồng không may tử trận. Trần thị đau buồn khôn xiết kể, những muốn quyên sinh theo chồng nhưng vẫn phải gắng gượng sống để còn lo chăm sóc nuôi dưỡng mẹ chồng.

Người cha của Trần thị thấy con gái mình tuổi mới đôi mươi đã rơi vào cảnh góa bụa, liền hết lời khuyên nàng nên tính chuyện tái giá. Song Trần thị kiên quyết nói với cha:

- Thưa cha, con biết cha khuyên như vậy cũng chỉ vì muốn tốt cho con. Nhưng chồng con tuy đã bỏ mình, nhưng mẹ chồng còn đó không người chăm sóc. Nay nếu con bỏ mẹ mà đi lấy chồng khác, đã không vẹn tình nghĩa với chồng, lại không tròn chữ hiếu với mẹ chồng, như vậy chẳng phải là để tiếng xấu cho cả gia đình mình đó sao. Xin cha cho phép con thủ tiết thờ chồng, hết lòng nuôi dưỡng chăm lo cho mẹ.

Cha nàng thấy ý con gái đã quyết nên cũng thôi không khuyên con tái giá nữa. Từ đó về sau, Trần thị siêng năng làm việc, may thuê vá mướn, kiếm được chút tiền nào đều dành dụm lo cho mẹ chồng. Trải qua nhiều năm như thế, trước sau vẫn không một chút lười



... Sau khi ta đi rồi, nhờ nàng ở nhà chăm sóc phụng dưỡng mẹ già thay ta!

biếng mệt mỏi. Đến khi mẹ chồng qua đời, cô còn lo việc chôn cất ma chay đàng hoàng tươm tất.

Lòng thủy chung với chồng và tấm gương hiếu thảo của người con dâu Trần thị đã khiến rất nhiều người cảm động và kính phục. Hoàng đế đương thời biết chuyện liền ban thưởng cho rất nhiều tiền bạc và phong tặng danh hiệu là “*người con dâu hiếu thảo*”.

(trích *Nữ phạm*)

ĐỔI TUỔI THỌ CHO CHA

Hoàng Đạo Hiền được tôn xưng là một người con chí hiếu vào triều Nguyên. Từ nhỏ ông đã bất hạnh mất mẹ, bao nhiêu nỗi nhọc nhằn gian lao đều do một tay cha ông lo liệu, nuôi dưỡng dạy dỗ ông nên người. Cảm nhận được công ơn sâu nặng của cha, Hoàng Đạo Hiền luôn hết lòng chăm lo săn sóc phụ thân, mỗi ngày hai buổi sáng tối đều thành khẩn hỏi thăm xem cha có được khỏe mạnh không, ăn ngủ có ngon không, xưa nay chưa một ngày xao nhãng.

Một năm nọ, người cha mắc phải một chứng bệnh trầm kha, đã mời khắp các danh y đến chữa trị song

bệnh tình vẫn không thuyên giảm, ngày càng trầm trọng hơn, đến nỗi thần thức hôn mê, nằm liệt trên giường. Tất cả danh y đều đã bó tay đầu hàng.

Hoàng Đạo Hiền thấy bệnh tình của phụ thân rất nguy cấp, ngày đêm buồn rầu lo lắng, quên ăn mất ngủ. Bấy giờ, ông không còn biết làm sao được nữa, bèn



...thắp hương khấn nguyện giữa đất trời, xin đổi 12 năm tuổi thọ của chính mình để tăng thêm tuổi thọ cho cha.

thắp hương khấn nguyện giữa đất trời, xin đổi 12 năm tuổi thọ của chính mình để tăng thêm tuổi thọ cho cha.

Quả thật là “tâm thành tất ứng”, ông thành tâm cầu nguyện như vậy suốt mấy ngày đêm, thần thức của cha ông liền dần dần tỉnh lại, bệnh tật cũng lui dần. Rất nhiều danh y thấy người cha của Hoàng Đạo Hiền không dùng thuốc nữa mà lại dần dần bình phục đều ngạc nhiên cho là kì tích.

Sau cơn bệnh ngặt nghèo ấy, quả nhiên cha ông sống thêm được đúng 12 năm nữa rồi mới qua đời. Còn Hoàng Đạo Hiền, tuy tự nguyện xin đổi tuổi thọ cho cha, nhưng ngược lại vẫn sống rất thọ, hơn nữa lại có một cuộc sống giàu sang sung túc, đến lúc lâm chung thân không bệnh khổ, an nhiên lìa trần.

(trích *Vạn thiện chi nguyên*)

THAY NHAU NUÔI CHA MẸ

Vào triều Thanh, tại huyện Sùng Minh, tỉnh Giang Tô có người họ Ngô sinh được bốn đứa con trai. Vì gia đình quá nghèo khổ không đủ sức nuôi dưỡng nên đành phải cho đi làm tôi tớ cho một người nhà giàu.

Mặc dù vậy, nhờ siêng năng cần mẫn nên khi lớn lên thì cả 4 người con trai ấy đều dần dần thoát khỏi cảnh tôi tớ và tự lập thân mình. Sau khi cưới vợ, họ xây dựng được một căn nhà lớn và cả đại gia đình cùng chung sống.

Lúc đầu, họ bàn nhau rằng bốn anh em phải thay phiên nhau phụng dưỡng cha mẹ, mỗi người lo trong một tháng. Nhưng có một người con dâu lại nói:

- Nếu mỗi gia đình phụng dưỡng trong một tháng, hóa ra phải chờ đến 3 tháng sau mới lại có cơ hội hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ. Như vậy tình cảm đối với cha mẹ chẳng phải sẽ phát sinh khoảng cách hay sao? Chi bằng mỗi người chỉ lo phụng dưỡng trong một ngày sẽ tốt hơn!

Nhưng rồi những người con dâu khác cũng không chịu. Một người nói:

- Nếu mỗi người phụng dưỡng một ngày, như vậy cũng phải đến 3 ngày sau mới đến lượt mình, cũng là quá lâu. Thôi thì mỗi người hãy phụng dưỡng cha mẹ trong một bữa mà thôi.

Và tất cả mọi người đồng ý thỏa thuận với nhau từ đó về sau cứ mỗi người lo việc phụng dưỡng chu đáo



... cả năm thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà, cháu chắt đông đúc, cả thảy đến hơn 20 người, thật là hiếm có trên đời.

cho cha mẹ một bữa ăn trong ngày, sau đó đến người khác, cứ luân phiên như vậy.

Thật là kỳ thú, cái vòng xoay luân phiên phụng dưỡng cha mẹ như thế kéo dài qua nhiều năm mà vẫn trước sau như một, không có ai trong bọn họ tỏ ra chán nản hay mệt mỏi. Cho đến khi Ngô lão ông đã được 99 tuổi, lão bà cũng đã 97 tuổi, con trai trưởng 77 tuổi, con trai thứ 76 tuổi, còn con trai thứ ba và tư cũng đều bạc tóc, mà cả đại gia đình họ vẫn sống chung ấm êm hòa thuận.

Gia đình họ Ngô này cả năm thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà, cháu chắt đông đúc, cả thảy đến hơn 20 người, thật là hiếm có trên đời. Đó đều là do nơi lòng hiếu thuận của những người con và dâu của Ngô lão, tất cả đều đồng lòng lo việc đáp đền công ơn cha mẹ. Thật đáng kính phục lắm thay, rất đáng làm tấm gương sáng để mọi người cùng noi theo.

(trích *Ngư Dương dạ đàm*)

MỤC LỤC